

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA



1 PHẨM TỰA

CHÁNH VĂN:

1. Tôi nghe như thế này: Một thưở nọ đức Phật ở trong núi Kỳ Xà Quật, nơi thành Vương Xá, cùng chúng đại Tỳ kheo một muôn hai nghìn người câu hội. Các vị đó đều là bậc A-la-hán, các lậu đã hết, không còn phiền não, việc lợi mình đã xong, dứt sự ràng rịt trong các cõi, tâm được tự tại. Tên của các vị đó là: A Nhã Kiều Trần Như, Ma Ha Ca Diếp, Ưu Lâu Tần Loa Ca Diếp, Đà Gia Ca Diếp, Nan Đề Ca Diếp, Xá Lợi Phất, Đại Mục Kiền Liên, Ma Ha Ca Chiên Diên, A Nậu Lâu Đà, Kiếp Tân Na, Kiều Phạm Ba Đề, Ly Bà Đa, Tất Lãng Già Bà Ta, Bạc Câu La, Ma Ha Câu Si La, Nan Đà, Tôn Đà La Nan Đà, Phú Lâu Na Di Đa La Ni Tử, Tu Bồ Đề, A Nan, La Hầu La v.v... Đó là

những vị đại A la hán, hàng tri thức của chúng.

Lại có bậc hữu học và vô học hai nghìn người. Bà Tỳ kheo ni Ma Ha Ba Xà Ba Đề, cùng với quyến thuộc sáu nghìn người câu hội, mẹ của La Hầu La là bà Tỳ kheo ni Gia Thâu Đà La cũng cùng với quyến thuộc câu hội.

GIẢNG:

Đây là phần lục chủng chứng tín, hay lục chủng thành tựu, phần này còn dài. Ở đây giải trước phần đầu này.

***Tôi nghe:** gọi là Văn thành tựu. Tức là chỉ cho Ngài A Nan, Ngài nghe.

A Nan là một vị đa văn đệ nhất, dịch là Khánh Hỷ, Ngài là em chú bác với Phật. Sử chép Ngài A nan có dung mạo rất là đẹp đẽ, mặt như trắng tròn, mắt như sen xanh, thân như gương sáng. Ở trong hàng đệ tử lớn của Phật Ngài A Nan đặc biệt từ trước tới sau đều được mọi người kính mến. Theo kinh luận xưa nói có ba vị A Nan là:

1. A Nan Đà: dịch là Khánh Hỷ, Hoan Hỷ.
2. A Nan Bạt Đà: dịch là Hoan Hỷ Hiền.
3. A Nan Bà Già: gọi là Hoan Hỷ Hải.

Theo bộ luận xưa và theo Kinh Niết Bàn, Ngài A Nan có đủ tám pháp:

Tín căn kiên cố: Nghe qua 12 bộ kinh, Ngài liên tin nhận vững chắc và hay sanh được tất cả pháp lành.

Tâm chất trực ngay thẳng: tâm Ngài ngay thẳng chân thật. Nghe rồi thì y chánh pháp mà tin thôi, luôn luôn lia tà kiến hư vọng.

Thân không bệnh khổ: Ngài được phước thân không bệnh khổ.

Siêng năng tinh tấn: Ngài thường siêng năng tinh tấn.

Đầy đủ niệm tâm: Nghe rồi tâm nhớ nghĩ không quên.

Tâm không kiêu mạn: Ngài tuy được đa văn nhưng không kiêu mạn.

Thành tựu định ý: tất nhiên nghe rồi y pháp tu nhiếp tâm, thành tựu được thiền định.

Từ nghe mà sanh trí: tức là Ngài nghe những nghĩa thú vô lượng, khiến sanh được những trí tuệ sáng thêm, đều rõ thấu được tất cả.

Phần này gọi là phần Văn thành tựu.

***Như thế này:** là Tín thành tựu, chỉ cho pháp được nói ra.

***Một thuở nọ:** Là thời thành tựu. Nghe nói, nói cái gì? - Tức nói Pháp Hoa này. Nói ở đâu? Lúc nào? Ở đây nói một thuở thôi, không nói lúc đó là lúc nào. Bởi vì thời gian xưa tới nay là cách xa, thứ hai từ Ấn Độ qua Trung Hoa lịch số xưa có sai biệt. Do đó trên đây nói một thuở vậy thôi.

***Đức Phật:** là chủ thành tựu.

***Ở trong núi Kỳ Xà Quật, nơi thành Vương Xá:** là xứ thành tựu, tức là chỗ nơi nói ở đâu.

Núi Kỳ Xà Quật: Dịch là Linh Thú, nói gọn là Linh Sơn. Núi này nằm ở Đông Bắc thành Vương Xá, nước Ma Kiệt Đề hoặc Ma Kiệt Đà. Bởi vì núi này phần đỉnh giống như đầu con chim thú, cho nên gọi là Linh Thú. Ở đây còn có ý nghĩa là núi này phía nam có rừng gọi là rừng Thi Đà, nơi đây dùng để bỏ thầy người chết. Bởi vậy các vị Tỳ kheo khi quán bất tịnh thường vào đây quán. Vườn này bỏ thầy chết nên chim thú thường đến đây ăn xong rồi bay đậu trên

núi này, nên cũng gọi là Linh Thứu. Ngài Trí Giả nói núi này có năm ngôi tinh xá là:

Tinh xá Thiên Chủ Huyệt

Tinh xá Thất Diệp Huyệt

Tinh xá Xà Thần Sơn

Tinh xá Thiếu Độc Lục Sơn

Tinh xá Kỳ Xà Quật Sơn

Thành Vương Xá: tên tiếng Phạn gọi là La Duyệt Kỳ. Đây là thủ đô của nước Ma Kiệt Đà. Thành này lúc đương thời do Vua Bình Sa Vương trị vì, sau đó là Vua A Xà Thế, hiện nay vẫn còn nền cũ ở bên phía nam của thành phố vùng Trung du sông Hằng. Đó là một trong những trung tâm truyền giáo của đức Phật ngày xưa. Là chỗ thịnh hành nhất của Phật giáo trong thời đức Phật.

Theo bộ Đại Đường Tây Vực Ký, trong vùng phụ cận này có hai suối nước nóng, có tháp hàng phục voi say. Khi Vua A Xà Thế thả voi say đến đạp Phật, được Phật hàng phục, cho nên có tháp đó. Có thất đá Tát-bát-la, thất đá của Đề Bà Đạt Đa nhập định. Có tháp của Tỳ kheo tự sát chết, có tháp xá lợi Phật, tháp xá lợi nửa thân của Ngài A Nan, có trụ đá của Vua A Dục. Đây là nói qua về xứ thành tựu.

***Chúng thành tựu:** rất dài, trước là các vị đại Tỳ kheo một muôn hai nghìn người câu hội, tên các vị đó là: A Nhã Kiều Trần Như, Ma Ha Ca Diếp... La Hầu La. Đó là những vị đại A la hán hàng tri thức của chúng. Lại các bậc hữu học và vô học, các Tỳ kheo, các bậc đại Bồ Tát như Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Đạo Sư Bồ Tát. Sau đó đến Thiên Long Bát Bộ, Thích Đề Hoàn Nhơn cùng quyến thuộc, Minh Nguyệt Thiên Tử... Bửu Quang Thiên Tử, Tự Tại Thiên Tử, Đại Tự Tại Thiên

Tử, chủ cõi Ta bà như Phạm Thiên Vương v.v... Có tám vị Long Vương, bốn vị A Tu La Vương, bốn vị Ca Lô La Vương, cuối cùng là vua A Xà Thế cùng trăm nghìn quyến thuộc khác cùng câu hội.

A Nhã Kiều Trần Như: đây là một trong năm vị Tỳ kheo Phật độ đầu tiên ở vườn Lộc Dã. Kiều Trần Như là họ, dịch là Hỏa khí, thuộc dòng Bà la môn. A Nhã là tên, dịch là Liễu Giải hoặc Dĩ Tri hay Sơ Tri, còn gọi là Vô Trí. Là vị khi Phật giảng về Tứ Đế, Phật hỏi: "Ai hiểu chưa?" thì Ngài là người hiểu đầu tiên. Ở trong hàng đệ tử Phật, Ngài là một Trưởng lão có tuổi hạ cao nhất.

Năm vị Tỳ kheo đầu tiên là:

- Ngài A Nhã Kiều Trần Như.
- Ngài Bạt Đà La, có khi gọi là Ba Đề.
- Ngài Thập Lực Ca Diếp.
- Ngài Bà Sáp Ba.
- Ngài A Thấp Ba Thệ.

Ma Ha Ca Diếp: tức là Ngài Đại Ca Diếp, vì Ca Diếp có nhiều vị. Trung Hoa dịch là Quy Thị hay Âm Quang, vì Ngài có thân sáng chói. Tên của Ngài là Tất Bát La, do khi xưa mẹ ngài cầu nơi thọ thân Tất Bát La mà sinh ra nên lấy đó đặt tên. Ngài là vị tu hạnh đầu đà bậc nhất.

Ưu Lô Tần Loa Ca Diếp, Già Da Ca Diếp, Na Đề Ca Diếp: là ba anh em Ca Diếp, gọi là tam Ca Diếp.

Ưu Lô Tần Loa: dịch là Mộc Qua Lâm, là anh của hai vị Ca Diếp kia và cũng là thầy của Vua Bình Sa Vương. Ngài ban đầu tu theo ngoại đạo có 500 đệ tử, tự cho mình đã đắc A La Hán rồi, cho nên khi Phật muốn hóa độ Ngài thì Phật dùng thần thông để độ, nhưng Ngài cứ bảo rằng:

- Tuy là Phật có thần thông như vậy nhưng cũng chẳng bằng ta, vì ta đã đắc A La Hán rồi.

Cuối cùng Phật mới bảo:

- Ông chẳng phải A La Hán, chẳng có được Đạo.

Khi đó ông mới giật mình, sau đó Phật khai thị và Ngài được khai ngộ theo Phật, dẫn thêm 500 đệ tử của Ngài theo luôn. Kế đó hai người em là Già Da Ca Diếp và Na Đề Ca Diếp nghe anh đã theo Phật, trở về cũng theo Phật luôn. Ngài hay cung cấp tứ sự cho tứ chúng, là bậc nhất.

Na Đề: là Hà hay Giang. Ngài tâm ý lặng lẽ, hàng phục hết những kiết sử, tu hành rất là tinh tiến bậc nhất.

Già Da: là Tượng thành. Ngài quán rõ các pháp tất cả đều không. Không có chấp trước và cũng khéo hay giáo hóa bậc nhất.

Xá Lợi Phất: nói đủ là Xá Lợi Phất Ca, dịch là Thân Tử hay Thu Lộ Tử. Đó là vị có trí tuệ bậc nhất, có khi gọi là Xá Lợi Tử như trong Tâm kinh. Mẹ Ngài là con gái vị Luận sư Bà la môn ở thành Vương Xá. Khi còn ở trong bụng mẹ, Ngài đã giúp mẹ biện luận hơn hẳn tất cả mọi người.

Đại Mục Kiền Liên: Mục Kiền Liên là họ, dịch là Tán Tụng. Tên riêng là Câu Luật Đà dịch là Thiên Bao, cũng thuộc dòng Bà la môn, ở thôn Câu Luật Đà. Ngài với Ngài Xá Lợi Phất là hai người bạn thân từ nhỏ. Trước khi theo Phật thì Ngài theo ông San Xà Dạ, sau khi Ngài Xá Lợi Phất quy y Phật thì Ngài cũng theo Phật và Ngài đắc được thần thông bậc nhất. Đó là hai vị đại đệ tử của Phật.

Ma Ha Ca Chiên Diên: dịch là Đại Tiên, cũng dịch là Chung Nam, ở xứ A Bàn Đề miền Tây Ấn Độ.

Trước Ngài theo tu học với Tiên A Tư Đà (ông Tư Đà coi cho Thái tử Tất Đạt Đa khi mới sinh ra). Sau khi Tiên A Tư Đà mất có dặn lại Ngài hãy đến lễ Thế Tôn để thờ làm thầy. Cho nên sau đó Ngài đến và theo Phật. Ngài là vị Luận nghị bậc nhất.

A Nậu Lâu Đà: có chỗ gọi là A Na Luật, dịch là Vô Bần hay Như Ý, là vị Thiên nhân bậc nhất, con của vị Cam Lộ Phạn Vương, là anh em chú bác với đức Thế Tôn. Ngài xuất gia cùng một lúc với các Ngài A Nan, Ngài Nan Đà, ngài Ưu Ba Ly v.v...

Kiếp Tân Na: dịch là Phòng Túc, do cha mẹ của Ngài cầu ngôi sao Phòng rồi cảm sanh ra. Lúc đầu Ngài xuất gia nhưng chưa có gặp Phật. Nghe nói Phật thì Ngài hướng về Phật, trong đêm đó gặp trời mưa, cho nên Ngài nghỉ tạm trong phòng của một người thợ gốm, lấy cỏ làm tòa. Sau đó cũng có một vị Tỳ kheo vào đó để nghỉ tạm. Ngài mới lấy tòa cỏ của mình nhường cho vị Tỳ kheo đến sau. Chính Ngài thì ngồi dưới đất, trong đêm đó Ngài hỏi han. Vị Tỳ kheo sau mới hỏi Ngài:

- Vậy chứ ông muốn đi đâu?

Ngài thưa:

- Muốn đi tìm Phật.

Vị Tỳ kheo sau mới vì Ngài mà thuyết pháp. Thuyết pháp xong thì Ngài hoá nhiên đắc đạo. Lúc đó vị Tỳ kheo sau mới hiện hình ra chính là đức Phật hiện đến độ Ngài, ở chung một phòng với đức Phật mà không hay.

Kiều Phạm Ba Đề: dịch là Ngưu Tích hay Ngưu Tư. Do quả báo của kiếp trước, thường sau khi ăn xong thì cái miệng của Ngài hay nhơ nhời như trâu nhơ Ngài được Tôn giả Xá Lợi Phất dẫn dắt tu chứng được

A La Hán. Phật sợ Ngài ở thế gian mọi người thấy vậy chê bai sẽ bị đọa, cho nên Phật bảo Ngài hãy lên cung trời mà ở. Do đó Ngài thường lên cung trời ở. Khi Phật nhập diệt, các vị kết tập kinh điển thì Tôn giả Ca Diếp cho người lên cung trời thỉnh Ngài, lúc đó Ngài mới hay Phật nhập diệt rồi. Nhưng sau đó Ngài cũng không có xuống mà ở trên đó Ngài nhập diệt luôn.

Ly Bà Đa: dịch là Ly Việt hoặc Thường Tác Thanh, Giả Hòa Hợp. Ngài là em của Tôn giả Xá Lợi Phất. Cha mẹ của Ngài cầu sao Ly Bà Đa mà sanh ra. Ngài có lúc gặp mưa vào nghỉ ở một đền thờ Thần, gặp một con quỷ vác cây chết vô trước, còn một con đi sau. Hai con giành nhau cây chết, con nào cũng nói cây chết là của nó, hai con nhờ Ngài phân xử xem của ai. Ngài nghĩ rằng, bây giờ mà nói dối thì cũng chết, vì con nào cũng là quỷ, thôi chi bằng nói thật. Ngài mới chỉ con quỷ vô trước nói là của con quỷ này. Con quỷ sau tức giận nó bèn bứt tay, bứt chân của Ngài. Con quỷ trước thấy vậy cảm thương, nó bèn lấy tay, chân của cây chết ráp vào cho Ngài. Cuối cùng, hai con lấy những phần bứt ra ngoài cùng chia nhau ăn. Lúc này Ngài mới suy nghĩ: "vậy thì thân này là của ai đây?" Vì tay chân của Ngài bị chúng bứt đi, rồi lấy tay chân của cây chết ráp vô, vậy thân này là của ai? Lúc này Ngài mới cảm nhận được thân người là hư huyền không thật, nó không phải là của ta gì hết. Vì vậy khi đến chỗ đức Phật nghe nói lý bốn đại hòa hợp, thì Ngài cảm nhận được và xin xuất gia tu chứng A La Hán.

Tất Lãng Già Bà Ta: dịch là Dư Tập. Ngài có dư tập kiêu mạn 500 đời làm Bà la môn. Có lần Ngài đi ngang qua sông Hằng, nước lúc đó chảy xiết Ngài không qua được, Ngài mới kêu Thần sông Hằng và bảo:

- Này con tiểu tỳ, hãy dừng dòng chảy để cho ta đi qua.

Sau đó Thần sông Hằng đi đến thưa với Phật:

- Đệ tử của Ngài mừng tôi.

Phật kêu Ngài xin lỗi. Nghe lời Phật, Ngài đến chấp tay lại xin lỗi và nói:

- Con tiểu tỳ, thôi chớ giận.

Các vị Tỳ kheo nghe Ngài nói vậy đều cười, vì nói xin lỗi mà như mắng người ta. Phật mới dạy: Đây là do tập khí kiêu mạn nhiều đời của Ngài khi làm Bà la môn đó thôi, chứ sự thật thì Ngài không có tâm kiêu mạn.

Bạc Câu La: dịch là Thiện Dung hoặc là Vĩ Hình. Lúc nhỏ bà mẹ kế ghét Ngài, tìm cách giết hại Ngài đến năm lần nhưng không giết được, bởi vì đây là kiếp chót của Ngài sẽ chứng quả A-La-Hán. Sau cùng Ngài gặp Phật và tu đắc đạo. Đặc biệt Ngài sống đến 160 tuổi, được phước là thân không có bệnh. Ngài được gọi là trường thọ bậc nhất.

Ma Ha Câu Si La: dịch là Đại-Tất, có chỗ gọi là Trường Trảo Phạm Chí, là cậu của Ngài Xá Lợi Phất.

Nan Đà: dịch là Hoan Hỷ, là em khác mẹ với đức Thế Tôn, nhưng để phân biệt với Ngài Mục Ngưu Nan Đà cho nên gọi là Tôn Đà La Nan Đà. Tôn Đà La là tên của người vợ sắp cưới. Theo trong sử cũng có một vị tên là Tôn Đà La Nan Đà là con của một vị đại thương chủ. Nan Đà có nhiều vị, ở đây có hai vị là Nan Đà và Tôn Đà La Nan Đà.

Phú Lâu Na Di Đa La Ni Tử: dịch là Mãn Từ Tử, đây là con một vị Quốc Sư của Vua Tịnh Phạn, cũng thuộc dòng Bà la môn. Trước Ngài cùng 30 người bạn vào trong núi Tuyết tu đắc được tứ thiên và đắc được cả ngũ thông, nhưng chưa đắc được lậu tận thông,

chưa được giải thoát. Sau theo Phật chứng được A La Hán, là vị thuyết pháp bậc nhất.

Tu Bồ Đề: gọi là Không Sanh. Ngài là vị Giải Không bậc nhất (học trong Kinh Kim Cang).

A Nan: là vị thị giả của Phật, Ngài là vị đa văn bậc nhất.

La Hầu La: còn gọi là La Vân, dịch là Phú Chương vì Ngài ở trong bụng mẹ sáu năm. Ngài là một vị Sa di đầu tiên trong Phật Pháp, là một vị Mật hạnh bậc nhất.

Đó là những vị đại A La Hán. Còn những bậc hữu học và vô học là những vị nào?

Hữu học: chỉ cho những bậc Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm và A Na Hàm, bởi vì chưa hoàn toàn sạch hết lậu.

Vô học: phải chứng A La Hán, đã sạch hết phiền não lậu tận, được giải thoát, cho nên gọi là Vô học.

Hàng Tỳ kheo Ni, đó là:

Bà Tỳ kheo Ni Ma Ha Ba Xà Ba Đề: dịch là Đại Ái Đạo, có chỗ gọi là Kiều Đàm Di, chúng chủ Ni, bà là di mẫu của đức Thế Tôn.

Bà Tỳ kheo Ni Gia Thân Đà La: là mẹ của La Hầu La, dịch là Hoa Sắc hay Danh Văn, cùng với quyến thuộc đồng câu hội trong đây. Đó là nói chung tất cả chúng Thanh Văn. Ở đây đặt hàng Thanh Văn trước, bởi vì hàng Thanh Văn là hàng đương cơ, dẫn hàng Thanh Văn tức hàng Nhị thừa để trở về nơi Nhất Phật Thừa. Kế đến mới nói hàng Bồ Tát.

CHÁNH VĂN:

2. Bậc đại Bồ tát tám muôn người đều không thối chuyển ở nơi đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đều chứng đặng pháp Đà La

Ni, nhạo thuyết biện tài, chuyển nói pháp luân bất thối chuyển, từng cúng dường vô lượng trăm nghìn chư Phật, ở nơi các đức Phật trồng các cội công đức. Thường được các Phật ngợi khen, dùng đức từ để tu thân, khéo chứng trí tuệ của Phật, thông đạt đại trí đến nơi bờ kia, danh đồn khắp vô lượng thế giới, có thể độ vô số trăm nghìn chúng sanh.

Tên của các vị đó là: Văn Thù Sư Lợi Bồ tát, Quán Thế Âm Bồ tát, Đắc Đại Thế Bồ tát, Thường Tinh Tấn Bồ tát, Bất Hư Túc Bồ tát, Bửu Chưởng Bồ tát, Dục Vương Bồ tát, Đồng Thí Bồ tát, Bửu Nguyệt Bồ tát, Nguyệt Quang Bồ tát, Mãn Nguyệt Bồ tát, Đại Lực Bồ tát, Vô Lượng Lực Bồ tát, Việt Tam Giới Bồ tát, Bạt Đà Bà La Bồ tát, Di Lạc Bồ tát, Bửu Tích Bồ tát, Đạo Sư Bồ tát v.v... Các vị đại Bồ tát như thế tám muôn người câu hội.

GIẢNG:

Đây nói về các vị Bồ tát thuộc hàng đại Bồ tát chớ không phải thường, trong đó tám muôn người đều là bất thối chuyển ở nơi đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Bồ tát bất thối có ba hạng:

1. **Vị bất thối:** chỉ Bồ tát hàng thất trụ. Thất trụ trong thập trụ, không còn thối chuyển trở lại Nhị thừa nữa, nên gọi bất thối, là vị bất thối.

2. **Hạng bất thối:** là Bồ tát thuộc hàng thất địa thì tu hành không còn thối chuyển nữa.

3. **Niệm bất thối:** là Bồ tát thuộc hàng bát địa. Đến hạng này không cần khắc ý tinh tấn gì nhưng tự

nhiên cũng có thể tiến đạo hết, luôn luôn là được vô công dụng đạo. Đó là những hàng Bồ tát bất thối.

Đà La Ni: dịch là tổng trì, là gom giữ không để sót mất. Những vị này được sức niệm huệ, nghe rồi ghi nhớ không quên.

Nhạo thuyết biện tài: là một trong bốn pháp biện tài vô ngại:

1. Pháp vô ngại: đối với những văn cú văn chương, pháp mà mình đã lãnh ngộ đó, quyết đoán không có ngại. Tức là những pháp về văn cú, về văn chương đều tinh thông.

2. Nghĩa vô ngại: là tinh thông những nghĩa lý của pháp đã nêu bày, quyết đoán rõ ràng không ngại.

3. Từ vô ngại: là tinh thông mọi thứ ngôn ngữ, ngôn từ của địa phương.

4. Biện tài vô ngại: hay gọi là nhạo thuyết biện tài. Đây là tùy thuận chánh lý tỏ bày được vô ngại. Tùy theo chỗ mong muốn của mọi người, của đối phương mà nói ra đều được tự tại.

Đó là bốn pháp biện tài vô ngại. Những vị này là những vị Bồ tát lớn nên được những công đức khác thường, từng cúng dường vô lượng chư Phật, ở nơi các đức Phật trông các cội công đức. Những vị này cũng thường được các Phật ngợi khen dùng đức từ để tu thân, khéo chứng trí tuệ Phật, thông đạt đại trí đến nơi bờ kia, đánh đồn khắp vô lượng thế giới, độ vô số trăm nghìn chúng sanh.... Hàng Thanh Văn dẫn trước tiên, kế hàng Bồ tát, thuộc điểm chính của Kinh nhằm nên ở giữa, sau đây mới tới các vị Trời rồng Bát bộ.

CHÁNH VĂN:

3. Lúc bảy giờ, Thích Đề Hoàn Nhân cùng quyển thuộc hai muôn vị thiên tử câu hội.

Lại có Minh Nguyệt thiên tử, Phổ Hương thiên tử, Bửu Quang thiên tử, bốn vị Đại Thiên Vương cùng với quyển thuộc một muôn thiên tử câu hội. Tự Tại thiên tử, Đại Tự tại thiên tử cùng với quyển thuộc ba vạn thiên tử câu hội.

Chủ cõi Ta bà: Phạm Thiên Vương, Thi Khí Đại Phạm, Quang Minh Đại Phạm v.v... cùng với quyển thuộc một muôn hai nghìn vị thiên tử câu hội.

Có tám vị Long Vương: Nan Đà Long Vương, Bạt Nan Đà Long Vương, Ta Đà La Long Vương, Hoà Tu Kiết Long Vương, Đức Xoa Ca Long Vương, A Na Bà Đạt Đa Long Vương, Ma Na Tư Long Vương, Ưu Bát La Long Vương v.v... đều cùng bao nhiêu trăm nghìn quyển thuộc câu hội.

Có bốn vị Khẩn Na La Vương: Pháp Khẩn Na La Vương, Diệu Pháp Khẩn Na La Vương, Đại Pháp Khẩn Na La Vương, Trì Pháp Khẩn Na La Vương, đều cùng bao nhiêu trăm nghìn quyển thuộc câu hội.

Có bốn vị Càn Thát Bà Vương: Nhạc Càn Thát Bà Vương, Nhạc Âm Càn Thát Bà Vương, Mỹ Càn Thát Bà Vương, Mỹ Âm Càn Thát Bà Vương đều cùng bao nhiêu trăm nghìn quyển thuộc câu hội.

Có bốn vị A Tu La Vương: Bà Trĩ A Tu La Vương, Khư La Khiên Đà A Tu La Vương, Tỳ Ma Chát Đa La A Tu La Vương, La Hầu A Tu La

Vương, đều cùng bao nhiêu trăm nghìn quyển thuộc câu hội.

Có bốn vị Ca Lâu La Vương: Đại Oai Đức Ca Lâu La Vương, Đại Thân Ca Lâu La Vương, Đại Mãn Ca Lâu La Vương, Như Ý Ca Lâu La Vương đều cùng bao nhiêu trăm nghìn quyển thuộc câu hội.

Vua A Xà Thế, con bà Vi Đề Hy cùng bao nhiêu trăm nghìn quyển thuộc câu hội.

Cả chúng đều lễ chân Phật, lui ngòi một phía.

GIẢNG:

Thích Đề Hoàn Nhơn: là Đế Thích, Vua cõi trời Đao Lợi thuộc Dục giới.

Minh Nguyệt thiên tử, Phổ Hương thiên tử, Bửu Quang thiên tử: là những vị thuộc nội thần của trời Đế Thích.

Bốn vị Đại Thiên Vương: thuộc ngoại tướng bên ngoài của trời Đế Thích.

Tự Tại thiên tử: là vị thiên tử của cõi trời Hoá lạc.

Đại Tự Tại thiên tử: là vị Thiên chủ của cõi trời Tha Hoá Tự Tại.

Đây là những vị Trời thuộc về Dục giới.

Chủ cõi Ta bà: Phạm Thiên Vương, Thi Khí Đại Phạm, Quang Minh Đại Phạm: là những vị thuộc cõi trời Sắc giới.

- Thi Khí Đại Phạm là vị Thiên chủ của cõi Sơ thiên.

- Quang Minh Đại Phạm là vị Thiên chủ của cõi

Nhi thiên.

Tám vị Long Vương: Nan Đà Long Vương... là rồng, thuộc Long thần bát bộ.

Bốn vị Khẩn Na La Vương, Pháp Khẩn Na La Vương... là thần ca hát của trời Đế Thích, hình dáng giống như người mà không phải người vì trên đầu có sừng, còn gọi là phi nhân. Đây là thần ca hát.

Bốn vị Càn Thất Bà Vương: Nhạc Càn Thất Bà Vương... dịch là Hương âm, trên người phát ra mùi thơm. Đây là các vị thần đánh nhạc cho trời.

Bốn vị A Tu La Vương: Bà Trì A Tu La Vương... dịch là Phi thiên, có phước như trời nhưng đức không bằng cõi trời. Đây là tâm hay đấu tranh nên sanh vào loài A Tu La, loài này thường hay đấu tranh dữ lắm. Cho nên Phật tử tu phước nhưng phải bớt tâm đấu tranh, nóng nảy, chứ không khéo tuy tu có phước nhưng sanh vào mấy loài này thì cũng không tốt.

Bốn vị Ca Lầu La Vương: Đại Oai Đức Ca Lầu La Vương... đây là thần Kim xí điều. Còn Ma Hầu La Già là thần đại mạng xà. Đó là Thiên long bát bộ hộ pháp.

Vua A Xà Thế, con bà Vi Đề Hy cùng bao nhiêu trăm nghìn quyến thuộc cầu hội.

Cả chúng đều lễ chân Phật, lui ngồi một phía.

Đó gọi là **Chúng thành tựu**. Vậy trong hội Pháp Hoa này có mặt đầy đủ Thiên long bát bộ, Bồ tát, Thanh văn. Cuối cùng Vua A Xà Thế cũng có mặt. Đó là điều đánh thức cho mọi người có đủ niềm tin, Vua A Xà Thế là người có tội giết cha, thuộc tội ngũ nghịch mà cũng được dự trong hội Pháp Hoa. Giống như ông cha sắp phó chúc bàn giao sự nghiệp, cũng vậy ở kinh Pháp Hoa này Phật muốn nói rõ cái bản hoài ra đời của các đức Phật, cho nên nhóm họp hết. Bản hoài đó là gì?

Đó là Ngài muốn mở bày Tri Kiến Phật cho mọi

người ngộ nhập, khiến tất cả tin nhận ai ai cũng có khả năng thành Phật, hoặc duyên gần hoặc duyên xa. Cho nên ở đây các vị Thanh văn là chúng đương cơ được Phật thọ ký trong hội này, còn chúng Bồ tát là người chính để tiến thành Phật, và các vị như Trời, Rồng, người là chúng kết duyên, cũng đều được kết duyên với Pháp Hoa hết, không bỏ sót ai.

Phần này gọi là phần Thông Tự, là phần tựa chung của các Kinh. Kế đây mới nói tựa riêng của Kinh Pháp Hoa.

CHÁNH VĂN:

4. Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn, hàng Tứ chúng vây quanh cúng dường, cung kính ngợi khen tôn trọng, vì các vị Bồ tát mà nói Kinh Đại thừa tên là "Vô Lượng Nghĩa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm".

Nói Kinh này xong, đức Phật ngồi xếp bằng nhập vào chánh định "Vô Lượng Nghĩa Xứ", thân và tâm của Phật đều không lay động.

Khi đó trời mưa hoa Mạn đà la, hoa Ma ha mạn đà la, hoa Mạn thù sa, hoa Ma ha mạn thù sa để rải trên đức Phật cùng hàng đại chúng, khắp cõi Phật sáu diệu vang động.

Lúc bảy giờ trong chúng hội, các hàng Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Cận sự nam, Cận sự nữ, Trời, Rồng, Dạ xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lâu La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, Nhơn, Phi nhơn và các Tiểu Vương cùng Chuyển Luân Thánh Vương, các đại chúng ấy đều đặng thấy việc chưa từng có, vui mừng chấp tay một lòng nhìn Phật.

GIẢNG:

Tựa riêng của Kinh Pháp Hoa là nguyên do phát khởi Kinh này. Như vậy trước khi nói Kinh Pháp Hoa đức Phật nói Kinh "Vô Lượng Nghĩa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm".

Kinh Vô Lượng Nghĩa là nghĩa vô lượng không có lường nổi, là pháp giáo hóa chỉ dạy cho hàng Bồ tát, là chỗ Phật thường hộ niệm, thường giữ gìn. Tại sao nói Kinh Pháp Hoa không nói thẳng đi, lại nói Kinh Vô Lượng Nghĩa trước, có ý nghĩa gì? Mà Kinh gì là Kinh Vô Lượng Nghĩa? Trong tạng Kinh cũng có bài Kinh Vô Lượng Nghĩa ngắn gọn do Ngài Đàm Ma Già Đà Da Xá thời Nam triều dịch khoảng năm 481, Kinh này nói: "Phiền não của chúng sanh vô lượng, cho nên Phật nói pháp cũng là vô lượng. Vì nói pháp vô lượng nên nghĩa cũng vô lượng, cái vô lượng nghĩa đó vốn sanh từ một pháp, pháp đó là vô tướng". Đó là ý bài kinh Vô Lượng Nghĩa, nhưng ở đây kinh này nói đủ là Kinh Vô Lượng Nghĩa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm, mà không kể bài kinh đó ra, chỉ nêu tựa thôi. Đây là một ý ngầm chỉ chỗ nghĩa vô lượng, thì làm sao nói hết, làm sao nghĩ cho cùng, nghĩ cho đến. Như vậy ngay tên đó muốn nhắc nhở mình cái gì?

Tức muốn nghe Kinh Pháp Hoa phải khéo nghe ngoài lời nói, nghe ngoài cái tình thức suy tư, cho nên trước khi nói Pháp Hoa Phật nói Kinh Vô Lượng Nghĩa. Bởi vì, nếu dùng ngôn ngữ nói được hết, dùng tình thức mà suy nghĩ đến thì nó thuộc về hữu hạn, chứ đâu thành vô lượng. Mà đã là vô lượng nghĩa thì có chỗ nào thiếu không? Nghĩa vô lượng là hiển bày khắp chỗ, chỗ nào cũng có, không có tính kể, gió thổi, lá rụng, sum la

vạn tượng đầy đủ. Vậy thì cái gì cũng đang diễn bày cái nghĩa vô lượng đó hết, đâu có thiếu. Cần gì phải mở miệng nói. Do đó có vị Tăng hỏi Thiên sư Duy Chánh:

- Thầy là Thiên sư, sao thầy không nói thiên?

Thiên sư bảo:

- Ngày đêm nhờ vạn tượng diễn bày thôi, ngôn ngữ có gián đoạn, còn pháp này thì vô tận cho nên gọi là tạo hóa vô tận tạng.

Vạn tượng sum la hiển bày tất cả, nếu khéo nghe thì lúc nào cũng nghe được hết, đó mới gọi là cái kho vô tận. Thấy được cái đó là thấy được nghĩa vô lượng, nó trùm khắp mọi nơi không thiếu. Đó cũng là ngầm chỉ cái diệu của tâm pháp chân thật, Diệu pháp là như vậy.

Chính pháp này là pháp dạy cho hàng Bồ tát, là chỗ Phật thường hộ niệm, thường giữ gìn. Cũng giống như hạt châu trên búi tóc của ông Vua, phần sau Kinh Pháp Hoa có nói. Ông Vua có hạt châu quý ở trên búi tóc, hạt châu đó không phải đung ai cho đó, không có vọng cho người, mà phải cho người đúng cơ. Do đó, ở đây muốn nhấn mạnh lại, mình cũng phải chuẩn bị tâm, lắng lòng để đón nhận pháp Phật muốn nói. Bởi vậy, trước khi nói Pháp Hoa Ngài nói Kinh Vô Lượng Nghĩa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm. Nói Kinh này xong Ngài lại nhập định Vô Lượng Nghĩa Xứ, thân và tâm Phật đều không lay động. Chỗ vô lượng đó có dễ dòm thấy chưa? Rồi ở đây thân và tâm của Phật đều không lay động, đó là muốn nhắc mình cái gì?

Nhắc mình trước khi muốn nghe kinh này cũng phải lắng lòng, để cho tạp niệm lắng xặng nó tạm dừng đi thì mới dễ thâm nhập Pháp Hoa này. Cho nên ở đây mới là mở màn thôi mà đã thấy tâm và cảnh đều nhiệm mầu, không thể nghĩ bàn. Lại có điểm đặc biệt,

trong cái chỗ không nói đó nhưng cảm trời mưa hoa, đất sáu điệu vang động, tức là lúc này quên thân tâm, lặng lẽ mà chỗ lặng lẽ đó không phải hoàn toàn giống như là không ngơ, như là cây đá chết.

Mưa hoa gồm bốn thứ hoa là:

- Hoa Mạn đà la: hoa sen trắng.
- Hoa Ma ha mạn đà la: hoa sen trắng lớn.
- Hoa Mạn thù sa: hoa sen đỏ.
- Hoa Ma ha mạn thù sa: hoa sen đỏ lớn.

Rồi đất chấn động sáu điệu. Đất chấn động, đó là gì? - Tức là đất tâm chấn động, mà mình chưa chấn động chút nào hay sao? Cho nên nghe tới chỗ đó mới thấy cái gì sâu xa trong chỗ im lặng của Phật không phải im lặng suông, mà im lặng đó gọi là im lặng vi diệu, im lặng sấm sét, im lặng chấn động cả đất tâm. Chính cái im lặng đó phá đổ cái mầm móng vô minh trong mình, như vậy đó là mở ra cảnh giới không thể nghĩ bàn.

Trong chúng hội thấy được điều đó là điều chưa từng có, cho nên ai nấy lòng đều vui mừng, nhưng cũng không hiểu lý do nên chấp tay một lòng nhìn Phật, để trông chờ Phật sắp nói điều gì đặc biệt mà hiện tượng lạ như vậy. Vậy thì tất cả hãy một lòng trông chờ xem!

CHÁNH VĂN:

5. Bấy giờ, đức Phật từ nơi tướng lông mày trắng giữa chạng mày phóng ra luồng hào quang chiếu khắp cả một muôn tám nghìn cõi ở phương Đông, dưới thời chiếu đến địa ngục A Tỳ, trên suốt thấu trời Sắc Cứu Cánh. Chúng ở cõi này đều thấy cả sáu loài chúng sanh ở các cõi kia. Lại thấy đức Phật hiện tại nơi các cõi kia và

nghe Kinh pháp của các đức Phật ấy nói. Cùng thấy nơi các cõi kia, các hàng Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, cận sự nam, cận sự nữ, những người tu hành đắc đạo.

Lại thấy các vị đại Bồ tát dùng các món ngon duyên, các lòng tin giải, các loại tướng mạo mà tu hành đạo Bồ tát. Lại thấy các đức Phật nhập niết bàn. Lại thấy sau khi các đức Phật nhập niết bàn, đem xá lợi của Phật mà dựng tháp bằng bảy báu.

GIẢNG:

Đến đây Phật từ nơi lông trắng giữa chạng mày đó phóng ra hào quang chiếu suốt cả một muôn tám nghìn cõi phương Đông, suốt cả địa ngục từ dưới đất, trên suốt trời Sắc Cứu Cánh. Chúng ở cõi này thấy sáu loài chúng sanh ở các cõi kia, thấy hiện trạng đạo tràng nơi các đức Phật ở cõi kia, thấy Bồ tát tu hành, thấy Phật nhập niết bàn rồi chúng dựng tháp xá lợi, như vậy ở đây muốn hiện bày cảnh giới gì?

Bởi vì trước khi nói Pháp Hoa để chỉ bày Tri Kiến Phật, là chỗ ngoài lời nói, ngôn ngữ không thể diễn tả hết, cho nên ở đây mới dùng hình ảnh ánh sáng này phóng ra, để nói lên một ý nghĩa ngoài ngôn ngữ, khiến cho người thâm nhận. Tức nhân tướng đó mà thâm nhận cái gì đặc biệt không thể nói. Ánh sáng này chúng ta trông như là ánh sáng của Phật Ngài phóng ra thôi, nhưng mình có ánh sáng này không? Ánh sáng đó nếu chỉ Phật có, còn mình không có phần thì Phật phóng chỉ cho ai? Đó là muốn nhắc nhở mỗi người cũng có ánh sáng đó không thiếu. Ánh sáng đó

là TRÍ TUỆ THỰC TƯỚNG VÔ TƯỚNG. Trí tuệ đó là bật niệm phân biệt đối đãi hai bên, cho nên phóng từ nơi lông trắng giữa chặng mày, là chỉ nó ở giữa không kẹt hai bên. Nếu mình thấy ánh sáng xanh vàng đỏ trắng gì đó thì ánh sáng đó là ánh sáng sanh diệt thô, phóng ra nó có tướng rồi cũng mất. Mà muốn cảm nhận ánh sáng trí tuệ thật tướng đó thì phải quên niệm phân biệt hai bên liền thấy được suốt các cõi nước trước mắt chứ gì! Mở sáng trí tuệ đó thấy tất cả không còn ranh giới, cho nên ngồi đây mà thấy các cõi Phật từ phương Đông, gồm vô lượng cõi nước hết ranh giới, bật niệm phân biệt. Còn mình niệm phân biệt vẫn còn cho nên ngồi đây thấy ngoài kia là có ranh giới rồi, làm sao thấy vô lượng cõi nước kia.

Mà trong ánh sáng đó thì tất cả phàm thánh đều đủ trong đó hết. Sáu đạo chúng sanh cũng có trong đó, các Tỳ kheo, Tỳ kheo ni tu hành đặc đạo cũng có, các vị Bồ tát tu hành đạo Bồ tát cũng có trong đó. Như vậy có phải tìm đâu xa, chỉ cần quên niệm phân biệt bên đây bên kia thì ngay đó rõ được ánh sáng này, tự tâm sáng tỏ liền. Và như vậy thì ánh sáng này nó suốt từ địa ngục A Tỳ, trên trời hữu đảnh, không có chỗ nào thiếu ánh sáng đó. Ngay trong địa ngục cũng có ánh sáng đó nữa. Nghĩa là cho đến tận chỗ tâm hồn đen tối của mình cũng có ánh sáng đó. Nếu khéo bật niệm phân biệt thì từ chỗ tăm tối của nơi tâm mình nó cũng không thiếu, nó suốt hết. Vậy ngay trong khoảng ánh sáng phóng ra thì cái gì thấy? - Mắt thấy! Đó là muốn đánh thức từ nơi con mắt này, nơi tánh thấy này mình khéo nhận thì nó đầy đủ hết.

Còn điểm đặc biệt nữa là Phật phóng ánh sáng đó mà có thấu lại chưa? Tức là bây giờ cũng còn, còn

đợi chờ đó, sẵn đó ai cũng có quyền thấy được, vì Phật chưa thu lại. Đó là điểm mà người đọc Kinh Pháp Hoa ít ai để ý!

Phật phóng ánh sáng đó, phóng trong lúc nào? - Trong lúc nhập định thân tâm chẳng động. Vậy nói lên ý nghĩa gì?

Thân tâm chẳng động là nghĩa tịch. Tức lặng lẽ mà phóng ánh sáng, là chiếu soi. Lặng lẽ mà chiếu soi rõ ràng. Tức là đầy đủ hai nghĩa tịch và chiếu. Tâm của mình nếu đầy đủ hai nghĩa tịch và chiếu thì đó là tâm Phật.

Mình thường thường theo chiếu mà quên tịch, còn có khi chìm trong tịch mà quên chiếu. Cho nên tịch tịch một hồi lâu thì gục gặc cái đầu, còn nếu theo chiếu một lúc rồi thì nó chiếu cả tới thành phố bên Mỹ, bên Tây và quên tịch luôn. Phải đầy đủ tịch và chiếu thì ngay đây hiện tiền sáng ngời đầy đủ tâm Phật rõ bày. Vì vậy ở đây Phật nhập định, trong nhập định đó thì chiếu soi tất cả. Nếu mình tu mà nó được tương ứng hai nghĩa đó: tịch và chiếu, thì đảm bảo nơi đây ngộ đạo dễ dàng, Tri Kiến Phật thấy cũng dễ, không xa. Còn mình theo ánh sáng Phật phóng ra đó rồi thấy đủ cảnh giới này, cảnh giới kia, thấy tuốt cõi trời, lúc đó quên nghĩa tịch hồi nào không hay.

Nếu nói theo Kinh Kim Cang đó là có chỗ trụ. Ở đây phải chiếu mà không rời cái nghĩa tịch, tức chiếu mà vô trụ, như vậy mới thấy Phật phóng ánh sáng hiện đủ, nhưng mà Ngài chẳng rời thân tâm bất động. Mình tu hành cũng vậy, phải đầy đủ hai nghĩa tịch và chiếu đó thì đúng, còn nghiêng một bên là sai.

Do đó, một ánh sáng này thôi thì đức Phật đã truyền cái gì cho mình rồi? - Truyền cái Diệu tâm Niết

bàn, chánh pháp nhãn tạng cho rồi, chớ đâu phải tìm cái gì khác nữa. Mình nghe truyền Diệu tâm Niết bàn hay Chánh pháp nhãn tạng, tưởng gì cao siêu ở cõi nào đâu, không ngờ ngay đây thôi. Như vậy Ngài phóng ánh sáng đó, cùng với chuyện đưa cành hoa sen có khác nhau không? Phóng ánh sáng đó cũng là khơi dậy cái thấy đang hiện hữu nơi mình đó! Đưa cành hoa sen lên mình cũng thấy, khéo thấy chỗ đó thì khéo thấy ánh sáng này chứ không phải có gì khác lạ

Ở đây cần chú ý cho kỹ, ánh sáng này nó hiển bày tất cả cảnh giới, từ địa ngục cho đến cảnh trời, các cõi Phật, các vị Bồ tát, Thanh văn tu hành gì nó hiện đủ tất cả hết, nhưng mà nó có là cái gì không? Nó soi suốt tất cả hết nhưng nó không là cái gì hết. Cũng vậy, mình thấy biết tất cả, thấy vật, thấy cảnh đều thấy nhưng không là gì hết, “Thấy biết vẫn là thấy biết thôi”, thì ngay đó liền cảm nhận ánh sáng này, khởi trở về cách đây hai ngàn mấy trăm năm, lâu xa. Đó cũng là ý nghĩa đánh thức cho mọi người theo dòng thấy biết này nhận ra được tự tánh. Một cái phóng ánh sáng đó, người lanh lợi là biết chỗ về, khởi phải tìm đâu xa.

CHÁNH VĂN:

6. Khi ấy, Ngài Di Lạc Bồ tát nghĩ rằng: "Hôm nay đức Thế Tôn hiện thân biến tướng, vì nhân duyên gì mà có điềm lành này". Nay đức Phật đương nhập chánh định, việc biến hiện hy hữu không thể nghĩ bàn này nên hỏi ai, ai đáp được?

Ngài lại nghĩ: "ông Pháp Vương Tử Văn Thù Sư Lợi này đã từng gần gũi cúng dường vô

lượng các đức Phật đời quá khứ, chắc đã thấy tướng hy hữu này, ta nên hỏi ông".

Lúc đó hàng Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, cận sự nam, cận sự nữ và các Trời, rồng, quỷ, thần v.v... đều nghĩ rằng: "Tướng thần thông sáng chói của đức Phật hiện đây, nay nên hỏi ai?"

7. Bấy giờ, Ngài Di Lặc Bồ tát muốn giải quyết chỗ nghi của mình, Ngài lại xét tâm niệm của bốn chúng Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, cận sự nam, cận sự nữ và cả chúng hội Trời, rồng, quỷ, thần v.v... mà hỏi Văn Thù Sư Lợi rằng: "Vì nhân duyên gì mà có tướng lành thần thông này, Phật phóng ánh sáng lớn soi khắp một muôn tám nghìn cõi ở phương Đông, đều thấy cõi nước trang nghiêm của các đức Phật?"

Khi đó Ngài Di Lặc muốn nói lại nghĩa trên, dùng kệ hỏi rằng:

GIẢNG:

Ở đây Phật phóng ánh sáng đó rồi, Bồ tát Di Lặc khởi nghi, Ngài nghĩ: "Hôm nay đức Thế Tôn hiện thần biến tướng, vì nhân duyên gì mà có điềm lành này", Di Lặc sao khởi nghi? Bởi vì Ngài Di Lặc là tượng trưng cho thức. Đây không phải chỗ thức mà hiểu được, vì thức là phân biệt, cho nên thức thì khởi nghi, còn Phật thì đang nhập định thì làm sao hỏi? Do đó phải hỏi Ngài Văn Thù Sư Lợi thôi. Đó là muốn đánh thức cái tình thức mê lầm của mình, tình thức mê lầm là theo duyên, mà đây mình phải chuyển thức trở về trí. Ngài Văn Thù Sư Lợi chỉ cho căn bản trí hay gọi là trí sẵn có, trí bản hữu nơi mọi người. Bởi vậy

Ngài Ngài Văn Thù là vị Bồ tát từng gần gũi chư Phật, nên hỏi Ngài là chắc chắn xong. Chư Phật cũng chứng ngộ nơi trí căn bản này mà thành Phật. Trí này cũng gọi là Vô Sư trí. Chính trí vô sư đó nó tỏ suốt được chỗ này. Do đó muốn thấu được ánh sáng này, phải từ căn bản trí này mà thâm nhận, và đó cũng là ý nghĩa nhắc nhở người phải quên các niệm phân biệt kia đây. Vì căn bản trí là trí vô phân biệt.

Do đó, ở đây Ngài Di Lặc nghi, Ngài hỏi, và Ngài Văn Thù sẽ trả lời. Một điểm nữa là, bao nhiêu việc của chư Phật, Bồ tát, chúng sanh mà hiện ra ở trong ánh sáng đó, mà ngay đây thấy đủ hết, không sót gì, chỉ trong một lúc, một thời gian ngắn thôi. Tin nổi không? Là ngầm ý muốn nhắc cái gì? - Nếu sống được trở về với Tri Kiến Phật này, quên được niệm phân biệt kia đây, tức sẽ quên cái niệm về thời gian, quên niệm về không gian. Thời gian lâu mau sẽ không thành vấn đề, không gian xa gần cũng không thành vấn đề, ngay một niệm đây tỏ suốt được là đầy đủ, trong nhà Thiền gọi là một niệm muôn năm. Mình chưa kinh nghiệm thì thấy khó hiểu, nhưng người có công phu rồi kinh nghiệm thấy rõ, ngồi thiền lúc đầu chưa quen, ngồi nửa tiếng thì lúc còn năm phút cuối đau quá tưởng còn lâu, trông cho mau hết để xả. Còn nếu ngồi an rồi, ngồi hai tiếng mà tưởng như mới năm, mười phút. Tùy theo tâm niệm, khi đau năm phút, mười phút thấy dài đằng đằng, khi tâm yên lặng hai tiếng, ba tiếng thấy như chốc lát. Đây cũng vậy, tâm mà sống được chỗ này rồi, thì quên niệm thời gian, quên niệm không gian. Đó là điểm người chứng nghiệm dễ cảm nhận được. Ngài Di Lặc dùng lời kệ tóm tắt ý trên.

CHÁNH VĂN:

8- Ngài Văn Thù Sư Lợi!
Đức Đạo Sư cố chi
Lông trắng giữa chạng mờ
Phóng ánh sáng khắp soi?
Trời mưa hoa Mạn đà
Cùng hoa Mạn thù sa
Gió thơm mùi chiên đàn
Vui đẹp lòng đại chúng
Vì như duyên như vậy
Cõi đất đều nghiêm tịnh
Mà trong thế giới này
Sáu điệu vang động lên
Bấy giờ bốn bộ chúng
Thấy đều rất vui mừng
Thân cùng ý thơ thới
Đặng việc chưa từng có.

GIẢNG:

Đây là thuật lại việc Phật phóng hào quang về phương Đông. Trời mưa hoa, đất chấn động, trong chúng thấy việc chưa từng có. Kế đó nói đến ánh sáng giữa chạng mờ.

CHÁNH VĂN:

9- Ánh sáng giữa chạng mờ
Soi suốt thẳng phương Đông
Một muôn tám nghìn cõi
Đều ánh như sắc vàng

GIẢNG:

Đây nói ánh sáng soi suốt thẳng phương Đông,
trời mưa hoa, đất chấn động.

**Từ địa ngục A Tỳ
Trên đến trời Hữu danh
Cả sáu đạo chúng sanh**

Đây là ánh sáng đó soi rõ cả sáu đường chúng
sanh từ dưới địa ngục A Tỳ lên đến cõi trời.

**Sống chết của kia đến
Nghệp duyên lành cùng dữ
Thọ báo có tốt xấu
Tại đây đều thấy rõ**

GIẢNG:

Trong ánh sáng đó thấy hết nghiệp lành, nghiệp
dữ, quả báo tốt xấu đều hiện rõ.

CHÁNH VĂN:

**10- Lại thấy các đức Phật
Đấng Thánh chúa Sư tử
Diễn nói các kinh điển
Nhiệm mầu bậc thứ nhất
Tiếng của Ngài thanh tịnh
Giọng nói ra êm dịu
Dạy bảo các Bồ tát
Vô số ức muôn người.
Tiếng phạm âm thâm diệu**

Khiến người nghe đều ưa
Các Phật ở cõi mình
Mà giảng nói chánh pháp
Dùng nhiều món nhân duyên
Cùng vô lượng tỷ dụ
Để soi rõ Phật pháp
Mà khai ngộ chúng sanh.
Nếu có người bị khổ.
Nhàm lìa già, bệnh, chết
Phật vì nói Niết bàn
Để dứt các ngăn khổ
Nếu là người có phước
Đã từng cúng dường Phật
Chí cầu pháp thù thắng
Vì nói hạnh Duyên giác.
Nếu lại có Phật tử
Tu tập các công hạnh
Để cầu huệ vô thượng
Phật vì nói tịnh đạo.

GIẢNG:

Đây là nói đức Phật nói pháp độ cho các hàng tam thừa, tiếng Phạm âm vi diệu, có nhiều phương tiện khéo léo để khai ngộ chúng sinh.

CHÁNH VĂN:

11- Ngài Văn Thù Sư Lợi!
Tôi ở tại nơi đây
Thấy nghe dường ấy đó
Và nghìn ức việc khác

Thấy rất nhiều như thế
Nay sẽ lược nói ra:
Bắt đầu lại kể chi tiết thêm.

CHÁNH VĂN:

12- Tôi thấy ở cõi kia
Có hằng sa Bồ tát
Dùng các món nhơn duyên
Mà cầu chứng Phật đạo.
Hoặc có vị bố thí
Vàng, bạc, ngọc như ý
Kim cương, các trân bửu
Cùng tôi tớ, xe cộ
Kiệu cang chứng châu báu
Vui vẻ đem bố thí
Hồi hướng về Phật đạo
Nguyện đặng chứng thừa ấy
Bạc nhất của ba cõi
Các Phật hằng khen ngợi.
Hoặc có vị Bồ tát
Xe tứ mã, xe báu
Bao lơn che tàng đẹp
Trau tria dùng bố thí.
Lại thấy có Bồ tát
Bố thí cả vợ con
Thân thịt cùng tay chân
Để cầu vô thượng đạo.
Lại thấy có Bồ tát
Đầu, mắt và thân thể
Đều ưa vui thí cho
Để cầu trí huệ Phật.

GIẢNG:

Bố thí cả bảy báu, tô tô, xe cộ đều hướng về Phật đạo. Đây là Bồ tát bố thí cả ngoại tài lẫn nội tài, là muốn nói lên phá sạch lòng chấp ngã từ thân thể đến vợ con của mình, cho đến của cải đều bố thí hết. Như vậy mới đi đến ba la mật.

CHÁNH VĂN:

**13- Ngài Văn Thù Sư Lợi!
Ta thấy các Quốc Vương
Qua đến chỗ của Phật
Thưa hỏi đạo vô thượng
Bèn bỏ nước vui vẻ
Cung điện cả thần thiếp
Cạo sạch râu lẫn tóc
Mà mặc y pháp phục**

GIẢNG: Bỏ ngôi Vua.

**Hoặc lại thấy Bồ tát
Mà hiện làm Tỳ kheo
Một mình nơi vắng vẻ
Ưa vui tụng kinh điển**

Đây là Bồ tát thích ở nơi vắng vẻ tu hành.

CHÁNH VĂN:

**Cũng có thấy Bồ tát
Đồng mãnh và tinh tấn**

Vào ở nơi thâm sơn
Suy xét mối Phật đạo.
Và thấy bậc ly dục
Thường ở chỗ không nhàn
Sâu tu các thiền định
Đặng năm món thần thông.
Và thấy vị Bồ tát
Chấp tay trụ thiền định
Dùng nghìn muôn bài kệ
Khen ngợi các Pháp Vương.

GIẢNG:

Đó là Bồ tát ở núi sâu, vắng vẻ, tu thiền định, chứng thần thông, khen ngợi Phật.

CHÁNH VĂN:

Lại thấy có Bồ tát
Trí sâu chí bền chắc
Hay hỏi các đức Phật
Nghe rồi đều thọ trì
Lại thấy hàng Phật tử
Định huệ trọn đầy đủ
Dùng vô lượng tỷ dụ
Vì chúng mà giảng pháp
Vui ưa nói các pháp
Dạy bảo các Bồ tát
Phá dẹp chúng binh ma
Mà đánh rền trống pháp.

GIẢNG:

Bồ tát trí sâu, đầy đủ định tuệ, dùng pháp thí để đánh dẹp các binh ma.

CHÁNH VĂN:

Cùng thấy vị Bồ tát
Vắng lặng yên lặng ngôi
Trời, rỗng đều cung kính
Chẳng lấy đó làm mừng.
Và thấy có Bồ tát
Ở rừng phóng hào quang
Cứu khổ chốn địa ngục
Khiến đều vào Phật đạo.

Dùng trí tuệ, tu thiền định, cứu khổ đến chỗ
tăm tối.

Lại thấy hàng Phật tử
Chưa từng có ngủ nghỉ
Kính hành ở trong rừng
Siêng năng cầu Phật đạo.

Luôn luôn tinh tấn chưa từng có ngủ nghỉ.

Cũng thấy đủ giới đức
Oai nghi không thiếu sót
Lòng sạch như bửu châu
Để cầu chứng Phật đạo

Đó thuộc về trì giới.

Và thấy hàng Phật tử
Trụ vào sức nhẫn nhục
Bị kẻ tặng thượng mạn
Máng rửa cùng đánh đập
Thảy đều hay nhẫn được
Để cầu chứng Phật đạo

Đó thuộc về nhẫn nhục.

Lại thấy có Bồ tát
Xa rời sự chơi cười
Và quỵen thuộc ngu si
Ưu gần gũi người trí
Chuyên tâm trừ loạn động
Nhiếp niệm ở núi rừng
Trải ức nghìn muôn năm
Để cầu được Phật đạo

Đó là tu thiền định

14- Lại thấy vị Bồ tát
Đồ ăn uống ngon ngọt
Cùng trăm món thuốc thang
Đem cúng Phật và tăng
Áo tốt đồ thượng phục
Giá đáng đến nghìn muôn
Hoặc là vô giá y
Đem cúng Phật và tăng
Dùng nghìn muôn ức thứ
Nhà báu bằng chiên đàn
Các giường nằm tốt đẹp
Để cúng Phật cùng tăng

Rừng vườn rất thanh tịnh
Bông trái đều sum sê
Suối chảy cùng ao tắm
Cúng dường Phật và tăng
Cúng thí như thế đó
Các đồ cúng tốt đẹp
Vui vẻ không hề nhàm
Để cầu đạo vô thượng

GIẢNG: Đây là cúng dường các đồ vật trang nghiêm và thanh tịnh, thuộc bố thí.

CHÁNH VĂN:

15- Lại có vị Bồ tát
Giảng nói pháp tịch diệt
Dùng các lời dạy dỗ
Dạy vô số chúng sanh

GIẢNG: Nói pháp tịch diệt tức dạy về pháp Niết bàn, là bố thí pháp.

Hoặc thấy vị Bồ tát
Quán sát các pháp tánh
Đều không có hai tướng
Cũng như khoảng hư không.

Đó là thấu suốt tánh không của các pháp.

Lại thấy hàng Phật tử
Tâm không chỗ mê đắm
Dùng món diệu huệ này

Mà cầu đạo vô thương
Dùng cái diệu huệ vô trước.

CHÁNH VĂN:

16- Ngài Văn Thù Sư Lợi
Lại có vị Bồ tát
Sau khi Phật diệt độ
Cúng dường xá lợi Phật
Lại thấy hàng Phật tử
Xây dựng các tháp miếu
Nhiều vô số hằng sa
Nghiêm sức khắp cõi nước
Bửu tháp rất cao đẹp
Đều năm nghìn do tuần.
Bề ngang rộng xứng nhau
Đều hai nghìn do tuần
Trong mỗi mỗi tháp miếu
Đều có nghìn tràng phan
Màn châu xen thả xuống
Tiếng linh báu hòa reo
Các vị trời, rồng, thần
Người cùng với phi nhơn
Hương hoa cùng kỹ nhạc
Thường đem đến cúng dường.
Ngài Văn Thù Sư Lợi!
Các hàng Phật tử kia
Vì cúng dường xá lợi
Nên trang sức tháp miếu
Cõi quốc giới tự nhiên
Thù đặc rất tốt đẹp

Như cây Thiên thọ vương
Bông kia đương hé nở.

Cúng dường tháp xá lợi.

CHÁNH VĂN:

17- Phật phóng một luồng sáng
Ta cùng cả chúng hội
Thấy nơi cõi nước này
Các thứ rất tốt đẹp
Thần lực của chư Phật
Trí huệ đều hi hữu
Phóng một luồng tịnh quang
Soi khắp vô lượng cõi
Chúng ta thấy việc này
Đặng điều chưa từng có.

GIẢNG:

Tóm tắt lại, chung quy chỉ có một luồng ánh sáng phóng ra đó mà thấy suốt cả những việc như vậy thì làm sao mà sáng tỏ được việc đó?

CHÁNH VĂN:

18- Xin Phật tử Văn Thù
Giải quyết lòng chúng nghi
Bốn chúng đều mong ngóng
Nhìn Ngài và nhìn ta.
Đức Thế Tôn cố chi
Phóng ánh quang minh này?

Phật tử phải thời đáp
 Quyết nghị cho chúng mừng.
 Có những lợi ích gì
 Đức Phật phóng quang này?
 Khi Phật ngồi đạo tràng
 Chứng đặng pháp thâm diệu
 Vì muốn nói pháp đó
 Hay là sẽ thọ ký?
 Hiện bày các cõi Phật
 Các báu sạch trang nghiêm
 Cùng thấy các đức Phật
 Đây không phải cố nhỏ
 Ngài Văn Thù nên biết
 Bốn chúng và long thần
 Nhìn xem xét Ngài đó
 Mong sẽ nói những gì?

GIẢNG:

Ngài Di Lặc nói kệ thuật lại về diêm lành Phật phóng ánh sáng thấy đủ các việc trên đó, khiến cho lòng chúng khao khát trông chờ mà đón nhận pháp vi diệu Phật sắp nói ra. Nếu người lanh lợi như Ngài Văn Thù thấy ánh sáng đó thì biết được cái gì rồi. Thấy ánh sáng đó, rõ được ý Phật muốn nói cái gì, tức thấy được ý ngoài lời. Nếu chưa thấy được ý đó thì chờ Ngài Văn Thù nói ra cho mình hiểu.

CHÁNH VĂN:

19- Lúc bảy giờ, Ngài Văn Thù Sư Lợi nói với Ngài Di Lặc Đại Bồ tát cùng các vị Đại sĩ:

"Các Thiện nam tử! Như chỗ ta xét nghĩ thời nay đức Phật Thế Tôn muốn nói pháp lớn, mưa pháp vũ lớn, thổi pháp loa lớn, đánh pháp cổ lớn và diễn pháp nghĩa lớn.

Các Thiện nam tử! Ta từng ở nơi các đức Phật đời quá khứ, thấy được diễm lành này, Phật kia phóng hào quang đó rồi liền nói pháp lớn. Cho nên biết chắc rằng hôm nay đức Phật hiện hào quang cũng lại như vậy. Phật vì muốn cho chúng sanh đều đặn nghe biết pháp mầu mà tất cả trong đời khó tin theo, nên hiện diễm lành này.

GIẢNG:

Theo như chỗ Bồ tát Văn Thù xét biết đó Ngài thấy rằng: đức Phật sắp nói pháp lớn, mưa pháp vũ lớn, thổi pháp loa lớn, đánh pháp cổ lớn và diễn pháp nghĩa lớn, tức là Ngài sắp nói pháp sâu xa vi diệu.

Ngài mới thuật lại, trước kia ở những đời quá khứ, Ngài thường gần gũi các đức Phật Ngài cũng thấy rõ các đức Phật kia, khi phóng hào quang, ánh sáng soi khắp về phương Đông những diễm đó. Sau khi phóng như vậy, sẽ nói pháp sâu xa.

Như vậy pháp Phật sắp nói đây rất khó tin, khó hiểu ngầm chỉ pháp đó khó nói, phải hiểu ý sâu xa, ngoài lời kia. Bởi vì khó nói, lời nói không thể đến được, cho nên ở đây Ngài hiện diễm lành trước.

Ngài Văn Thù cho biết Phật sắp nói pháp lớn, nhưng chưa biết pháp lớn đó là pháp lớn gì, để cho mọi người thật khao khát mới nói để đón nhận. Đây Ngài nói tiếp:

CHÁNH VĂN:

20- Các Thiện nam tử! Như vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp về trước, bấy giờ có đức Phật hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh Như lai Ứng Cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô Thượng sĩ, Điều Ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật Thế Tôn diễn nói chính pháp. Ban đầu, giữa, rốt sau ba chặng đều lành, nghĩa lý rất sâu xa. Lời lẽ khéo mầu, thuần một không tạp, đầy đủ cả tướng phạm hạnh thanh bạch.

GIẢNG:

Ở đây Ngài thuật lại ở vô lượng vô biên A tăng kỳ kiếp, lâu xa về trước có đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh. Đức Phật này cũng đầy đủ mười hiệu:

- Như Lai: là không từ đâu đến, không đi về đâu (vô sở tùng lai, diệc vô sở khứ). Có chỗ nói, Như Lai là những điều Phật nói ra, là những điều Ngài làm được và đã làm, gọi là Như Lai. Như là thể như như bất động. Lai là đến, có thể có dụng đầy đủ, từ thể như mà đến.

- Ứng cúng: là xứng đáng nhận sự cúng dường.

- Chánh biến tri: là biết khắp hết, không rơi vào hai bên.

- Minh hạnh túc: là tam minh lục thông đầy đủ

- Thiện thế: là khéo qua, khéo vượt qua sanh tử.

- Thế gian giải: là hiểu suốt cả thế gian.

- Vô thượng sĩ: là bậc Vô thượng không có ai trên. Chính cái tên này có ý nghĩa rất sâu, đem lại niềm tin cho mình, sức mạnh vươn lên.

Gọi là bậc Vô thượng, là không ai trên, nhưng có người bằng. Bởi vì, ai ai cũng có Phật tánh, nếu mình tu đến viên mãn cũng được thành Phật, cũng được Vô thượng, cũng ngang bằng. Đó là ý nghĩ bình đẳng, không phải Ngài là bậc tối thượng, rốt cuộc ai tu rồi cũng về đó quỳ dưới chân Ngài, không thể ngang được.

- Điều ngự trượng phu: là điều phục mọi người.

- Thiên nhân sư: là bậc thầy của cả trời, người.

- Phật Thế Tôn: là bậc giác ngộ tôn quý ở trên đời.

Đức Phật này gọi là Nhật Nguyệt Đăng Minh, những pháp Ngài nói ra nghĩa lý rất sâu xa, lời lẽ khéo mâu, thuần một không tạp, tức là thuần nhất không có xen tạp, mà ban đầu, giữa, rốt sau đều lành. Như vậy tức là sao?

Những điều Phật nói ra ban đầu cũng là lành, giữa cũng là lành, sau cũng là lành thì đó mới thật là chân lý. Bởi vì Phật chứng ngộ, từ cái chứng ngộ của Ngài, Ngài nói ra. Những điều Ngài nói ra đó là những điều Ngài đã đi qua, Ngài đã kinh nghiệm qua chớ không phải những điều Ngài suy tưởng, phỏng đoán, giả thuyết, không phải như vậy. Mà đây chính Ngài kinh nghiệm thể nhận nói ra, cho nên những điều đó trước cũng lành, giữa cũng lành, sau cũng lành, luôn luôn đều đúng. Không phải những cái thuyết đúng trong lúc này nhưng không đúng trong lúc khác, trong giai đoạn, chân lý mà có giai đoạn. Còn ở đây lúc nào cũng đúng hết.

Ví dụ: Phật nói lý Tứ đế, Ngài nói khổ, có thân là đều khổ, từ xưa đến giờ kiểm lại không sai bao giờ.

Như Ngài nói vô thường, sự vật có làm ra, có tạo tác vốn là vô thường. Kiểm lại từ trước, sau cho tới bây

giờ đều đúng như vậy hết. Cho nên đó là đầu, giữa, rốt sau đều lành.

CHÁNH VĂN:

Phật, vì người cầu đạo Thanh văn nói pháp Tứ đế, thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, cứu cánh Niết bàn. Vì hạng cầu quả Duyên giác, nói pháp mười hai nhân duyên. Vì hàng Bồ tát, nói sáu pháp Ba la mật, làm cho chứng đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thành bậc Nhất thiết chủng trí.

GIẢNG:

Đức Phật vì người cầu đạo Thanh văn, nói Tứ đế để thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, chứng đến cứu cánh Niết bàn. Vì người cầu Duyên giác nói pháp mười hai nhân duyên, Bồ tát thì nói pháp Ba la mật, để chứng đến đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ngài tùy theo căn cơ, trình độ, mong cầu của mỗi người mà nói pháp tam thừa, nhưng rốt ráo sau cùng cũng đưa đến thành Phật. Cuối cùng cũng đưa đến chỗ đó.

CHÁNH VĂN:

Kế lại có đức Phật cũng hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh, lại có đức Phật cũng hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh. Như thế đến hai muôn đức Phật đều đồng một tên, hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh, đầy đủ mười hiệu, những pháp được nói ra đầu, giữa, sau đều lành.

GIẢNG:

Kế đó cũng có đức Phật hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh, lại có đức Phật cũng hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh. Như vậy cho tới hai muôn đức Phật cũng hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh. Hết tên đặt, sao có một tên hoài vậy? Đó là nghĩa rất sâu xa!

Nhật Nguyệt Đăng Minh là gì?

Nhật, là mặt trời. Nguyệt, là mặt trăng. Đăng, là đèn. Minh, là sáng. Mặt trời, mặt trăng, đèn, cái nào cũng sáng hết. Ban ngày có mặt trời soi sáng (Nhật), ban đêm có mặt trăng soi sáng (nguyệt), những chỗ mặt trời, mặt trăng soi không tới thì có ánh đèn soi tới (đăng). Như vậy là sao? - Tức luôn luôn không có lúc nào tối hết. Là chỉ cho nguồn sáng vô biên nơi chính mình, nghĩa là không có lúc nào gián đoạn, không từng mất, không từng thiếu, không từng vắng nơi chính mình. Đây là nhắc nhở mọi người đều có nguồn sáng đó, mà việc này không phải mới đây, mà nó có từ vô số kiếp trước. Tại sao? - Nó sẵn có tự bao giờ nhưng tại mình bỏ quên. Đã có sẵn như nhau cho nên Phật kế tiếp in nhau không khác. Phật trước cũng Nhật Nguyệt Đăng Minh, Phật sau cũng Nhật Nguyệt Đăng Minh, mà hai chục ngàn vị cũng Nhật Nguyệt Đăng Minh. Nghĩa là cũng một việc đó chưa từng có tối, có mờ, không gián đoạn, nhưng chúng ta tự bỏ quên vậy thôi.

Vậy, ai cũng có một đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh từ vô số kiếp, nhưng mà bỏ quên. Chính vì bỏ quên cho nên thấy có tối có mờ, khi mà tỏ sáng được mới biết mình có đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh luôn luôn sáng ngời chưa từng tối bao giờ.

Cho nên đức Lục Tổ khi ngộ Ngài đã la lên:

Đâu ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh

Đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ

Ở đây Phật Phật đồng hiệu, đó cũng là ý chỉ Tri Kiến Phật vốn là không có hai. Phật trước, Phật sau không có hai, không có sai biệt. Khi chúng ta sống trở về nguồn giác rồi thì chỗ thấy như nhau, nếu có chỗ thấy biết sai biệt thì cách biệt nhau rồi.

Tổ Lâm Tế có lần Ngài dạy:

- “Quý vị nếu muốn cùng Phật Tổ không khác thì chỉ như vậy mà thấy, chẳng nên ngờ vực. Tâm tâm quý vị không khác, thì đó gọi là Tổ sống”.

Tâm tâm, niệm niệm nó không sai khác, niệm trước niệm sau nó như vậy, không đổi không biến là Tổ sống, không cần phải tìm đâu hết. Còn mình niệm trước như vậy, niệm sau khác, chưa nói tới thời gian dài, chỉ trong vòng một hai niệm thôi thì nó đã khác rồi, thì làm sao thấy Tổ sống được. Ngài nói tiếp:

- “Tâm tâm nếu khác biệt, thì tánh tướng cũng sai khác”

Tâm mình khác rồi thì thấy rõ muôn sự cũng sai biệt. Tâm tâm không khác biệt, thì tánh tướng không có khác. Như vậy khi chúng ta sống trở về với nguồn tâm, tức nguồn sáng không gián đoạn đó, thì tâm tâm in nhau. Tâm mình, tâm Phật cũng in nhau, cùng thấy cùng gặp Phật, gặp Tổ rõ ràng.

Bởi vậy mà khi Phật trước, Tổ sau và các vị Thiên sư sau nữa, tuy các đời cách xa nhau, nhưng khi tỏ ngộ rồi thì chỗ thấy các Ngài giống nhau, nói ra nó cũng in nhau, nó hợp nhau. Phật ngày xưa đưa cành hoa sen lên khai thị cho Ngài Ca Diếp, tới sau này các Tổ thì sao? Như Ngài Bá Trượng, Ngài khai thị cho

Ngài Quy Sơn Linh Hựu, một hôm bảo Linh Hựu:

- Ông vạch trong lò xem có lửa không?

Linh Hựu bới trong lò, thấy không có, trình với Bá Trượng, Ngài bèn đến vạch sâu trong đó, thấy đóm lửa, Ngài đưa lên và hỏi:

- Ông nói không, chớ cái này là cái gì?

Linh Hựu liền tỏ ngộ.

Ở chỗ kia Phật đưa cành hoa sen lên. Đây đưa đóm lửa lên, chỉ khác cành hoa sen với đóm lửa thôi, còn chỗ khai thị là chỗ gì? - Chính là tánh thấy nơi mình đó, cái hiện hữu đó. Hai Ngài tuy cách xa nhau nhưng chỗ thấy cũng gặp nhau.

Rồi sau này Ngài Quy Sơn có khi đưa phất tử lên, có vị lại đưa cây gậy. Trong Kinh Lăng Nghiêm, Phật khai thị cho Ngài A Nan, Phật đưa tay lên. Vậy mặc dù sống cách xa nhau, khi tỏ ngộ rồi chỗ thấy gặp nhau. Cho nên tâm tâm mà không khác biệt rồi thì cùng Phật Tổ thấy không hai. Không khác biệt thì Phật Phật đồng tên, đồng họ.

Chúng đến chỗ đó rồi đều gặp nhau. Những pháp được nói ra cũng cùng chỗ chứng ngộ đó mà nói ra, cũng đều đúng với chân lý không sai.

CHÁNH VĂN:

Đức Phật rớt sau cả, lúc chưa xuất gia có tám vị Vương tử: người thứ nhất tên là Hữu Ý, thứ hai tên Thiện ý, thứ ba tên Vô Lượng Ý, thứ tư tên Bửu Ý, thứ năm tên Tăng ý, thứ sáu tên Trừ Nghi Ý, thứ bảy tên Hương Ý, thứ tám tên Pháp Ý.

Tám vị Vương tử đó có oai đức tự tại, đều lãnh trị bốn châu thiên hạ. Nghe Vua cha xuất

gia chúng đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đều bỏ ngôi Vua cũng xuất gia theo, phát tâm đại thừa, hằng tu hạnh thanh tịnh, đều làm bậc Pháp sư, thưở trước đã từng ở chỗ nghìn muôn đức Phật vun trồng các cội lành.

GIẢNG:

Đây, Ngài thuật thêm cho thấy một điều nữa là: đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh rốt sau khi chưa xuất gia có tám vị Vương tử. Tám vị này mang tên đều chữ “ý” như vậy có ý nghĩa gì trong đó? Và những vị Vương tử đó đều có oai đức tự tại hết, đều lãnh trị bốn châu thiên hạ, nhưng khi nghe Vua cha xuất gia rồi chúng đạo, liền bỏ ngôi xuất gia theo. Đó là nói lên ý gì?

Những hình ảnh nói trong Kinh Pháp Hoa đây đều có ý nghĩa sâu xa trong đó. Phải hiểu qua những cái đó, nếu theo chữ nghĩa hiểu thì dễ lắm. Tám vị đó đều mang tên kèm với chữ ý. Ý tức là chỉ một tâm thể. Tám vị Vương tử chỉ cho tám thức, đó là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, mạt na thức và a lại da thức. Tám thức tuy công dụng có sai biệt nhưng cùng một tâm thể thôi.

Mạt na thức (thức chấp ngã): còn gọi là là truyền tống thức. Từ trong tàng thức đưa ra, truyền vào.

Bao nhiêu chủng tử của mình thấy nghe ở ngoài thì mạt na thức nó đem vô gieo trong tàng thức (a lại da thức). Tàng thức giữ trong đó, bởi vậy yêu ghét, buồn giận, thương yêu gì đó, nó vừa ở ngoài, khi gieo vô nó giữ lại ở đó, lúc gặp duyên nó tống ra. Ví dụ: bữa nay thấy bực mình với ai, ghét người đó thì

đem vô để đó, hôm nào gặp mặt thì trong hiện ra, cho nên khi gặp người đó là ghét liền. Đó là trong này tống ra.

Minh tu là để cạn hết chủng tử đó cho nó sạch. Mới đầu cạn chủng tử xấu, chủng tử ác ra ngoài, giữ chủng tử lành trở lại, nhưng mà sâu hơn nữa là sao? - Lành, dữ phải buông. Bởi vì còn lành còn dữ là còn đối đãi. Sống cho trọn vẹn, thấy cho tột cùng cái thể chân thật của nó thì cái lành mới tột lành. Còn cái lành đối với cái dữ đó là cái lành có hạn chế.

Như vậy là:

- Nhãn thức cũng có biết phân biệt nơi con mắt.
- Nhĩ thức: biết phân biệt ở lỗ tai, thì cũng biết.
- Tỷ thức: phân biệt nơi lỗ mũi, thì nó cũng biết.

Mỗi cái đều có biết mà có biết tức là đồng có tâm, bởi vì mê mà theo trần thành ra có sai khác. Nếu sống trở về nguồn chân thì cái biết trùm khắp, nó dùng lẫn nhau, như trong Kinh Lăng Nghiêm nói: "Sáu căn hỗ dụng, dùng thay lẫn nhau". Trong đây, khi Phật chưa xuất gia, thì "Phật" đây chỉ cho "Như Lai tạng" còn tại trần, tức là còn trong mê nhiễm. Mỗi người chúng ta đều có kho Như Lai, kho Phật đó hết, nhưng còn tại trần, còn trong mê trong nhiễm nên có đó mà không biết. Chính còn trong mê trong nhiễm nên tâm biến thành thức. Tuy nó ở trong cái nhiễm ô đó mà không rời thể giác. Bởi vậy, tuy nó phân biệt hơn thua, tốt xấu nhưng vẫn còn mang tánh Biết trong đó. Song cái biết này là biết theo mê, biết hơn thua, phải quấy, biết giới hạn. Khi sống trở về được rồi thì cái biết nó tròn khắp, tức biết trở thành giác. Vì vậy ở trong mê nó cũng có công năng soi sáng, nhưng soi sáng phân biệt các pháp.

Cho nên tám vị Vương Tử đều có oai đức tự tại lãnh trị bốn châu thiên hạ, như các thức, nó phân biệt các pháp, các trần từ bốn phương tới. Cũng là ý, tám thức này nó không rời thân tứ đại này.

Như vậy tám thức khi Như Lai tàng còn tại triền (mê nhiễm) thì tâm biến thành thức, thành ra cũng biết phân biệt, nhưng phân biệt còn trong mê trong nhiễm. Khi nghe Vua cha xuất gia thì tám vị Vương tử cũng xuất gia theo, tức là Như Lai tàng này khi xuất triền, là ra khỏi mê thì tám thức cũng chuyển theo, chuyển thức thành trí.

Trong nhà Phật, sau khi giác rồi thì các thức đó chuyển thành trí, mà chuyển thành trí thì năm thức trước chuyển thành Thành Sở tác trí, thức thứ sáu chuyển thành Diệu Quan sát trí, thức thứ bảy chuyển thành Bình Đẳng tánh trí, thức thứ tám là tàng thức chuyển thành Đại Viên cảnh trí, tức là trí tròn sáng như gương lớn, không có nhiễm ô gì, cái gì cũng hiện trong đó hết.

Còn mặt na thức chuyển thành bình đẳng tánh trí, vì lúc còn mê mặt na chấp ngã cho nên phân biệt có tôi, có anh, có yêu có ghét, đâu còn bình đẳng. Chuyển thành trí rồi, thì quên tướng ta và người, tức là thấy rõ bình đẳng hết. Còn các thức kia thì cũng chuyển thành trí hết, cho nên Phật xuất gia, tám vị Vương tử cũng xuất gia theo. Như vậy để cho thấy rõ, tu hành cuối cùng đâu có trở thành một cái gì khác, mà chính là cái mình dùng hằng ngày mà mình mê không biết, chỉ là chuyển tên đó thôi. Hồi xưa còn mê nói là thức, bây giờ tỉnh gọi là trí vậy thôi, đâu có gì khác trong đó. Cho nên cũng cái biết này, cái thấy này, khi mê thì gọi là thấy biết

của chúng sanh, khi giác ngộ rồi thì thấy biết của Phật, gọi là Tri Kiến Phật.

CHÁNH VĂN:

21- Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh, lúc đó nói Kinh đại thừa tên Vô Lượng Nghĩa Xứ Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm. Nói kinh đó rồi Phật ở trong đại chúng, ngồi xếp bằng nhập vào cảnh chánh định Vô lượng nghĩa xứ, thân và tâm chẳng lay động.

Khi ấy trời mưa hoa Mạn-đà-la, hoa Ma-ha mạn-đà-la, hoa Mạn-thù-sa, hoa Ma-ha-mạn-thù-sa để rải trên đức Phật và hàng đại chúng. Khắp cõi nước Phật sáu diệu vang động.

22- Lúc đó trong hội, hàng Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Cận sự nam, Cận sự nữ, Trời, Rồng, Dạ xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lầu La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già Nhân, Phi nhân, cùng các vị Tiểu Vương v.v..., các đại chúng đó đặng điều chưa từng có, mừng rỡ chấp tay một lòng nhìn Phật.

23- Bấy giờ, đức Như Lai từ tướng lông trắng giữa chạng mày phóng ra luồng ánh sáng soi khắp cả một muôn tám nghìn cõi ở phương Đông, như nay đương thấy ở cõi Phật này.

Di Lạc nên biết! Khi đó trong hội có hai mươi ức ức Bồ tát ưa muốn nghe pháp, các vị Bồ tát ấy thấy ánh sáng chiếu khắp các cõi Phật đặng điều chưa từng có, đều muốn biết vì duyên cố gì mà phóng ánh sáng này. Khi ấy có

vị Bồ tát hiệu Diệu Quang có tám trăm người đệ tử.

GIẢNG:

Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh thời đó Ngài cũng nói Kinh đại thừa tên Vô Lượng Nghĩa Xứ Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm, nói Kinh đó xong cũng nhập vào chánh định Vô lượng nghĩa xứ, thì cũng trời mưa hoa, đất chấn động, tất cả chúng trong hội cũng đều nghi ngờ cũng giống như chuyện ngày nay.

Tức cảnh trước đó cũng giống như ngày nay, những điềm lành đó cũng giống như những điềm lành ngày nay, vậy để rõ cái việc gì? - Là để nói lên xưa nay cũng vốn không hai, mê ngộ cũng đồng một thể thôi. Xưa cũng cảnh đó, nay cũng cảnh đó, nhưng Ngài Văn Thù thì thấy còn mình không thấy, vì do mê mà thôi. Sự thật trong đó chưa từng có cách biệt bao giờ, chỉ cần mình mở mắt của Ngài Văn Thù thì biết được Phật muốn nói gì rồi,

Mắt Văn Thù là mắt gì? Là mắt trí tuệ. Mà trí tuệ đây là chỉ cho căn bản trí hay cũng gọi là bản giác. Trí căn bản là trí sẵn có nơi mình, trong nhà Thiên gọi là trí vô sư, là trí không thầy dạy. Nên Ngài Văn Thù mới thấy thì hiểu liền, có ai dạy đâu, trong khi đó ở phần sau Ngài Di Lặc mới nghi. Cũng vậy mình mở được căn bản trí đó là mở được trí vô sư thì rõ được ánh sáng kia liền. Tóm lại Phật Phật đồng một Diệu pháp đó thôi chứ không có hai. Phật xưa cũng hiện ra điềm đó, bây giờ cũng hiện ra điềm đó, Diệu pháp đó không hai nhưng vì mình chưa mở được con mắt căn bản nên còn chưa hiểu được.

CHÁNH VĂN:

24- Bảy giờ đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh từ chánh định mà dậy, vì Diệu Quang Bồ tát nói kinh Đại thừa tên Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm, trải qua sáu mươi tiểu kiếp chẳng rời chỗ ngồi.

25- Lúc ấy trong hội, người nghe pháp cũng ngồi một chỗ đến sáu mươi tiểu kiếp, thân tâm đều không lay động, nghe đức Phật nói pháp cho là như trong khoảng bữa ăn. Bảy giờ trong chúng không có một người nào hoặc là thân hoặc là tâm mà sanh lười mỏi.

26- Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh trong sáu mươi tiểu kiếp nói Kinh đó rồi, liền ở trong chúng ma, phạm, sa môn, bà la môn và trời, người, a tu la mà tuyên rằng: "Hôm nay vào nửa đêm, Như Lai sẽ nhập Vô Dư Niết bàn". Khi đó có vị Bồ tát tên Đức Tạng, đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh liền thọ ký cho, bảo các Tỳ kheo rằng: "Ông Đức Tạng Bồ tát này kể đây sẽ thành Phật hiệu là Tịnh Thân Như Lai, Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác".

Đức Phật thọ ký xong, vào nửa đêm bèn nhập Vô Dư Niết bàn.

GIẢNG:

Trước tiên nhắc đến ở trong hội đó có Bồ tát tên là Diệu Quang khi Phật phóng ánh sáng đó rồi Phật ở nơi chánh định dậy, vì Bồ tát Diệu Quang đó nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ Tát Pháp Phật

Sở Hộ Niệm. Nói Kinh đó trải qua sáu mươi tiểu kiếp chẳng rời khỏi chỗ ngồi, trong chúng hội cũng ngồi sáu mươi tiểu kiếp.

Bồ tát Diệu Quang là gì? Diệu là mẫu nhiệm. Quang là ánh sáng. Diệu Quang là ánh sáng nhiệm mẫu. Ánh sáng Diệu Quang là ánh sáng trí tuệ căn bản. Đó là trí tuệ không thể nghĩ bàn, tức là muốn ngầm nói cái gì? - Muốn nghe pháp này, rõ Tri Kiến Phật này thì phải bật niệm phân biệt, phải từ căn bản trí mà vào.

Sáu mươi tiểu kiếp, tính ra khoảng một tỷ tám triệu năm, nói pháp luôn như vậy, ai nghe có tưởng tượng nổi không? Pháp ở đâu mà nói hoài vậy? Đây muốn chỉ cho ta rõ Tri Kiến Phật vượt ngoài thời gian, khái niệm. Ở đây Ngài nói pháp thời gian dài như vậy thân và tâm không lay động, không rời chỗ ngồi. Chúng nghe pháp cũng vậy, cũng ngồi đó thân tâm đều không lay động trải qua sáu mươi tiểu kiếp, tức là một tỷ tám triệu năm mà tưởng như trong khoảng bữa ăn thôi, tức quên thời gian. Còn mắc kẹt thời gian là còn thấy có lâu, có mau cho nên ngồi nghe một lúc trông cho hết giờ để nghỉ. Đó là sống với tri kiến chúng sanh, còn sống với Tri Kiến Phật thì quên thời gian.

Đức Phật nói pháp trong sáu mươi tiểu kiếp cũng không rời chỗ ngồi, ý nghĩa đó là muốn nói lên cái gì?

- Đó là cho dù Ngài nói thế nào, nói Đông nói Tây gì đi nữa thì vẫn không rời “một niệm hiện tiền” đây thôi. Vậy mình ngồi nghe mà nghe chú tâm, lắng lòng nghe thì thời gian dài cũng không rời người nghe pháp đây, không rời niệm hiện tiền đó. Rõ được chỗ này mình mới thấy ý nghĩa sâu xa trong đó, chớ mình không biết đức Phật nói pháp cách gì trải qua thời

gian dài mà ngồi đó nói hoài, chúng cũng ngồi đó hoài. Như vậy, khi người sống trong Tri Kiến Phật đó thì quên niệm về thời gian, mới rõ được, mới sống được trong Tri Kiến Phật. Do đó ngồi thiền lâu lâu có những giây phút an ổn, mình cảm thấy được chút chút quên thời gian, lúc đó mình mới hiểu được phần nào cảnh giới này. Khi chúng ta sống được nhất tâm, sống ngay trong hiện tại này, bắt được ý nghĩ lăng xăng đó, quên mất ý niệm về thời gian, chúng ta mới nghe được Pháp Hoa rõ ràng, còn bây giờ nghe Pháp Hoa bằng cái gì? - Nghe với tâm đang ngồi đây mà nghĩ nhớ chuyện nhà. Vậy ngay đây mà đã rời khỏi chỗ ngồi rồi, chưa nói đến mấy mươi kiếp nữa.

Khi Phật nói Kinh Pháp Hoa xong rồi tức qua sáu mươi tiểu kiếp đó xong rồi, Ngài tuyên bố: "Tối nay nửa đêm Ta nhập Niết bàn". Sao nói Kinh xong tuyên bố nhập Niết bàn? Chỗ này có giống chỗ Ngài Sùng Tín đưa đèn cho Ngài Đức Sơn không? Tức là Đức Sơn Tuyên Giám, sau khi quấy bộ Thanh Long Sớ Sao đi về phương Nam, gặp bà già bán bánh hỏi một câu mà đáp không được, Sư mới hỏi, ở đây có Thiên sư không, bà già chỉ đến Ngài Sùng Tín. Ở đó, Sư theo Ngài Sùng Tín một thời gian, một hôm đứng hầu khuya, Ngài Sùng Tín mới bảo:

- Khuya rồi, sao ông không xuống đi?

Sư đi ra thấy trời tối đen, bèn trở vào thưa rằng:

- Bên ngoài tối đen.

Tối đen đó có hai nghĩa, là bên ngoài trời tối đen mà tâm Ngài cũng đang tối đen.

Ngài Sùng Tín nói:

- Được rồi! Ông tới ta đốt đèn đưa cho.

Ngài Sùng Tín đốt đèn đưa cho Sư. Sư đưa tay ra

tiếp nhận, thì ngay đó Ngài Sùng Tín liền thối tất. Sự liền ngộ.

Lúc cần thì mỗi đèn đưa cho, khi lấy thì thối tất đi. Như vậy có giống ở đây không? - Nói Kinh Pháp Hoa cho nghe, nghe xong tuyên bố nhập Niết bàn. Vậy đó là nhấn nhủ mình cái gì? - Phần của Ta nói tới đây là xong rồi, nói Pháp Hoa là thổ lộ cho mọi người hết rồi, Tri Kiến Phật đó đã nói rõ rồi, bây giờ còn lại là gì? - Là phần của các ông. Cho nên, thôi Ta nhập Niết bàn. Cũng như ta đưa đèn rồi liền thối tất, đó là ông tự sáng lên, không ý vào Ta. Ý lại, nếu có được gì đi nữa cũng là cái vay mượn, cũng là trí hữu sự. Ở đây muốn mình phải phát trí vô sự, sống với trí vô sự đó. Ta nhập Niết bàn rồi chỉ còn ông ở đó thì ông phải sống dậy thôi. Đó là ý nghĩa rất sâu xa! Chính ông sống được như vậy đó thì ông mới giữ gìn, mới truyền Pháp Hoa không đoạn dứt được. Nếu ý lại vào Ta, khi Ta mất đi thì ông chơi với. Trong nhà Thiên có câu: "Từ cửa vào thì không phải cửa báu của nhà mình". Nếu báu trong nhà thì trong nhà tự lấy ra xài, còn từ cửa vào là thuộc bên ngoài. Do đó ở đây Phật tuyên bố thôi Ta nhập Niết bàn, còn lại là phần dành cho ông.

Khi đức Phật tuyên bố nửa đêm nhập Niết bàn thì trong hội đó có vị Bồ tát tên là Đức Tạng, Phật thọ ký cho Ngài Đức Tạng kể đó sẽ thành Phật gọi là Tịnh Thân Như Lai. Ai thấy có gì lạ không? Nói Kinh thì nói cho Ngài Diệu Quang nghe, đối trước với Ngài Diệu Quang, nhưng lại thọ ký cho Ngài Đức Tạng. Bởi vì Diệu Quang là chỉ cho Ngài Văn Thù, mà Văn Thù tức là căn bản trí. Căn bản trí tức là trí căn bản, là trí không thấy, là bản giác, giác có ở nơi mọi người thì còn thọ ký gì nữa. Do đó thọ ký cho Ngài Đức Tạng.

Đức Tạng là kho công đức đầy đủ diệu hạnh, chỗ sống được trọn vẹn, được viên mãn mới thành Phật, với tự thân trang nghiêm thanh tịnh, đó là quả đức. Muốn nói lên, ngộ Tri Kiến Phật, rõ được bản giác là sẵn đủ tự bao giờ rồi, nhưng còn phải sống, sống cho trọn vẹn viên mãn trong đó mới tròn đầy quả đức, thực sự thành tựu thanh tịnh pháp thân, thanh tịnh tự thân. Quả Phật tới đó mới là trọn vẹn, cho nên thọ ký cho Ngài Đức Tạng. Đó là điều nhắc nhở cho người học Pháp Hoa cũng phải nhớ kỹ, sáng được Pháp Hoa, ngộ được Tri Kiến Phật nhưng phải sống được trong đó, sống trọn vẹn đầy đủ công đức thì mới xong, chứ không phải nghe ngộ là đủ. Cho nên Phật thọ ký cho Ngài Đức Tạng mà không thọ ký cho Ngài Diệu Quang.

CHÁNH VĂN:

27- Sau khi đức Phật diệt độ, Diệu Quang Bồ tát trì kinh Diệu Pháp Liên Hoa, trải tám mươi tiểu kiếp vì người mà diễn nói.

28- Tám người con của Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh đều học với Ngài Diệu Quang. Ngài Diệu Quang dạy bảo cho đều vững bền ở nơi đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Các vị Vương tử đó cúng dường vô lượng trăm nghìn muôn ức đức Phật đều thành Phật đạo. Vị thành Phật sau hết hiệu là Nhiên Đăng.

29- Trong hàng tám trăm người đệ tử có một người tên Cầu Danh. Người này ưa tham danh lợi, dầu cũng đọc tụng các kinh mà chẳng thuộc rành, phần nhiều quên mất nên gọi là Cầu Danh. Người này cũng do có trồng các nhưn

duyên căn lành nên đặng gặp vô lượng trăm nghìn muôn ức đức Phật mà cúng dường cung kính tôn trọng khen ngợi.

30- Di Lạc nên biết! Lúc đó Diệu Quang Bồ tát đâu phải người nào xa lạ, chính là Ta đây, còn Cầu Danh Bồ tát là Ngài đây.

Nay thấy diễm lành này cùng với xưa không khác. Cho nên ta xét nghĩ, hôm nay đức Phật Như Lai sẽ nói kinh Đại thừa tên Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm.

Bấy giờ, Ngài Văn Thù Bồ tát ở trong đại chúng, muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

GIẢNG:

Phật thọ ký xong, Ngài nhập Niết bàn rồi, sau đó Bồ tát Diệu Quang trì kinh Diệu Pháp Liên Hoa tám mươi tiểu kiếp, vì người khác mà diễn nói, tức là tiếp nối giữ gìn Kinh Pháp Hoa hay giữ gìn Tri Kiến Phật đó. Mà muốn tiếp nối, giữ gìn Tri Kiến Phật hay kinh Pháp Hoa đó, phải là cái gì? Phải là căn bản trí hoặc là trí vô sư, cho nên ở đây Bồ tát Diệu Quang trì Diệu Pháp Liên Hoa tám mươi tiểu kiếp, Ngài trì liên tục. Bởi cái trí sẵn nơi mình, chính trí đó nó mới giữ gìn liên tục được, còn trí hữu sư thì nó sẽ có gián đoạn, lấy cái trí đó mà giữ gìn Pháp Hoa thì khó được liên tục. Rồi tám người con của đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh đó đều học với Ngài Diệu Quang, Ngài Diệu Quang cũng dạy bảo cho khiến đều vững bền nơi đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và những người con này cũng từng cúng dường vô lượng đức Phật rồi sau đó cũng đều thành Phật, Phật cuối cùng là

Phật Nhiên Đăng, mà Nhiên Đăng là thầy của đức Phật Thích Ca.

Tám người con đó là chỉ cho tám thức, tám thức nó đều nương theo căn bản trí, tức là nương theo Ngài Diệu Quang mà học. Như vậy để thấy rõ, khi mê thì nó là thức, khi giác thì nó là trí. Ngay điểm này ta hiểu thêm ý nghĩa gì? Nó có cố định không? Không có tánh cố định gì hết. Thức nó không phải cố định là thức mà khi giác thì nó chuyển thành trí rồi. Do đó, tám thức nó vốn là tánh không, không có tánh cố định. Mà tánh không, tức là tám thức đều vô ngã, nhưng mình lại chấp ngã, chấp nó cố định đó là mê lầm. Hiểu được như vậy, thì chính ngay cái suy nghĩ của mình đây, khéo chuyển thì nó sẽ đi đến cái gì? Cái suy nghĩ này, thay vì nó suy nghĩ hơn thua, phải quấy, đông tây bây giờ hãy suy nghĩ đến chỗ không suy nghĩ xem. Song chỗ không suy nghĩ làm sao suy nghĩ? Thì ngay đó nó bật suy nghĩ rồi! Mà bật suy nghĩ thì nó chuyển thành trí, căn bản trí hiện ra. Nếu khéo ứng dụng thì chính ngay cái tâm suy nghĩ này, mình chuyển nó liền tỏ ngộ ngay không cần phải tìm đâu xa.

Mà nếu ngay chỗ suy nghĩ này, mình suy nghĩ đến chỗ bật suy nghĩ thì bừng sáng dậy, và chỗ bừng sáng dậy là gì? Đó là Nhiên Đăng chớ gì! Cho nên Phật cuối cùng là Nhiên Đăng. Nhiên Đăng là cái đèn nó bật cháy và đó là thầy của Phật Thích Ca. Tới đây có ai nghi cái gì không? Tám vị Vương tử đó theo học với Ngài Diệu Quang, cuối cùng rồi cũng đều thành Phật, cũng đều phụt cháy hết, cuối cùng là vị Nhiên Đăng. Như vậy, mấy vị học trò đều thành Phật hết, còn Ngài Diệu Quang thì sao không thấy thọ ký thành Phật? Diệu Quang tức Ngài Văn Thù, cũng không thấy

thọ ký thành Phật, cũng còn là Văn Thù? Bởi vì, Ngài là căn bản trí rồi. Đó là một ý, thành Phật cũng không phải là thành một cái gì khác, mà là thành cái sẵn có đã bị bỏ quên thôi. Bởi vậy, chính cái “diệu quang” tức cái ánh sáng nhiệm mầu sẵn có, là thầy của các đức Phật. Các đức Phật thành Phật cũng là thành cái sẵn có đó chứ không phải cái gì khác. Đến đây ai thấy được cái Diệu Quang chưa?

Rồi thêm một đoạn nữa, trong hàng tám trăm đệ tử của Ngài Diệu Quang đó, có người tên là Cầu Danh. Cầu Danh tức là đi theo danh lợi, tiếng tăm, cho nên nói người này ưa danh lợi, tiếng tăm, dầu có đọc tụng nhưng không có thuộc kinh. Theo danh tướng thì làm sao thuộc kinh Pháp Hoa này nổi! Nhưng do có trồng nhân duyên căn lành, có gấn gũi các đức Phật, nên cuối cùng cũng được thọ ký thành Phật. Do đó Ngài Văn Thù nói, Diệu Quang đó không ai khác, chính là ta đây; còn Cầu Danh là ông - là Ngài Di Lặc. Ngài Di Lặc đó cũng được gặp Phật Thích Ca thọ ký sau này sẽ thành Phật. Như vậy, Cầu Danh cũng được thọ ký thành Phật, thì ở đây có ai mất phần không?

Hiện tại đây chúng ta đang sống với cái gì? - Với cầu danh, với vọng tưởng chứ gì? Tức sống với các thức tưởng phân biệt đó, nếu khéo chuyển rồi cũng thành Phật. Minh biết rõ cái vọng tưởng đó nó là không thật thì không lầm các vọng tưởng đó. Chính ngay suy nghĩ mà bật suy nghĩ thì nó bừng sáng lên, tánh giác hiện tiền. Để thấy rõ, mỗi người chúng ta ngồi đây đều là những vị Phật tương lai, nếu khéo biết chuyển. Cho nên ở đây rốt lại Ngài Văn Thù nói ra, Diệu Quang đó chính là ta, còn Cầu Danh chính là ông chứ không có ai khác. Đó cũng là ý nghĩa, xưa nay không rời ngay

một niệm hiện tiền này, chớ kẹt vào niệm xưa nay đó chính trước mắt đây liền cách biệt.

Do đó, Ngài Văn Thù kết thúc, nay thấy điềm lành này cùng với xưa không khác, xét biết rõ đức Phật Như Lai sẽ nói kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm. Nay với xưa không khác, thấy rõ như vậy. Phật chưa nói, chưa xuất định nhưng Ngài Văn Thù thấy đó đã biết rồi. Vậy là do cái gì? - Do căn bản trí thâm hiểu được Phật muốn nói. Chúng ta khéo mở được con mắt đó thì mình cũng thấy được chỗ chưa nói của đức Phật đó. Chính thấy chỗ chưa nói của Phật đó mới thấy được chỗ tốt cùng. Còn thấy chỗ đã nói thì sao? - Thấy chỗ đã nói là thấy theo chỗ phân biệt rồi. Cho nên khi Phật đã nói rồi nhưng mình cũng phải từ chỗ đã nói đó mà thấy chỗ chưa nói kia, còn nếu theo chỗ đã nói mà hiểu tức là theo đuôi. Chỗ này phải nghiền ngẫm cho kỹ mới thấy chỗ sâu xa của Phật!

Như vậy ngày xưa cũng cái thấy cái nghe này, rồi bây giờ cũng cái thấy cái nghe này, cho nên Ngài Văn Thù lúc xưa, ở chỗ đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh đó thì Ngài cũng cái thấy cái nghe này, rồi ngày nay ở chỗ Phật Thích ca cũng cái thấy cái nghe này Ngài biết rõ, thì mình bây giờ nếu khéo cũng sẽ thấy rõ. Chính ngày xưa cũng thấy nghe đó, bây giờ cũng cái thấy nghe đó thì có hai, ba gì đâu. Chưa ngộ còn đợi gì nữa? Tri Kiến Phật là ngay chỗ đó, còn gì nữa; chỉ là mình đừng xen những cái khác vào thôi. Cũng ngay chỗ thấy nghe này đừng xen những cái khác vào là xong!

Trong Sử thiên có kể: có vị Tăng đến hỏi Ngài Linh Vân:

- Khi Phật chưa ra đời thì thế nào?

Ngài Linh Vân lấy cây phát tử đưa lên (đó là Phật chưa ra đời).

Sau đó ông Tăng hỏi tiếp:

- Khi Phật ra đời thì như thế nào?

Ngài cũng đưa cây phát tử lên.

Vậy có gì sai khác? Mà cái gì là cái Phật trước khi chưa ra đời? - Chính là cái đang ngồi đó. Thành ra chính cái đó khi Phật chưa ra đời và sau khi ra đời cũng không rời cái đó. Nhưng mình không sống được ngay cái đó, mà còn thêm trong đó cho nên thành ra sai biệt. Nếu rõ được ngay chỗ đó rồi thì ở đây thấy được Diệu Pháp Liên Hoa thôi. Kế đó Ngài Văn Thù mới thuật lại bài kệ:

CHÁNH VĂN:

**31-Ta nhớ thuở quá khứ
Vô lượng vô số kiếp
Có Phật Như Trung Tôn
Đức Thế Tôn nói pháp
Độ vô lượng chúng sanh
Vô số ức Bồ tát
Khiến vào trí huệ Phật**

GIẢNG:

Đây nhắc lại đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh, từ vô lượng vô số kiếp về trước, Phật ra đời, độ vô lượng chúng sanh cũng đều nhắm vào trí huệ Phật. Đó là bản hoài của Phật.

CHÁNH VĂN:

**32- Khi Phật chưa xuất gia
Có sanh tám Vương tử
Thấy Đại Thánh xuất gia
Cũng theo tu Phạm hạnh**

GIẢNG:

Nhắc lại khi Phật chưa xuất gia có tám vị Vương tử, khi Phật xuất gia thì tám vị đó cũng xuất gia theo.

CHÁNH VĂN:

**33- Phật nói kinh Đại thừa
Tên là "Vô Lượng Nghĩa"
Ở trong hàng đại chúng
Mà vì rộng tỏ bày.
Phật nói kinh ấy rồi
Liên ở trong pháp tòa
Xếp bằng nhập chánh định
Tên "Vô Lượng Nghĩa Xứ."
Trời rưới hoa Mạn đà
Trống trời tự nhiên vang
Các trời, rồng, quý, thần
Cúng dường đáng Như Tôn
Tất cả các cõi Phật
Tức thời vang động lớn.**

GIẢNG:

Đây nói về đức Phật nói kinh "Vô Lượng Nghĩa",

sau khi nói xong Ngài bèn nhập định tên là "Vô Lượng Nghĩa Xứ", lúc đó trời rưới hoa, đất chấn động. Thuật lại việc đó, người nghe thì ai cũng tưởng vào một thời xa xôi nào đó. Nhưng đất chấn động vang như vậy, nó còn vang cho đến ngày nay, có ai nghe được không? Tiếng vang chấn động đất, vậy đất này là đất gì? - Đó là đất tâm. Tiếng vang đó còn vang đến ngày nay, ai khéo nghe tiếng vang đó thì sao? - Thì tự nhiên là thấy trời mưa hoa, cảm được trời mưa hoa và nghe được Phật nói kinh Vô Lượng Nghĩa, thấy được Phật nhập chánh định Vô Lượng Nghĩa Xứ đó.

CHÁNH VĂN:

**34- Phật phóng sáng giữa mây
Hiện các việc hy hữu
Ánh sáng chiếu phương Đông
Muôn tám nghìn cõi Phật.
Bày sanh tử nghiệp báo
Của tất cả chúng sanh
Lại thấy các cõi Phật
Dùng các báu trang nghiêm
Màu lưu ly, pha lê
Đầy bởi Phật quang soi.**

GIẢNG:

Đây là nói Phật phóng ánh sáng từ lông trắng giữa chạng mây, chiếu về phương Đông, một muôn tám nghìn cõi, soi thấy hết nghiệp báo của chúng sanh ở trong sáu đường, cho đến cảnh trang nghiêm ở cõi Phật, màu lưu ly, pha lê đều thấy rõ hết. Đó là

muốn nói lên cái gì? - Trong ánh sáng đó tịnh uest gì cũng hiện trong đó hết, không thiếu. Vậy còn tìm đâu xa chi nữa Đó là nhắc nhở cho mình thấy lại ánh sáng đó là cái hay, còn theo tướng tịnh uest là theo chiều mê.

CHÁNH VĂN:

**35- Lại thấy những trời, người
Rỗng, thần, chúng dạ xoa
Càn thất, Khẩn na la
Đều cúng dường Phật mình.**

GIẢNG: Thấy trời, người, rỗng, thần, dạ xoa.

CHÁNH VĂN:

**36- Lại thấy các Như Lai
Tự nhiên thành Phật đạo
Màu thân như núi vàng
Đoan nghiêm rất đẹp màu
Như trong lưu ly sạch
Hiện ra tượng chơn kim
Thế Tôn trong đại chúng
Dạy nói nghĩa thâm diệu**

GIẢNG:

Đây là thấy thân tướng trang nghiêm, đẹp đẽ của các đức Phật. Và tự nhiên thành Phật đạo nói pháp vi diệu, tức là sao? Thành Phật là thành tự

nhiên, ý nói thành Phật tức là thành cái sẵn có đó, chớ không phải thành cái bên ngoài, thành mà không có chỗ thành.

CHÁNH VĂN:

**37- Mỗi mỗi các cõi Phật
Chúng Thanh văn vô số
Nhơn Phật quang soi sáng
Đều thấy đại chúng kia
Hoặc có các Tỳ kheo
Ở tại trong núi rừng
Tinh tấn giữ tịnh giới
Dường như gìn châu sáng**

GIẢNG: Nhân cái ánh sáng của Phật mà thấy các Tỳ kheo trì giới, tu hành tinh tấn thanh tịnh.

CHÁNH VĂN:

**38- Lại thấy các Bồ tát
Bồ thí nhĩn nhục tháy
Số đông như hằng sa
Đầy bởi sáng Phật soi.
Lại thấy hàng Bồ tát
Sâu vào các Thiên định
Thân tâm lặng chẳng động
Để cầu đạo vô thượng.
Lại thấy các Bồ tát
Rõ tướng pháp tịch diệt
Đều ở tại nước mình
Nói pháp cầu Phật đạo.**

GIẢNG:

Đây là nói các Bồ tát tu hành bố thí, nhẫn nhục. Còn các Bồ tát tu Thiền định cầu Phật đạo thì rõ được các pháp tướng tịch diệt. Thấy rõ ở ngay nước mình cũng nói pháp cầu Phật đạo, chớ khỏi phải đi đâu xa. Ý nói nơi mình có đủ, khỏi cần ở đâu khác.

CHÁNH VĂN:

**39- Bảy giờ bốn bộ chúng
Thấy Phật Nhật Nguyệt Đăng
Hiện sức thần thông lớn
Tâm kia đều vui mừng
Mỗi người tự hỏi nhau
Việc này nhưn duyên gì?**

GIẢNG:

Đây nói về bốn chúng khởi nghi, thấy rõ đó nhưng vẫn chưa nhận biết được, vậy có giống như mình không? Thấy đó, gặp nhau đó mà không biết nhau!

CHÁNH VĂN:

**40- Đấng của trời, người thờ
Vừa từ chánh định dậy
Khen Diệu Quang Bồ tát
Ông là mắt của đời
Mọi người đều tin về
Hay vưng giữ tạng pháp
Như pháp của ta nói**

**Chỉ ông chứng biết được.
Đức Phật đã ngợi khen
Cho Diệu Quang vui mừng
Liên nói kinh Pháp Hoa
Trải sáu mươi tiểu kiếp-
Chẳng rời chỗ ngồi ấy
Ngài Diệu Quang pháp sư
Trọn đều hay thọ trì
Pháp thượng diệu của Phật.**

GIẢNG:

Đây là Phật xuất định khen Bồ tát Diệu Quang, ngầm chỉ cho mọi người thâm cảm thông chỗ mà tình thức không thể xen vào biết được. Tức là chỗ tâm tương ứng, người ngoài khó suy nghĩ biết. Trong đây Phật khen Diệu Quang rồi nói:

“Ông là mắt của đời
Hay vâng giữ tạng pháp
Như pháp của ta nói
Chỉ ông chứng biết được”

Đó là thâm cảm thông với nhau, còn người ngoài dùng trí suy nghĩ thì không biết được. Phật khen ngợi cho Ngài Diệu Quang vui mừng rồi, nói kinh Pháp Hoa.

CHÁNH VĂN:

**41- Phật nói kinh Pháp Hoa
Cho chúng vui mừng rồi
Liên chính ngay trong đó**

**Bảo hàng chúng trời, người
Các pháp "nghĩa thật tướng"
Đã vì các ông nói
Nay ta giữa đêm này
Sẽ vào cõi Niết bàn
Phải một lòng tinh tấn
Rời các sự buông lung
Các Phật rất khó gặp
Úc kiếp được một lần.**

GIẢNG:

Đây Phật tuyên bố, Ngài sắp nhập Niết bàn. Coi như về pháp sâu xa nghĩa thật tướng đó đã nói hết rồi, bây giờ Ngài nhập Niết bàn, trả lại phần còn lại cho các ông.

CHÁNH VĂN:

**42- Các con của Phật thấy
Nghe Phật sắp nhập diệt
Thấy đều lòng buồn khổ
Phật sao gấp diệt vậy?
Đấng Thánh Chúa Pháp Vương
An ủi vô lượng chúng
Nếu lúc ta diệt độ
Các ông chớ lo sợ
Đức Tạng Bồ tát đây
Tâm đã được thông thấu
Nơi vô lậu thiết tướng
Kế đây sẽ thành Phật
Tên hiệu là Tịnh Thân**

Cũng độ vô lượng chúng

GIẢNG:

Đây đức Phật thọ ký cho Bồ tát Đức Tạng. Thấy chúng buồn khổ, Ngài bảo các ông không phải buồn khổ rồi Ngài an ủi thêm, nói các ông chớ có lo sợ, Bồ tát Đức Tạng kế tiếp đây sẽ thành Phật, sẽ độ vô lượng chúng sanh. Là nói lên, khi có tướng, có sanh, có diệt thì đó là giả tướng thôi. Còn thật tướng vẫn hằng hữu không có mất bao giờ, chớ có lo buồn. Thấy Phật nhập diệt đó là tướng giả, tướng sanh diệt, còn Phật thật có sanh diệt gì đâu mà lo buồn.

CHÁNH VĂN:

43- Dêm đó Phật diệt độ
Như củi hết lửa tắt
Chia phân các xá lợi
Mà xây vô lượng tháp.
Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni
Số đông như hàng sa
Lại càng thêm tinh tấn
Để cầu đạo vô thượng.

GIẢNG: Đây nói Phật diệt độ, chúng đệ tử xây tháp cúng dường.

CHÁNH VĂN:

44- Diệu Quang pháp sư ấy
Vâng giữ Phật pháp tạng

Trong tám mươi tiểu kiếp
Rộng nói kinh Pháp Hoa
Tám vị Vương tử đó
Được Diệu Quang dạy bảo
Vững bền đạo vô thượng
Sẽ thấy vô số Phật
Cúng dường các Phật xong
Thuận theo tu đại đạo
Nói nhau đặng thành Phật
Chuyển thứ thọ ký nhau
Đấng Phật rốt sau cả
Hiệu là Phật Nhiên Đăng
Đạo sư của thiên tiên
Độ thoát vô lượng chúng.

GIẢNG:

Đây nói Ngài Diệu Quang tiếp tục thọ trì kinh Pháp Hoa, tám vị Vương tử theo học với Ngài cuối cùng đều thành Phật, rốt sau cả là Phật Nhiên Đăng.

CHÁNH VĂN:

45 -Diệu Quang pháp sư đó
Có một người đệ tử
Tâm thường cứ biếng trễ
Tham ưa nơi danh lợi
Cầu danh lợi không nhàm
Thường đến nhà sang giàu
Rời bỏ việc tụng học
Bỏ quên không thông thuộc
Vì bởi nhờn duyên ấy

Cũng tu các nghiệp lành
 Dặng thấy vô số Phật
 Cúng dường các đức Phật
 Thuận theo tu đại đạo
 Dủ sáu Ba la mật
 Nay gặp đấng Thích Ca
 Sau đây sẽ thành Phật
 Hiệu rằng Phật Di Lặc
 Rộng độ hàng chúng sanh
 Số đông đến vô lượng.

GIẢNG:

Đây nói về Ngài Cầu Danh là vị đệ tử Ngài Diệu Quang. Ban đầu là cầu danh, do tham ưa danh lợi nhưng do cũng có trồng căn lành và gần gũi các đức Phật, nên chuyển tâm tu các công đức lành, cúng dường chư Phật rồi cũng thấy vô số Phật. Cuối cùng rồi cũng được thọ ký thành Phật.

CHÁNH VĂN:

46 - Sau Phật kia diệt độ
 Lười biếng đó là Ngài
 Còn Diệu Quang pháp sư
 Nay thời chính là ta.
 Ta thấy Phật Đấng Minh
 Điem sáng trước như thế
 Cho nên biết rằng nay
 Phật muốn nói Pháp Hoa
 Tướng nay như diêm xưa
 Là phương tiện của Phật.

Nay Phật phóng ánh sáng
Giúp bày nghĩa thật tướng
Các người nay nên biết
Chấp tay một lòng chờ
Phật sẽ rưới nước pháp
Đầy đủ người cầu đạo
Các người cầu ba thừa
Nếu có chỗ nghi hối
Phật sẽ dứt trừ cho
Khiến hết không còn thừa.

GIẢNG:

Đây nói rõ Diệu Quang chính là Ngài Văn Thù hiện tại, còn Cầu Danh là Ngài Di Lạc. Vậy, xưa chính là nay chớ không gì khác, xưa nay không từng xa cách. Muốn nhắc, ngay niệm hiện tiền này, mình khéo soi lại, sống ngay đây liền rõ được chỗ sâu xa đó. Phật nói rõ:

“Điềm sáng trước như thế
Cho nên biết rằng nay
Phật muốn nói Pháp Hoa”

Và đây là Ngài đã thổ lộ rõ ràng: “phóng ánh sáng đó, là giúp bày ngầm chỉ nghĩa thật tướng”. Khởi cần phải nói nhiều, đó là Ngài thổ lộ cho mình thấy rõ ràng, thấy ánh sáng đó là phải thâm hội cái thật tướng, chớ không phải thấy ánh sáng đó rồi mê mờ chạy theo ánh sáng đó.

Vậy ngay một phẩm Tựa này, tuy Phật chưa nói lời nào nhưng đã ngầm hiển hiện, chỉ rõ cái diệu pháp trong đó rồi.

Bởi vì, Diệu Pháp, nó là chỗ ngôn ngữ không thể nói đến được, cho nên tạm dùng hình ảnh phóng quang, hình ảnh Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh, Bồ tát Văn Thù, Bồ tát Cầu Danh, Bồ tát Di Lặc, Bồ tát Diệu Quang, những hình ảnh đó thâm tỏ bày cho mình ngầm thấy được lý sâu xa mà ngôn ngữ không thể nói đến được. Nếu người khéo nhận ngay nơi tướng sáng đó, liền rõ cảnh giới Pháp Hoa hiện bày khắp các nơi. Cho nên trong nhà Thiền nói là núi xanh trước mắt, chim kêu bên tai đều hiển bày nghĩa thật tướng, nếu mình khéo thấy.

Có một Thiền sư đọc kinh Pháp Hoa tới câu:

“Chư pháp tùng bản lai
Thường tự tịch diệt tướng”

Các pháp xưa nay tướng nó vốn là tịch diệt, lặng lẽ, ông nghi: bây giờ có lặng lẽ gì đâu? Tướng này là cây cối trước mắt, gió động, người qua, người lại sanh diệt rõ ràng, tại sao nói các pháp xưa nay vốn là lặng lẽ? Ông nghi thời gian dài suốt bao nhiêu năm trời, một hôm tới mùa Xuân ông ngồi, nghe chim hoàng oanh hót trên cành, bỗng liền tỏ ngộ. Ông làm thêm hai câu kệ đó là:

“Chư pháp tùng bản lai
Thường tự tịch diệt tướng
Xuân đáo bách hoa khai
Hoàng oanh đề liễu thượng”

Có nghĩa, “các pháp xưa nay nó vốn tự vắng lặng, nhưng Xuân đến trăm hoa nở, hoàng oanh hót trên cành”.

Tướng thường lặng lẽ chỉ cho thể, thể thì thường lặng lẽ, nhưng khi duyên đến nó hiện rõ nên gọi là chân không mà diệu hữu. Tướng lặng lẽ đây không phải là một bề im phẳng phác, mà khi duyên đến thì nó hiện rõ mọi nơi mọi chỗ, đâu đâu cũng hiện bày cái thể thật tướng đó. Cho nên ngay các tướng hiển bày trước mắt đây, liền rõ được thật tướng lặng lẽ đó, chớ không rời những cái này.

Vậy, nếu mình khéo nhận được tướng sáng đó thì rõ được cảnh giới Pháp Hoa hiện bày khắp nơi, chỗ nào nó cũng đều hiện bày. Mà muốn rõ cái diệu pháp này, trước phải thấu suốt kinh Vô Lượng Nghĩa, nên Phật nói kinh này trước. Kinh Vô Lượng Nghĩa đó là kinh gì? - Vô Lượng Nghĩa là nghĩa vô lượng không đếm hết, không tính hết, chỗ ngôn ngữ không thể nói đến.

TÓM TẮT:

Phẩm này, Phật ban đầu ở núi Linh Thứu, chúng Thanh văn hữu học, vô học, Bồ tát, trời, rồng, bát bộ, cả Vua A Xà Thế cũng đều có mặt ở trong pháp hội đó. Phật trước nói kinh Vô Lượng Nghĩa, sau nhập chánh định Vô Lượng Nghĩa Xứ, từ đó trời mưa hoa, đất chấn động, rồi Phật từ ánh sáng giữa chạng lờng mây mới phóng ra, soi khắp bao nhiêu cõi nước ở phương Đông, trong đó hiện hết cảnh giới phàm thánh đều có đủ. Sau đó, chúng hội khởi nghi hỏi Bồ tát Văn Thù. Bồ tát Văn Thù mới thuật lại những việc xưa kia mà Ngài đã từng thấy hai muôn đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh, Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh cuối cùng khi Phật chưa xuất gia có tám vị Vương tử, sau khi

Phật xuất gia thành đạo thì tám vị Vương tử đó cũng xuất gia theo và đồng theo học với Bồ tát Diệu Quang. Phật lúc đó cũng như ngày nay nói kinh Vô Lượng Nghĩa, cũng nhập chánh định Vô Lượng Nghĩa Xứ, cũng phóng quang, sau đó cũng nói kinh Pháp Hoa giống như việc ngày nay, xưa nay nó không khác. Nói kinh Pháp Hoa rồi, tuyên bố nửa đêm nhập Niết bàn, thọ ký cho Bồ tát Đức Tạng. Sau đó Bồ tát Diệu Quang trì kinh Pháp Hoa trải tám mươi tiểu kiếp.

Ngài Diệu Quang có đệ tử tên là Cầu Danh, vì tham ưa danh lợi đó cho nên học rồi mà không thuộc kinh. Nhưng do có trồng các căn lành, gặp nhiều đức Phật, cuối cùng cũng được thọ ký thành Phật. Sau cùng Ngài Văn Thù mới nói rõ, Diệu Quang chính là ta, còn Cầu Danh chính là ông, thì không có ai khác hết. Xưa tức là nay đây. Như vậy thấy rõ điềm này cũng như điềm xưa nên biết chắc Phật sẽ nói Pháp Hoa.

Nếu chúng ta ngày nay thấy được ánh sáng đó ngay chính mình đây, thì biết rõ Pháp Hoa dễ dàng. Như vậy, mở đầu kinh Pháp Hoa xuất hiện trước là Ngài Văn Thù Sư Lợi khơi mào. Văn Thù đó là chỉ cho căn bản trí, muốn nhắc nhở mỗi người chúng ta cũng phải khéo mở sáng được căn bản trí nơi mình, tin nhận căn bản trí nơi mình đó, lấy đó làm cái nhân để tiến tu thì quả chân thật sẽ đến.





2 - PHẨM PHƯƠNG TIỆN

CHÁNH VĂN:

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn từ chánh định an lành mà dậy, bảo Ngài Xá Lợi Phất: "Trí huệ của các đức Phật rất sâu vô lượng, môn trí huệ đó khó hiểu khó vào, tất cả hàng Thanh văn cùng Bích Chi Phật đều không biết được. Vì sao?"

Phật đã từng gần gũi trăm nghìn muôn ức vô số các đức Phật, trọn tu vô lượng đạo pháp của các đức Phật, đồng mãnh tinh tấn, danh tốt đồn khắp, trọn nên pháp rất sâu chưa từng có, theo thời nghi mà nói pháp ý thú khó hiểu.

Xá Lợi Phất! Từ khi ta thành Phật đến nay, các món nhân duyên, các món thí dụ rộng nói ngôn giáo, dùng vô số phương tiện dìu dắt chúng sanh, làm cho xa lìa lòng chấp. Vì sao? Đức Như Lai đã đầy đủ phương tiện, tri kiến và ba la mật.

Xá Lợi Phất! Tri kiến của Như Lai rộng lớn

sâu xa, đức vô lượng vô ngại lực, vô sở úy, thiên định, giải thoát tam muội, đều sâu vào không ngần mé, trọn nên tất cả pháp chưa từng có.

Xá Lợi Phất! Như Lai hay các món phân biệt, khéo nói các pháp lời lẽ êm dịu vui đẹp lòng chúng. Xá Lợi Phất! Tóm yếu mà nói đó, vô lượng vô biên pháp vị tầng hữu, đức Phật thấy đều trọn nên.

GIẢNG:

Tới phần này là Phật từ chánh định dậy, trước khi nói ý nghĩa này, nói qua ý nghĩa phẩm phương tiện, vì sao phẩm này gọi là phẩm phương tiện?

Phương: là phương pháp, cách thức.

Tiện: là tiện lợi, thích ứng khéo léo, nói đủ là thiện xảo phương tiện để giúp cho người đạt đến chỗ mong muốn.

Vì trí tuệ giác ngộ của Phật, là trí tuệ siêu việt, nó vốn vượt ngoài ngôn ngữ, cũng như tâm suy nghĩ. Bởi vậy, khi đức Phật thành đạo xong, Ngài định nhập Niết bàn, vì thấy chỗ này nó sâu xa quá, khó mà nói cho người hiểu được, thì nhập Niết bàn cho rồi. Chư thiên phải ba lần thưa thỉnh, Phật mới hứa khả. Đó là ngầm nói lên trí tuệ chứng ngộ của Phật, nó vượt ngoài ngôn ngữ, khó có thể dùng ngôn ngữ diễn bày được. Để giáo hóa chúng sanh, Ngài phải dùng phương tiện mà dẫn dắt họ khéo vào trí tuệ đó. Cho nên cuối cùng phải vượt qua ngôn ngữ, vượt qua cái suy nghĩ bình thường của thế gian, mới thấu được chỗ rốt ráo Phật muốn nói, muốn chỉ.

Chính vì vậy, mở đầu kinh Pháp Hoa này, Phật nhập định phóng quang, rồi trời mưa hoa, đất chấn

động, chúng hội thắc mắc không hiểu được, chỉ Ngài Văn Thù mới thâm cảm thông được thôi. Ngay mở đầu kinh này cũng nói lên điều đó.

Như vậy để thấy, lý chân thật rất ráo, không thể nói mà chỉ người tri âm mới tự thâm cảm thông, thâm hiểu được. Song nếu một bề không nói thì dạy ai đây, do đó Phật phải phương tiện nói bày. Vậy đã nói ra thì đó là phương tiện, chứ chưa phải thật, mình không thể chấp vào chỗ nói năng đó. Trong nhà thiền, khi nói ra là thuộc về đầu thứ hai rồi, còn đầu thứ nhất, có chỗ gọi là ngọn diệp phong, chỗ đó bật ngôn ngữ.

Bởi vậy trong kinh Hoa Nghiêm, khi đồng tử Thiện Tài lên tham vấn Tỳ kheo Đức Vân trên ngọn Diệp Phong, nhưng đồng tử lên đến núi rồi lại không gặp Ngài Đức Vân, sau đó qua ngọn núi khác, gọi là Biệt Phong mới gặp Ngài. Trong đó lại nói, Tỳ kheo Đức Vân chưa từng xuống núi, mà đồng tử Thiện Tài ở núi khác lại thấy Ngài là sao? - Ngọn Diệp Phong là chỗ lý rất ráo chân thật, chỗ đó không có hai. Nên Thiện Tài lên đó không thấy Ngài Đức Vân. Nếu thấy được là có hai, có chủ có khách rồi. Bởi vậy lên tới đó, nhưng không thấy được, muốn thấy thì qua ngọn núi khác mới thấy. Đó là nhân cái này mà thấy được cái kia. Mình ở đây cũng vậy, nhân lời nói phương tiện kia phải thấy thấu qua cái đó, thấy thấu qua ý kia, mới thấy chỗ lý rất ráo.

Trong sử Thiên có một vị Tăng hỏi Thiên sư Khế Phan ở Nam Thiên:

- Thế nào là nghĩa đệ nhất?

Sư bảo:

- Sao không hỏi nghĩa đệ nhất?

Ông Tăng nói:

- Đang hỏi đây!

Sư bảo:

- Đã rơi vào nghĩa đê nhị rồi.

Ngay đó ông phải thâm nhận liền. Do đó để rõ, khi có nói ra là thuộc về phương tiện, mà phương tiện là thuộc về cái thứ hai, thứ ba rồi.

Lẽ thật là chỗ tốt lý không lời, phương tiện vì người mà tạm có nói năng thôi. Dùng cách này, cách nọ khéo léo để dắt người vào lý thật đó là phương tiện. Phương tiện cũng giống như chiếc xe, chiếc thuyền chuyên chở đưa mình từ chỗ này tới chỗ khác, nhưng cái đó không phải là chỗ mục đích mình muốn đến. Ví dụ, mình muốn đi Sài Gòn, ngồi trên xe nó đưa mình tới Sài Gòn, nhưng cứ ngồi lý trên xe đó hoài cho đó là Sài Gòn là lầm.

Cũng vậy, nếu mình không khéo mà mắc kẹt trên phương tiện, trên ngôn ngữ lời nói đó, thì cũng không thấy được lý đạo. Trong Kinh Viên Giác, Phật nói: "Kinh điển Phật cũng giống như ngón tay chỉ mặt trăng". Ngón tay là chỉ cho phương tiện để chỉ mặt trăng, mình phải khéo thấy mặt trăng mới thấy được lý thật.

Vua Đường Tuyên Tông có lần hỏi Thiên sư Hoàng Biện:

- Sao gọi là phương tiện?

Thiên sư Hoàng Biện đáp:

- Phương tiện là ẩn thật mà che tướng, là cửa quyền biến khéo léo, để tiếp hàng căn cơ bậc trung, bậc hạ, chiêu uốn uốn chuyển bày ra để dẫn dụ họ, gọi đó là phương tiện. Giả sử đối với hàng thượng căn, bảo là cõi bỏ phương tiện, chỉ nói đạo vô thượng. Đây cũng là lời nói phương tiện.

Đến như Tổ Sư bảo quên công bật lời, cũng không ra ngoài dấu vết phương tiện. Vì cái lời nói đó cũng là phương tiện rồi. Vậy làm sao vượt khỏi phương tiện? Nói "Tôi buông hết phương tiện, cõi bỏ hết phương tiện", lời nói đó cũng là phương tiện.

Người vượt ngoài phương tiện, là người phải khéo dùng phương tiện để ứng dụng cho mình, nhưng không mắc kẹt trong phương tiện đó. Cũng như đức Phật, Ngài nói ra lời này, lời nọ, Ngài cũng biết đó là phương tiện; nhưng Ngài khéo dùng nó mà dẫn dắt mình, không mắc kẹt trong đó, là Ngài vượt qua phương tiện, và dùng trở lại phương tiện. Đó là khéo léo, nếu không mình nghe nói buông hết, rồi bảo: "tôi bây giờ không chấp gì hết", nói không chấp mà thành chấp. Chấp vào cái không chấp đó! Lời nói phương tiện của Phật là lời nói phá chấp, lại chấp vào lời nói phá chấp đó làm thật, thành ra chấp nữa, cái đó rất là vi tế. Cho thấy, mọi cái lập bày ra đều là phương tiện.

Đến các vị Thiên sư hay các vị Tổ đánh hoặc hét cũng là phương tiện, để ngay đó đánh thức mình tỉnh lại cái thật chính mình. Cũng như ở đây, Phật phóng ánh sáng cũng là phương tiện. Như vậy, mình phải thấy được ý ngoài lời chứ không nên mắc kẹt ngôn ngữ.

Rồi khi Phật xuất định, Ngài tán thán trí tuệ của Phật với Tôn giả Xá Lợi Phất, Ngài bảo:

- Trí huệ đó rất sâu vô lượng. Môn trí huệ đó khó hiểu, khó vào. Tất cả hàng Thanh văn cùng Bích Chi Phật cũng không biết được.

Trí tuệ đó quá sâu xa, hàng Thanh văn cùng Bích Chi Phật cũng không biết được. Phật nói thêm:

- Phật đã từng gần gũi trăm nghìn vô số đức Phật, trọn tu vô lượng đạo pháp của các đức

Phật, đồng mãnh tinh tấn, danh tốt đồn khắp, trọn nên pháp rất sâu chưa từng có, theo thời nghi mà nói pháp, ý thú khó hiểu.

Phật tán thán trí tuệ sâu xa đó, cho đến hàng Thanh văn, Bích Chi Phật không thể biết được, vậy ai biết được? Mới xuất định, Phật liền tán thán trí tuệ đó. Hiểu chỗ này, thấm được chỗ này, quý vị mới thấy được ý của Phật khi thành đạo, Ngài muốn nhập Niết bàn. Vì trí tuệ này quá sâu xa, vượt ngoài ngôn ngữ. Ở đây Ngài nói thêm, Ngài đã từng gần gũi trăm nghìn vô số Phật và trọn tu vô lượng đạo pháp mới thành được như vậy. Tuy nói lý chân thật đó sẵn có nơi mình, không phải do tu hành mà được, nhưng không phải để tự nhiên mà có, phải công phu sâu xa miên mật, khéo hợp mới tự cảm nhận. Ngài cũng nói rõ:

- Ta, từ thành Phật đến nay, các món nhân duyên, các món thí dụ, rộng nói ngôn giáo, dùng vô số phương tiện diu dắt chúng sanh, làm cho xa lìa lòng chấp.

Nghĩa là, Ngài dùng bao nhiêu phương tiện ngôn ngữ cũng để diu dắt người xa lìa lòng chấp. Còn chấp là còn mắc kẹt cái này, mắc kẹt cái kia, hết chấp liền thấu được chỗ chân thật đó.

Trong đây ngầm nói ý gì? Ngài nói bao nhiêu lời, bao nhiêu phương tiện đó, đều là để phá chấp cho người. Minh sạch hết chấp thì thấu được ý Phật. Vậy, những điều Phật nói ra chưa thật là rất ráo; và ngầm ý, bốn mươi mấy năm Phật nói pháp cũng là phương tiện đánh thức cho người sống trở lại lý thật, vượt ngoài ngôn ngữ. Do đó trong Kinh Lăng Già, Phật nói:

- Ta từ khi thành Phật cho đến nhập Niết bàn, ở trong khoảng giữa đó chưa từng nói một chữ, cũng không đã nói, sẽ nói.

Sự thật không có gì để nói, cốt là mọi người hết chấp, tự cảm nhận lẽ thật chính nơi mình mà mình đã bỏ quên, chớ không có cái khác.

Kinh nói, Phật đã đạt được những pháp sâu xa đó, những trí tuệ, các giải thoát tam muội đều là vào chỗ không ngăn mé. Tức nói lên chỗ Phật đã đến hay cái tri kiến của Như Lai nó rộng sâu, thức tình không thể suy cùng được.

CHÁNH VĂN:

2 - Thôi Xá Lợi Phất! Chẳng cần nói nữa. Vì sao? Vì pháp khó hiểu ít có thứ nhất mà Phật trọn nên đó, chỉ có Phật cùng Phật mới có thể thấu tốt tướng chân thật của các pháp, nghĩa là các pháp: tướng như vậy, tánh như vậy, thể như vậy, lực như vậy, tác như vậy, nhân như vậy, duyên như vậy, quả như vậy, báo như vậy, trước sau rốt ráo như vậy.

GIẢNG:

Phật nói rõ, bởi vì các pháp khó hiểu đó chỉ có Phật với Phật mới thấy rõ tốt tướng chân thật. Đó cũng chỉ cho người thâm cảm thông chớ không thể diễn tả hết bằng lời. Phật nói: "Nghĩa là các pháp: tướng như vậy, tánh như vậy, thể như vậy, lực như vậy, tác như vậy, nhân như vậy, duyên như vậy, quả như vậy, báo như vậy, trước sau rốt ráo như vậy".

Đây là thập như thị trong Kinh Pháp Hoa, nghĩa là nó như vậy, thấy như vậy thôi. Phật tán thán rồi thôi, Phật không nói nữa, là để cho người thật khao

khát, lắng lòng định tâm mà tin vào. Tin nhận là phân biệt thì mới có thể cảm thông được, vì không thể suy nghĩ qua chỗ đó.

Chính chỗ này, đức Lục Tổ nói bài pháp đầu tiên cho thượng tọa Minh, khi Minh đuổi theo Tổ. Tổ bảo ông hãy lắng lòng mà nghe, Thượng tọa Minh im lặng giây lâu, Ngài mới nói:

- Chẳng nghĩ thiện, chẳng nghĩ ác, cái gì là bộ mặt thật của Thượng tọa Minh?

Không nghĩ thiện, không nghĩ ác, tức là bất niệm thiện ác thì chính ngay đó là gì? Làm sao suy nghĩ? Chính ngay đó liền cảm nhận bộ mặt thật rõ ràng của mình, cho nên khi thượng tọa Minh đại ngộ, và hỏi thêm:

- Ngoài lời mật, ý mật từ trước đến nay, còn có ý mật nào nữa chăng?

Tổ bảo:

- Đã nói với ông, tức chẳng phải mật, nếu ông soi ngược lại thì mật đó ở ngay bên ông thôi.

Ngay khi mình bất niệm phân biệt, thì chính đó tự mình tỉnh dậy, mọi bí mật sẽ mở tung, không còn giấu giếm gì nữa. Còn vừa nghĩ thì thành bí mật thôi. Vì sao? Vì còn nghĩ là chưa hiểu nên nó thành bí mật, bí mật tại nơi mình. Ở đây mọi tướng tánh đó, nó như thế nào thấy đúng như thế, không thêm không bớt, không nghĩ ngợi. Mình vừa nghĩ ngợi tức là xen cái ta vào trong đó rồi. Có cái ta xen vào, thì bóp méo sự thật của các pháp, nó hết còn là như vậy, mà thành ra thế này, thế kia theo cái ta.

Thí dụ, như cái hoa thấy là cái hoa, thấy đúng như vậy, đâu có lỗi lầm gì, thì chân lý rõ ràng thôi. Nếu xen cái tôi vào, thì bắt đầu sanh chuyện, mỗi

người đều thấy khác nhau, có đẹp, có xấu. Hoa - sự thật không đẹp, không xấu. Hoa là hoa thôi, cũng như nó không đỏ không trắng. Đỏ, trắng, do mình thêm vào đó. Do tâm phân biệt mà mình đặt tên màu cho nó là xanh, đỏ, trắng quen rồi, ai cũng gọi như vậy trở thành thói quen chung, ai nói màu xanh thành vàng thì cãi liền. Nếu xưa kia người ban đầu đặt hoa đỏ là vàng, thì bây giờ mình cũng gọi tên hoa là vàng. Đó là do nhóm người ban đầu đặt tên trước, nên mọi người đều công nhận gọi theo. Cũng như đứa bé sinh ra, lớn lên chưa biết gì hết thì thấy hoa là hoa thôi chứ không biết đỏ, vàng là gì. Nó cũng không biết đó là hoa nữa, chỉ biết đó là vật vậy thôi. Để cho thấy rõ, mình có xen cái thấy của mình vào đó thì có cái ta, cho nên sự vật đó đã bị bóp méo theo cái nhìn của mình, nó hết như thị, còn đây là thấy đúng như vậy, nó như vậy thôi.

Thập như thị, Tướng - tánh là một cặp, tướng nó hiện ra bên ngoài; còn tánh chỉ ngầm bên trong, tánh không biến đổi. Ví dụ như nước thì tánh của nó là ướt. Còn thể - lực là cặp đối nhau. Thể là bản thể, là cái gốc của lực. Lực là lực dụng, thể đối với dụng. Từ thể đó nó có công năng đầy đủ, cái lực dụng đó nó ứng ra ngoài. Còn nhân là điều kiện chính nó đưa đến cái quả. Thí dụ, hạt giống là nhân, là nó đủ điều kiện chính để đưa đến quả; duyên là điều kiện phụ trợ giúp cho nhân đó mà thành tựu đến cái quả. Ví dụ hạt giống là nhân, duyên là phân, nước, ánh sáng mặt trời, công của người v.v... Quả là kết quả nhân duyên đó tạo thành, tức là nhân duyên đó tạo thành kết quả. Báo là chỉ cho cái quả nó hiện ra để đáp lại cái nhân kia. Trước - sau rất ráo như vậy, tức trước là chỉ cho cái khởi đầu, sau là chỉ cho rốt sau này. Trong đó tánh, tướng, thể, lực,

tác, thì tác là hành động tạo thành những cái nghiệp.

Vậy tánh, tướng, thể, lực, tác, nhân, duyên, quả, báo, trước, sau rốt ráo đều như vậy. Đây là gồm cả thời gian và không gian trong đó hết, đều như vậy, đều NHƯ hết, mà đều NHƯ là sao? - Là nó không rời ngay một niệm hiện tiền đây! Ngay đây nó như vậy, thấy đúng như vậy, mình vừa quên một niệm hiện tiền này, thêm cái khác vào thì hết như vậy liền, tức là có cái niệm phân biệt vào trong đó, quên mất niệm hiện tiền này thì mọi cái thành ra sai biệt, hết NHƯ. Đến đây là mở cái thấy biết "trở về núi sông là núi sông".

Từ trước đến giờ Phật nói vô thường, nói vô ngã, nói khổ, tập, diệt, đạo, nói nhân duyên, bao nhiêu phương tiện tùy duyên. Qua Bát Nhã nói tánh không, đến Pháp Hoa này Phật nói "thấy đúng rõ, mọi cái như vậy là như vậy", trả về cái thấy như thật, núi sông là núi sông, thấy đúng như nó là nó, chớ không thêm một chút xíu nào vào trong đó.

Do đó, quý vị khéo mở cái thấy này, thì còn gì là hơn thua, phân biệt thế này thế kia! và như vậy, nhìn những cánh hoa này, từng cánh hoa nó đều rõ ràng rơi trong mắt mình thôi, không di đâu khác, mỗi cánh hoa nó đều hiện rõ, không có chút gì lầm lẫn! Còn bây giờ quý vị nhìn cánh hoa có thấy rõ từng cánh hoa không, hay là sao? Bây giờ nhìn hoa thì mình đồng hoá mình với cái hoa đó, mình chết trên hoa đó, chứ đâu thấy rõ từng cánh hoa, từng cánh hoa. Còn nếu mở mắt sáng ra thì thấy rõ từng cánh hoa, từng cánh hoa rành rành không có một chút gì lầm lẫn, đó chính là mở cái thấy như thị. Mở được cái thấy như thị, thì mới rõ được các pháp đúng như thật. Đến đây quý vị thấy trí tuệ sâu xa rộng lớn của Phật chưa? Khi nói tới đó, Thế Tôn muốn

tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

CHÁNH VĂN:

**3- Đấng Thế Hùng khó lường
Các Trời cùng người đó
Tất cả loài chúng sanh
Không ai hiểu được Phật.
Trí lực, vô sở úy
Các pháp khác của Phật
Không ai so lường được.**

GIẢNG:

Đấng Thế Hùng khó lường là chỉ cho Phật. Ở đây Phật nhắc lại, mọi trí lực, vô sở úy các pháp của Phật đó Ngài đều đầy đủ hết, không ai có thể so lường được. Đó là nói lên không phải chỗ thức tình có thể hiểu được, dò đến được.

**Vốn từ vô số Phật
Đầy đủ tu các đạo
Pháp nhiệm mầu rất sâu
Khó thấy khó rõ được.
Trong vô lượng ức kiếp
Tu các đạo đó rồi
Đạo tràng đặng chứng quả
Ta đều đã thấy biết.
Quả báo lớn như vậy
Các món tánh, tướng, nghĩa
Ta cùng mười phương Phật
Mới biết được việc đó.**

GIẢNG:

Ở đây Phật nói tiếp, vốn tu hành đầy đủ đạo pháp từ vô số đức Phật và các pháp nhiệm mầu sâu xa đó, là chỗ rất khó thấy, khó rõ được, không thể dùng mắt thấy, không thể dùng thức hiểu, mà ở đây do Ngài từ vô lượng kiếp tu các đạo đó rồi, ở nơi đạo tràng mà chứng quả, cho nên chính từ "đạo tràng đặng chứng quả, ta đều đã thấy biết". Nghe đến đây thì quý vị hiểu được cái gì? - Đây là chỗ tự chứng của Phật. Ở nơi đạo tràng Ngài chứng quả thì làm sao dùng suy nghĩ mà biết được? Cho nên mình học Phật, có khi mình có trí lanh lợi, mình suy đoán chỗ Phật thành đạo rồi nói thế này thế kia, rồi cãi nhau: tôi thấy thế này, anh thấy thế kia, rốt cuộc để lộ cái chỗ không thật của mình ra. Bởi vì, đó là chỗ chứng của Phật, mình dùng trí hiểu biết lanh lợi để suy đoán, làm sao suy đoán được? Nếu có hiểu được thì hiểu theo suy đoán, hiểu một góc cạnh nào đó thôi, đâu phải hiểu đến chỗ thật, mà trong đó cãi nhau càng không thật nữa. Cho nên chính chỗ này, quý vị mới kinh nghiệm qua, người còn thích cãi thì sao? - Thì biết rõ thế nào rồi. Do đó nếu hiểu chỗ này, quý vị mới thấy thấm thía câu chuyện người mù sờ voi:

Ông Vua muốn thử mấy người mù, cho nên một hôm gọi mấy người mù lại, rồi đem con voi để trước sân trong triều. Ông vua bảo mấy người mù đó là:

- Đâu các ông sờ voi rồi tả lại cho ta nghe hình dáng nó như thế nào?

Người sờ trúng tai voi thì nói:

- Voi giống cái quạt.

Người sờ trúng cái đuôi nói:

- Voi giống như cây chổi.

Người rờ trúng cái chân thì nói:

- Voi giống như cái cột.

Người rờ trúng cái bụng thì nói:

- Voi giống như cái lu.

Rồi ai cũng nghĩ là mình thấy đúng nên liền cãi nhau. Tại sao mấy người đó cãi? Mấy người đều có rờ trúng hết, chớ không phải là không rờ trúng, nhưng trúng trong một góc cạnh nào thôi, chớ không phải là chính mắt trông thấy rõ ràng. Do đó mỗi người đều thấy khác nhau, nên cãi nhau. Trong khi đó ông Vua chỉ cười, vì vua thấy toàn thể con voi rồi, nói thế nào đi nữa thì cũng không toàn vẹn hết. Vậy người thấy toàn vẹn thì sao? Còn cãi nữa không? Còn cãi là chưa thấy trọn vẹn, là chấp theo cái thấy riêng của mình.

Đây cho thấy, đức Phật Ngài ở nơi đạo tràng tự chứng được. Do đó muốn thấy chỗ này thì cũng phải đến trong cảnh giới đó, tự mình vào được trong chỗ đó, rồi thâm cảm nhận thôi, chớ không thể suy nghĩ. Phật nói đó là chỗ ta đều thấy biết hết. Do Ngài tự chứng mà thấy biết rõ ràng, không còn chỗ suy luận, chỗ phỏng đoán. Cho nên những điều Ngài nói ra chắc chắn, chân thật, quả quyết không sai với lẽ thật.

Quả báo lớn như vậy

Các món tánh tướng nghĩa

Ta cùng mười phương Phật

Mới biết được việc đó.

GIẢNG:

Quả báo lớn như vậy, nghĩa tánh tướng đó, Ngài

cùng mười phương chư Phật mới biết được. Bởi vì sao? Bởi vì Phật với Phật tâm tâm tương ứng với nhau thì mới biết được, chứ không phải là chỗ suy nghĩ.

CHÁNH VĂN:

**Pháp đó không chỉ được.
Văng bặt tiếng nói năng
Các loài chúng sanh khác
Không có ai hiểu dạng
Trừ các chúng Bồ tát
Người sức tin bền chặt.**

GIẢNG:

Ở đây Phật đã thổ lộ ngầm chỉ ý giáo ngoại biệt truyền rõ ràng qua hai câu:

**Pháp đó không chỉ được
Văng bặt tướng nói năng.**

Là ý giáo ngoại biệt truyền đó, bởi vì chỗ đó nó bặt hết mọi nói năng, vậy thì phải thấy như thế nào? - Phải thấy trước câu nói, thấy ngoài lời. Đó là ý nói, lời nói ra đều không thể đến được chỗ này, không thấy được chỗ này, phải thấu qua ngôn ngữ, ngay đây ý giáo ngoại biệt truyền hiện trong đó. Cho nên Ngài nói:

**Các loài chúng sanh khác
Không có ai hiểu dạng
Trừ các chúng Bồ tát
Người sức tin bền chặt.**

Đó là dùng trực giác tin nhận vào, chớ không thể suy nghĩ. Chỗ này trong nhà thiền, các Ngài ít chịu giải thích rõ ràng cho mình hiểu, mà các Ngài nói những lời dễ hiểu là những lời tử ngữ, còn những lời sống là những lời làm người ta bật tình thức suy nghĩ.

**Các hàng đệ tử Phật
Tùng cúng dường các Phật
Tất cả lậu đã hết
Trụ thân rốt sau này
Các hạng người vậy thấy
Sức họ không kham được**

Ở đây Phật nói, những hàng đệ tử Phật tất cả lậu đã hết, trụ thân rốt sau, mà sức họ cũng không kham được, đây Phật thí dụ:

**Giả sử đầy thế gian
Đều như Xá Lợi Phất
Cùng suy chung so lường
Chẳng lường được trí Phật**

Trí tuệ như Xá Lợi Phất đầy thế gian này, cũng không lường được Phật trí. Đó là một lớp.

**Chánh sử khắp mười phương
Đều như Xá Lợi Phất
Và các đệ tử khác
Cũng đầy mười phương cõi
Cùng suy chung so lường
Cũng lại chẳng biết được.**

Lớp thứ hai là, khắp mười phương đều như Xá Lợi Phất và những hàng đệ tử khác nữa, cùng họp lại để suy lường cũng không biết được.

**Bạc Duyên giác trí lanh
Vô lậu thân rốt sau
Cũng đầy mười phương cõi
Số đông như rừng tre
Hạng này chung một lòng
Trong vô lượng ức kiếp
Muốn xét Phật thật trí
Chẳng biết được chút phần.**

Đây là hàng Bích Chi Phật ở khắp mười phương đông như rừng tre, họp chung lại suy lường trong vô lượng ức kiếp, cũng không thể biết được một chút phần, nghĩa là trong một thời gian dài suy xét cũng không biết được trí Phật.

**Bồ tát mới phát tâm
Cúng dường vô số Phật
Rõ thấu các nghĩa thú
Lại hay khéo nói pháp
Đông đầy mười phương cõi
Như lúa, mè, tre, lau
Một lòng dùng trí mầu
Trải số kiếp hằng sa
Thấy đều chung suy lường
Chẳng biết được trí Phật.**

Đây là Bồ tát mới phát tâm đông nhiều ở khắp mười phương như lúa, mè, tre, lau mà cùng chung suy

lường cũng không biết được trí Phật.

**Hàng Bát thối Bồ tát
Số đông như hàng sa
Một lòng chung suy cầu
Cũng lại chẳng biết được**

Đến hàng Bồ tát Bát thối chung nhau suy cầu cũng không hiểu được.

**5 - Lại bảo Xá Lợi Phật
Pháp nhiệm mầu rất sâu
Vô lậu khó nghĩ bàn
Nay ta đã đặng đủ
Chỉ ta biết tướng đó
Mười phương Phật cũng vậy.**

Ngài nói rằng, pháp mầu đó chỉ Ngài biết được thôi, và mười phương Phật cũng như vậy đó.

Đây đức Phật nhắc lại, lúc đầu tán thán pháp Phật sâu xa nhiệm mầu, rồi Ngài nói trong vô lượng kiếp Ngài tu hành, ở đạo tràng Ngài chứng được quả, vậy quý vị thấy Ngài có tu chứng hay không? - Nếu có tu chứng thì có tạo tác, có làm ra rồi! Ở trong kinh Kim Cang Phật nói: "Ta không có một chút pháp có thể được", vậy là sao? Ý nói đây không phải là điều nói suông hay chỗ luận rỗng mà được, mà phải trải qua nhiều kiếp công phu tu hành thực sự, khi công phu khế hợp thì tự chứng biết, không phải chỗ lý luận, người bên ngoài khó suy đến chỗ đó, phải người tri âm mới cảm thông được. Cho nên nói Phật cùng Phật mới biết, còn dùng trí lanh lợi của thế gian, dù cho lanh lợi cách

mấy cũng đừng mong dò được chỗ này. Ý kế Ngài nhắc, phải đạt ý quên lời, Ngài nhấn mạnh dù trí tuệ như Tôn Giả Xá Lợi Phất nhiều vô kể đó, cùng nhau chung suy lường cũng không thể biết được. Hạng Bích Chi Phật vô số cùng suy chung so lường cũng không biết được, cho đến hàng Bồ tát mới phát tâm, Bồ tát bất thối mà cùng nhau chung suy cầu cũng không thể biết được, không thể hiểu được. Nếu như vậy Phật nói kinh này cho ai? Mình học làm chi? Mình vô phần sao? Vậy lỗi là tại chỗ nào?

Ở đây mỗi người phải nghiệm cho thật kỹ mới thấy tại sao. Chính là tại chỗ “suy lường, xét biết”. Đó là chỗ trọng yếu mình phải thấy, lỗi chính là chỗ đó.

Suy lường xét nét làm sao biết được cái thật trí của Phật? Vừa suy là suy cái gì? Vừa xét là xét cái gì? Suy là suy về cái gì đó, mình suy lường trí Phật thì thấy được trí Phật chưa? Suy lường về nó là chưa đối diện với nó, xét nét về nó là còn cách với nó, chỉ hướng về nó thôi.

Trí tuệ Phật này chính là cái sẵn có nơi mình, chớ không có bên ngoài. Do đó mình suy xét về nó thì biến nó thành cái thứ hai, có bóng dáng tức trong đó có hai Văn Thù rồi. Nếu có hai Văn Thù thì làm sao biết Văn Thù nào thật, Văn Thù nào giả? Đây cũng vậy, khi suy lường thì có bóng dáng thứ hai, thành ra không thể biết được trí Phật.

Trong Tín Tâm Minh, Tam Tổ Tăng Xán chỉ rõ:

Chỉ đạo vô nan

Duy hiềm giản trạch

Chỗ tốt cùng của Đạo nó không khó, chỉ hiềm là mình chọn lựa thôi. Đạo tốt cùng đó, nó luôn hiện tiền nơi mình đây, chỉ cần tin nhận là xong. Nhưng lỗi là

tại giản trạch, so đo, phân biệt chọn lựa thế này, thế kia, do đó nó thành xa cách. Nếu bật được niệm phân biệt đó, ngay đây rõ ràng sáng suốt. Nên Ngài nói tiếp:

**Đản mạc tắng ái
Đổng nhiên minh bạch**

Chỉ dùng có khởi niệm yêu ghét, thì ngay đó rõ ràng sáng suốt, minh bạch rõ ràng. Bao nhiêu trí tuệ như Xá Lợi Phất hợp lại mà chung suy lường không thể biết được, bao nhiêu Bồ tát hợp lại suy lường không thể hiểu được, lỗi là tại đó.

**Xá Lợi Phất phải biết
Lời Phật nói không khác
Với pháp của Phật nói
Nên sanh sức tin chắc
Pháp của Phật lâu sau
Cần phải nói chân thật
Bảo các chúng Thanh văn
Cùng người cầu Duyên giác
Ta khiến cho thoát khổ
Đến chứng đặng Niết bàn.
Phật dùng sức phương tiện
Dạy cho ba thừa giáo
Chúng sanh nơi nơi chấp
Dắt đó khiến ra khỏi.**

Ở trước Phật nói: pháp của Phật sâu xa khó hiểu, không thể dùng lời nói mà diễn bày hết được, ở đây Phật nói: "Lời Phật nói không khác với pháp của Phật nói", thì nó có mâu thuẫn không? - Để nói rõ, đây là

chỗ tu chứng của Ngài, Ngài nói ra, không phải là những lời suy tưởng, không phải là ngoài lời nói này, còn riêng có gì khác nữa, mình phải khéo rõ biết bao nhiêu điều sai biệt đó, nhưng nó không rời thể chân thật này. Khéo ngay đây dừng được phân biệt thì ngay lời nói đó mình tự cảm nhận được cái sâu xa đó liền. Cho nên mỗi lời, mỗi lời mình "nghe biết rõ ràng" thì có ra khỏi chân thật không?

Sở dĩ không thấy chân thật là vì mê theo từng lời, từng lời đó. Nghe đó liền chấp vào lời nói đó, rồi phân biệt thế này thế kia, chính như vậy lại bị lời đó dẫn đi nên quên mất chân thật. Quên niệm phân biệt thì nghe được từng lời, từng lời rõ ràng mà không rời cái thể chân thật, thì ngay lời nói đó liền tỏ ngộ chân thật.

Vậy là lời Phật nói chắc thật, không hư dối, phải tin chắc. Kế Ngài nhắc, dùng bao nhiêu sức phương tiện đó dạy cho ba thừa giáo để khiến chúng sanh ra khỏi chấp trước.

CHÁNH VĂN:

6 - Khi đó trong hàng Thanh văn lậu tận A La Hán, Ngài A Nhã Kiều Trần Như v.v... một nghìn hai trăm người và các Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni, Cận sự nam cùng Cận sự nữ, hạng người phát tâm Thanh văn Duyên giác đều nghĩ rằng: "Hôm nay đức Phật cố chi lại ân cần ngợi khen phương tiện mà nói thế này: "Pháp của Phật chứng rất sâu khó hiểu, tất cả hàng Thanh văn cùng Duyên giác không thể đến được". Đức Phật nói một nghĩa giải thoát chúng ta cũng chứng được pháp đó đến nơi Niết bàn, mà nay chẳng rõ nghĩa đó về đâu?"

GIẢNG:

Đây là ở trong chúng, tất cả các người phát tâm Thanh văn, Duyên giác nghe Phật nói như vậy đều khởi nghi: Phật hôm nay vì nhơn duyên gì mà khen ngợi phương tiện, nói pháp Phật chứng rất sâu khó hiểu, tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác không thể đến được. Trong khi đó chúng ta chỉ cần nghe một nghĩa giải thoát thôi thì cũng chứng được pháp đó đến Niết bàn rồi. Vậy không biết còn gì nữa?

CHÁNH VĂN:

7- Lúc ấy Ngài Xá Lợi Phất biết lòng nghi của bốn chúng, chính mình cũng chưa rõ, liền bạch Phật rằng: "Thưa Thế Tôn, nhơn duyên gì mà Phật khen ngợi pháp phương tiện thứ nhất nhiệm mầu, rất sâu khó hiểu của các đức Phật? Con từ trước đến nay chưa từng nghe Phật nói điều đó, hôm nay bốn chúng thấy đều có lòng nghi, cúi xin đức Phật Thế Tôn bày nói việc đó. Có gì mà đức Thế Tôn ân cần khen ngợi pháp nhiệm mầu rất sâu khó hiểu?"

GIẢNG:

Ngài Xá Lợi Phất cũng nghi.

Ở trước, Phật phóng quang mà Phật không nói gì hết, có Bồ tát Văn Thù giải nghi cho rồi - giải nghi lý do Phật phóng quang. Đến đây Phật xuất định, không ai hỏi mà lại tán thán trí tuệ của Phật, cả hàng Thanh văn, Bích Chi Phật cũng không hiểu được; tán

thán rồi Phật cần ngăn thôi không cần nói. Vậy đó là ý gì? - Bởi vì đó là chỗ chứng của Phật, người ngoài không sao biết được nên Phật tự tán thán thôi. Ở đây cần phải thấy rõ, nếu còn có thấy pháp Thanh văn, Duyên giác thì sao? - Thì cái thấy đó chưa có tốt đâu. Phát tâm Thanh văn, Duyên giác mà còn bám vào, chấp vào trong đó tức là còn thấy có pháp này, pháp kia sai biệt thì chưa thấy được ý nghĩa sâu xa, lý rất ráo mà Phật muốn chỉ. Chính cái "tâm không hiểu" đó mình khéo nhận ra thì liền thông, chớ không phải có gì riêng khác.

Ngài Xá Lợi Phát thuật lại lời kệ.

CHÁNH VĂN:

**8- Đấng Huệ Nhựt Đại Thánh
Lâu mới nói pháp này
Tự nói pháp mình chứng
Lực, vô úy, tam muội
Thiền định, giải thoát thấy
Đều chẳng nghĩ bàn được.**

GIẢNG:

Ngài tán thán Phật là bậc Huệ Nhựt Đại Thánh. Huệ Nhựt: là trí tuệ sáng như mặt trời. Đại Thánh: vì Phật là bậc-thánh-h trên hàng Thánh nên xưng là Đại Thánh.

Khi Phật chưa ra đời thì chúng sanh đang sống trong đêm dài vô minh tăm tối, Phật ra đời giống như mặt trời xuất hiện để phá bóng tối vô minh đó, nên mới xưng tán Ngài là Huệ Nhựt. Ngài tự nói pháp mình chứng đều chẳng thể nghĩ bàn.

**Pháp chứng nơi đạo tràng
Không ai hỏi đến đặng
Ý con khó lường được
Cũng không ai hay hỏi
Không hỏi mà tự nói
Khen ngợi đạo mình làm
Các đức Phật chứng đặng
Trí huệ rất nhiệm mầu.**

Pháp đó không ai hỏi đến, Phật tự nói chỗ mình chứng, chỗ mình làm, bởi vì chỗ đó là chỗ sống của Phật, chỗ tự chứng của Phật, người ngoài không thể biết được. Do đó, Phật tự nói lên, rồi tự Ngài khen ngợi để cho mọi người có lòng khao khát.

**Hàng vô lậu La Hán
Cùng người cầu Niết bàn
Nay đều sa lưới nghi
Phật cố chi nói thế?**

Ở đây bao nhiêu người khởi nghi.

**Hạng người cầu Duyên giác
Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni
Các trời, rồng, quý, thần
Và Càn thất bà thầy
Ngó nhau cứ lòng nghi
Nhìn trông đấng Túc Tôn
Việc đó là thế nào
Xin Phật vì dạy cho?**

Đây là hàng Duyên giác, Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni

đều ngó nhau khởi lòng nghi, cố nhìn đức Thế Tôn để trông chờ, khao khát muốn được nghe Phật chỉ dạy, Phật nói về nhân duyên đó.

**Trong các chúng Thanh văn
Phật nói con hạng nhất
Nay con nơi trí mình
Nghi lắm không rõ được
Vì là pháp rốt ráo
Vì là đạo Phật làm
Con từ miệng Phật sanh
Chấp tay nhìn trông chờ
Xin ban tiếng nhiệm mầu
Liên vì nói như thiệt**

Ngài Xá Lợi Phất là vị trí tuệ bậc nhất mà ngài vẫn còn nghi, Ngài nói: "Vì là pháp rốt ráo, vì là đạo Phật làm". Đây là chỗ sống của Phật, chỗ hành của Phật nên Ngài phải chịu thôi. Ngài lại nói: "Con từ miệng Phật sanh", Ngài nói như thế là bởi vì Ngài lấy trí tuệ làm mạng sống, chứ không phải sống theo cái sống thường của mình đây. Trí tuệ đó từ nơi Phật, mà Ngài nhờ đó phát minh ra. Giờ đây, Ngài đang chấp tay nhìn trông chờ, sẵn sàng để tiếp nhận, cho nên "xin Phật ban tiếng mầu, liên vì nói như thiệt". Như vậy xưa nay không như thiệt hay sao mà bây giờ mới xin nói như thiệt? Đây là muốn cho Phật thổ lộ bản hoài chân thật của Ngài.

**Các trời, rồng, thần quỷ
Số đông như hằng sa
Bồ tát cấu thành Phật**

Số nhiều có tám muôn
Lại những muôn ức nước
Vua Chuyển Luân Vương đến
Đều lòng kính chấp tay
Muốn nghe đạo đầy đủ

Đó là mọi người dọn lòng sẵn sàng đón nhận, tới phiên Phật giảng.

CHÁNH VĂN:

9- Khi đó đức Phật bảo Ngài Xá Lợi Phất: "Thôi thôi! Chẳng nên nói nữa. Nếu nói việc đó tất cả trong đời các trời và người đều sẽ kinh sợ nghi ngờ"

GIẢNG:

Ở trước Phật tán thán rất nhiều, tới đây Ngài Xá Lợi Phất cầu xin chỉ dạy, Phật lại ngăn và từ chối. Ngài Xá Lợi Phất lại cầu xin.

CHÁNH VĂN:

10- Ngài Xá Lợi Phất lại bạch Phật rằng: "Thưa Thế Tôn! Cúi xin nói đó, cúi xin nói đó, vì sao? Trong hội đây có vô số trăm nghìn muôn ức A tăng kỳ chúng sanh đã từng gặp các đức Phật, các căn mạnh mẽ, trí tuệ sáng suốt, được nghe Phật dạy chắc có thể kính tin".

Lúc ấy Ngài Xá Lợi Phất muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

**Đấng Pháp Vương vô thượng
Xin nói, nguyện đừng lo
Vô lượng chúng hội đây
Có người hay kính tin**

GIẢNG:

Ngài Xá Lợi Phất cầu xin, vì trong đây có nhiều chúng sanh gặp gỡ các đức Phật, cũng từng nghe Phật dạy, có những người trí tuệ sáng suốt có thể tin nhận được, chớ không phải là không có ai để tin.

CHÁNH VĂN:

11- Đức Phật lại ngăn Xá Lợi Phất: "Nếu nói việc đó thì tất cả trong đời, trời, người, A tu la đều sẽ kinh nghi, Tỳ kheo tăng thượng mạn sẽ phải sa hầm lớn".

**Khi đó đức Thế Tôn lại nói kệ rằng:
Thôi thôi! Chẳng nên nói
Pháp ta diệu khó nghĩ
Những kẻ tăng thượng mạn
Nghe ắt không kính tin**

GIẢNG:

Phật lại ngăn lần nữa.

Tăng thượng mạn: là những người chưa chứng mà cho là chứng, chưa được mà cho là được, tức là đối với những người này họ tự nói: "Tôi đã đủ rồi, đâu cần nghe chi nữa", đối với hạng người này nói chi cho uổng.

CHÁNH VĂN:

12 - Lúc ấy Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật rằng: 'Thưa Thế Tôn! Cúi xin nói đó, cúi xin nói đó. Nay trong hội này hạng người sánh bằng con có trăm nghìn muôn ức, đời đời đã từng theo Phật học hỏi, những người như thế chắc hay kính tin lâu dài, an ổn nhiều điều lợi ích.

Khi đó Ngài Xá Lợi Phất, muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

Đấng Vô Thượng Lương Túc
Xin nói pháp đệ nhất
Con là trưởng tử Phật
Xin thương phân biệt nói
Vô lượng chúng hội đây
Hay kính tin pháp này
Đời đời Phật đã từng
Giáo hóa chúng như thế
Đều một lòng chấp tay
Muốn nghe lãnh lời Phật
Chúng con nghìn hai trăm
Cùng hạng cầu Phật nọ
Nguyện Phật vì chúng này
Cúi xin phân biệt nói
Chúng đây nghe pháp ấy
Thời sanh lòng vui mừng

GIẢNG:

Ngài Xá Lợi Phất ân cần thưa thỉnh thì Phật ngăn, đó là Phật muốn cho chúng thật lòng khao khát,

tha thiết thưa thỉnh thì khi Ngài nói ra mới dễ tiếp nhận. Bởi vì việc sâu xa khó hiểu như vậy, nếu nói dễ dàng thì dễ khinh thường, vì cái sâu xa khó hiểu đó cũng không ở đâu xa, mà chính ngay nơi mình thôi.

CHÁNH VĂN:

13- Bấy giờ đức Thế Tôn bảo Ngài Xá Lợi Phất: "Ông đã ân cần ba phen thưa thỉnh đầu đặn chẳng nói, ông nay lóng nghe khéo suy nghĩ nhớ đó, ta sẽ vì ông phân biệt giải nói".

14- Khi Phật nói lời đó, trong hội có các Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni, Cận sự nam, Cận sự nữ, cả thảy năm nghìn người liền từ chỗ ngồi đứng dậy lễ Phật mà lui về. Vì sao? Vì bọn người này gốc tội sâu nặng cùng tăng thượng mạn, chưa đặn mà nói đã đặn, chưa chứng mà cho đã chứng, có lỗi dường ấy cho nên không ở lại. Đức Thế Tôn yên lặng không ngăn cản.

15- Bấy giờ, đức Phật bảo Ngài Xá Lợi Phất: "Trong chúng ta đây không còn cành lá, rệt có hột chắc. Xá Lợi Phất! Những gã tăng thượng mạn như vậy lui về cũng là tốt, ông nay nên khéo nghe, ta sẽ vì ông mà nói".

Ngài Xá Lợi Phất bạch rằng: "Vâng thưa Thế Tôn, con nguyện ưa muốn nghe".

GIẢNG:

Đến đây Phật hứa nói, rõ ràng Phật ngăn tới ngăn lui để cho chúng hết lòng thưa thỉnh. Mọi người đã sẵn sàng đón nhận, khi đưa ra họ nhận liền, còn

họ nghe mà chưa thật lòng, chỉ nghe cho vui thôi thì sao? Thì nói ra họ chưa tiếp nhận, chưa có thể thấm sâu được.

Nhưng khi Phật hứa nói, thì trong hội có năm nghìn người đứng dậy lễ Phật lui về, quý vị thấy có buồn không? Đối diện với Phật, sắp nghe pháp mà đành đứng dậy bỏ về thì nói sao đây? Như vậy không phải đối diện mà lằm qua sao? Cho nên mình thấy, ngay thời của Phật mà cũng còn có chuyện như vậy, còn mình bây giờ ngồi nghe có ai muốn bỏ về chưa? Khi họ bỏ về, Phật không ngăn mà còn bảo họ về cũng tốt. Vậy Phật không từ bi hay sao, Phật không kêu những người đó ở lại nghe pháp?

Đây, cảnh tỉnh cho những ai có lòng tự mãn, đó là: "Những kẻ tăng thượng mạn, nghe ắt không kính tin". Khi có niệm tự cho mình là đủ rồi, tự cho mình hiểu quá rồi thì đâu cần cầu thêm nữa. Chính như vậy là tự mình sẽ ngăn mình. Nói như vậy, Phật có bỏ hạng người này không?

Trong kinh Pháp Hoa nói mọi người đều sẽ thành Phật, ai cũng thành Phật. Tại sao Phật bỏ họ, có bỏ luôn hay không? Đây quý vị nhớ lại kỹ, sẽ thấy ánh sáng Pháp Hoa lúc Phật phóng ra, nó vẫn chiếu khắp nơi phải không? Nhưng Phật có thu lại chưa? Trong kinh cũng chưa thấy chỗ nào Phật thu lại hết. Như vậy là sao? Phật cũng còn để dành cho họ. Còn để dành thì có lúc họ sẽ bắt gặp, tuy họ bỏ về, Phật không ngăn nhưng cũng không gạt bỏ luôn. Bởi vì dù họ đi đâu cũng không ra ngoài ánh sáng đó, hiểu như vậy quý vị không có nghi.

Khi họ về rồi Phật bảo: "Trong chúng ta đây không còn cành lá, rất có hạt chắc". Cành lá là gì? -

Là chỉ cho cái tâm kia đây, lằng xằng. Còn hột chắc là không có cái tâm kia đây, chỉ nhất tâm chân thật. Chính cái tâm này mới nghe được Pháp Hoa, vào được Pháp Hoa. Cho nên đến đây chuẩn bị nói Pháp Hoa, Ngài nói với Xá Lợi Phất: "Ông hãy khéo nghe, ta sẽ vì ông mà nói". Ngài Xá Lợi Phất mới thưa rằng: "Vâng, bạch Thế Tôn, con nguyện ưa muốn nghe". Đó là sẵn sàng nghe, đúng lúc, đúng thời!

CHÁNH VĂN:

16- Đức Phật bảo Ngài Xá Lợi Phất: "Pháp mầu như thế, các đức Phật Như Lai đến khi đúng thời mới nói, như bông Linh Thoại đến thời tiết mới hiện một lần. Xá Lợi Phất! Các ông nên tin lời của Phật nói không hề hư vọng.

GIẢNG:

Phật nói rõ, pháp mầu sâu xa thì phải đúng thời mới nói, nếu nói dễ dàng, người sẽ khinh thường. Xưa, thị giả thiên sư Điều Khoà là Hội Thông theo học với Thầy thời gian, một hôm từ giã Thầy đi nơi khác.

Sư hỏi:

- Ông đi đâu?

Hội Thông thưa:

- Hội Thông vì pháp mà xuất gia, song Hoà thượng chẳng từ bi chỉ dạy, nay con xin đi các nơi tham học Phật pháp.

Sư bảo:

- Nếu là Phật pháp, ta đây cũng có chút ít.

Hội Thông thưa:

- Thế nào là Phật pháp của Hoà thượng?

Sư bút sợi lông vãi trên thân đưa lên thổi. Ngay đó Hội Thông liền lĩnh hội huyền chỉ.

Chỉ một việc bút sợi lông vãi đưa lên thổi, sao trước kia Sư không làm, phải đợi đến lúc này mới làm? Tức phải chờ đúng lúc thời tiết nhân duyên đầy đủ, tâm người mới khế hợp mà cảm nhận được.

Trong đây, Phật thí dụ bông Linh Thoại, tương truyền ngàn năm mới nở một lần. Khi nó nở là có thánh nhân ra đời, tức chỉ việc ít có, khó gặp! Cho nên Phật ân cần nhắc người khéo tin nhận, chớ vội bỏ qua!

CHÁNH VĂN:

17- Xá Lợi Phất! Các đức Phật theo thời nghi nói pháp ý thú khó hiểu. Vì sao? Ta dùng vô số phương tiện các món nhơn duyên, lời lẽ thí dụ diễn nói các pháp. Pháp đó không phải là suy lường phân biệt mà có thể hiểu, chỉ có các đức Phật mới biết được. Vì sao? Các đức Phật Thế Tôn, chỉ do một sự nhơn duyên lớn mà hiện ra nơi đời.

Xá Lợi Phất! Sao nói rằng các đức Phật Thế Tôn chỉ do một sự nhơn duyên lớn mà hiện ra nơi đời? Các đức Phật Thế Tôn vì muốn cho chúng sanh khai Tri Kiến Phật để đặng thanh tịnh mà hiện ra nơi đời, vì muốn cho chúng sanh tỏ ngộ Tri Kiến Phật mà hiện ra nơi đời, vì muốn cho chúng sanh chứng vào đạo Tri Kiến Phật mà hiện ra nơi đời.

Xá Lợi Phất! Đó là các đức Phật do vì một sự nhơn duyên lớn mà hiện ra nơi đời.

GIẢNG:

Các đức Phật theo thời nghi mà nói pháp là sao? Ngâm ý nói, nó không có cố định, không thể chấp vào lời nói đó, vì đó chỉ là phương tiện, chưa phải thật. Phải thâm nhận ý thú ngoài lời, ngoài sự suy nghĩ, nên tiếp đó Phật bảo: "Pháp đó không phải là suy lường phân biệt mà có thể hiểu, chỉ có các đức Phật mới biết được". Vậy mình làm sao hiểu? Phật nói cho ai? Bởi mình cầu hiểu, nên không thể hiểu. Mình càng suy thì càng trái xa. Vì pháp đó ở đâu mà mình hiểu? mình suy? Hiểu nó là nó ở ngoài mình rồi!

Tiếp đến Phật thổ lộ nhân duyên ra đời, tức chư Phật chỉ vì **MỘT NHÂN DUYÊN VIỆC LỚN** mà hiện ra đời!

Sao gọi là việc lớn? Bởi nó vượt qua thời gian, không gian, không cái gì trên đời có thể so sánh, nó là cái giải quyết cả kiếp người, cả sự luân hồi trong sinh tử từ vô thủy. Ai cũng có việc lớn đó mà bỏ quên, và nhân duyên việc lớn đó là gì?

Tức là **KHAI THỊ** cho chúng sinh **TỔ NGỘ VÀO TRI KIẾN PHẬT**. Tri kiến Phật là gì? Tức cái **THẤY BIẾT GIÁC NGỘ** hiện sẵn nơi sáu căn của mỗi người đây.

Chúng sinh luôn nhận theo trần mà quên nó, nên sống hàng ngày trong nó mà không hề hay biết, đành chịu lưu chuyển trong luân hồi. Chư Phật khai, tức đánh thức cho người **NHỚ LẠI**, chứ cũng không có khai cái gì mới. Bởi cửa đó sẵn mở rồi, chỉ cần người **NHỚ** lại, tin nhận là xong.

Lục Tổ nói: "Một niệm tâm sáng, đó là khai tri

kiến Phật". Ngay đây, một niệm sáng tỏ không mê, tức mở ánh sáng giác ngộ chứ gì? Cho nên nói Phật khai là một phần, một phần chính yếu là mỗi người phải TỰ KHAI.

CHÁNH VĂN:

18- Đức Phật bảo Xá Lợi Phất: "các đức Phật Như Lai chỉ giáo hóa Bồ tát, những điều làm ra thường vì một việc: chỉ đem Tri Kiến Phật chỉ cho chúng sanh tỏ ngộ thôi".

Xá Lợi Phất! Đức Như Lai chỉ dùng một Phật thừa mà vì chúng sanh nói pháp, không có các thừa hoặc hai hoặc ba khác.

19- Xá Lợi Phất! Pháp của tất cả các đức Phật ở mười phương cũng như thế.

Xá Lợi Phất! Thuở quá khứ các đức Phật dùng vô lượng vô số phương tiện, các món như duyên lời lẽ thí dụ mà vì chúng sanh diễn nói các pháp, vì pháp ấy đều là một Phật thừa, nên các chúng sanh đó theo chư Phật nghe pháp rất ráo đều đặn chứng "nhất thể chủng trí".

Xá Lợi Phất! Thuở vị lai, các đức Phật sẽ ra đời cũng dùng vô lượng vô số phương tiện các món như duyên, lời lẽ thí dụ mà vì chúng sanh diễn nói các pháp, vì pháp ấy đều là một Phật thừa, nên các chúng sanh đó theo chư Phật nghe pháp rất ráo đều đặn chứng "nhất thể chủng trí".

Xá Lợi Phất! Hiện tại nay, trong vô lượng trăm nghìn muôn ức cõi Phật ở mười phương, các đức Phật Thế Tôn nhiều điều lời ích an vui cho chúng sanh. Các đức Phật đó cũng dùng vô

lượng vô số phương tiện các món như duyên, lời lẽ thí dụ mà vì chúng sanh diễn nói các pháp, vì pháp ấy đều là một Phật thừa, nên các chúng sanh đó theo chư Phật nghe pháp rất ráo đều dặng chứng "nhất thể chủng trí".

Xá Lợi Phất! Các đức Phật đó chỉ giáo hóa Bồ tát, vì muốn đem Tri Kiến Phật mà chỉ cho chúng sanh, vì muốn đem Tri Kiến Phật cho chúng sanh tỏ ngộ, vì muốn làm cho chúng sanh chứng vào Tri Kiến Phật vậy.

Xá Lợi Phất! Nay ta cũng lại như thế, rõ biết các chúng sanh có những điều ưa muốn, thân tâm mê chấp, ta tùy theo bốn tánh kia dùng các món như duyên, lời lẽ thí dụ cùng sức phương tiện mà vì đó nói pháp.

Xá Lợi Phất! Như thế đều vì để chứng dặng một Phật thừa "nhất thể chủng trí".

GIẢNG:

- Ở đây chú ý: Chư Phật có làm ra điều gì, đều là vì một việc: ĐEM TRI KIẾN PHẬT chỉ cho chúng sanh. Vậy còn nghi gì nữa? Phật có giấu giếm cái gì đâu. Trong đây Phật đã nói rõ, bao nhiêu việc làm sai biệt là đều hướng người về một việc: TỎ NGỘ TRI KIẾN PHẬT! Tức phải đến như Phật, chớ không phải chỉ đạp theo dấu Phật cho là đủ! Đây là chỗ ba đời chư Phật đều chỉ dạy, không chỉ riêng Phật Thích Ca thôi.

Tại sao Phật chỉ nhắm đến việc này? Bởi các Ngài đều thấy rõ, TRI KIẾN PHẬT là cái ai ai cũng có đủ, không thiếu sót, mà không chỉ ra nó, không đánh thức nhớ lại nó, thì còn chỉ cái gì? Chính kinh Hoa

Nghiêm Phật từng nói: "Lạ thay! lạ thay! Tất cả chúng sinh đều có đủ đức tướng trí tuệ Như Lai, chỉ vì vọng tưởng chấp trước mà không thể chứng được. Nếu lia vọng tưởng là trí thanh tịnh, trí tự nhiên, trí vô sự tự nhiên hiện tiền"

Tóm lại, ý Phật muốn đưa người đến một Phật thừa, giác ngộ thành Phật, ngoài ra đều là phương tiện

CHÁNH VĂN:

20- Xá Lợi Phất! Các đức Phật hiện ra trong đời ác năm trước, nghĩa là: kiếp trước, phiền não trước, chúng sanh trước, kiến trước, mạng trước. Như thế Xá Lợi Phất, lúc kiếp loạn trước chúng sanh nhơ nặng, bòn sẻn, tham lam, ghét ganh, trợn nên các căn chẳng lành, cho nên các đức Phật dùng sức phương tiện, nơi một Phật thừa, phân biệt nói thành ba.

21- Xá Lợi Phất! Nếu đệ tử ta tự cho mình là A La Hán cùng Duyên giác mà không nghe, không biết việc của các Phật Như Lai chỉ giáo hóa Bồ tát, người này chẳng phải đệ tử Phật, chẳng phải A La Hán, chẳng phải Duyên giác.

Lại nữa Xá Lợi Phất! Các Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni tự cho mình đã đặng A La Hán, là thân rốt sau rốt ráo Niết bàn, bèn chẳng lại chí quyết cầu đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nên biết bọn đó là kẻ tăng thượng mạn. Vì sao? Nếu có Tỳ kheo thiết chứng quả A La Hán mà không tin pháp này, quyết không có lẽ ấy, trừ sau khi Phật diệt độ, hiện tiền không Phật. Vì sao? Sau khi Phật diệt độ, những kinh

như thế, người hay thọ trì đọc tụng hiểu nghĩa rất khó có đặng, nếu gặp đức Phật khác ở trong pháp này bèn đặng hiểu rõ.

Xá Lợi Phất! Các ông nên một lòng tin hiểu thọ trì lời Phật dạy. Lời các đức Phật Như Lai nói không hư vọng, không có thừa nào khác, chỉ có một Phật thừa thôi.

GIẢNG:

Đây Phật chỉ rõ, các đức Phật ra đời nhằm thời ngũ trước, chúng sinh căn cơ kém, nên phải tùy duyên, phương tiện từ một Phật thừa nói thành ba. Nếu xét tột lý thật thì, TRI KIẾN PHẬT vốn không có đại tiểu, không có hai ba. Như Lục Tổ trả lời cho Ngũ Tổ: "Người thì có Nam Bắc, nhưng Phật tánh của con cùng Hoà thượng đồng nhau". Vậy thì, Ngài đã Giác được, con cũng có phần Giác được.

Song, Phật sở dĩ nói nhiều pháp là vì sao? Vì chúng sinh có nhiều bệnh, Phật phải nhiều thuốc để cho thích hợp. Tức tùy chỗ ưa muốn, mê chấp của họ mà cởi mở lần lần, để cuối cùng cũng đưa về Phật thừa.

Trong đây, Phật lại nhấn mạnh: THẬT LÀ A LA HÁN mà KHÔNG TIN việc này, không biết việc Phật chỉ dạy Bồ tát, là không có lý. Tức Phật muốn đánh thức: ÔNG CHÚA PHẢI LÀ A LA HÁN, mà tự cho mình là A La Hán, cần phải xét lại!

Thật sự A LA HÁN, sạch hết phiền não, sao còn tự mãn? Sao còn chấp vào chỗ mình được?

Phật cũng nhấn mạnh: " Những Tỳ kheo, Tỳ kheo ni đó, tự cho mình đã được thôi", chứ không phải thật được!

Phật nói rõ thêm, trừ lúc Phật diệt độ, hiện tiền không có Phật, nhưng gặp Phật khác, bèn ở trong pháp này mà hiểu được. Hiện tiền không có Phật, tức vắng bóng ánh sáng giác ngộ, nên khó tin. Song nếu hay thọ trì, đọc tụng, dù không hiểu, nhưng cũng gieo cái nhân xa. Đủ duyên, gặp Phật khác liền tỏ hiểu, không mất. Phật khác ở đâu? Tức ĐẠO NHÂN VÔ TÂM đó! Gặp vị này liền TIN NGAY.

Trong phần này có nói đến thời ngũ trước, vậy ngũ trước là gì? Nghĩa là:

1- Kiếp trước: Thời chúng sinh tạo nhiều ác nghiệp tụ hội trong đó, tuổi thọ ngắn ngủi, nhiều tai ương, tật dịch....

2- Phiền não trước: chúng sinh nhiều phiền não tham sân si, loạn tâm thân, đắm nặng trong ngũ dục.

3- Chúng sinh trước: Tức người nhiều chủng tử tệ ác chiêu cảm đến, không biết tu thiện, theo tình tạo nghiệp, không cầu giải thoát.

4- Kiến trước: Xa thời Phật, tà phát sinh, người nhiều chấp trước sai lầm, không đúng lẽ thật.

5- Mạng trước: Do ít biết tu thiện, nghiệp lành kém mỏng, nên thọ mạng thường ngắn ngủi.

Tức trong thời này, chúng sinh càng cường khó nghe, khó tin hiểu, Phật bất đắc dĩ phải vì họ chịu uốn, dẫn dắt từ từ, chưa thể nói thẳng giác ngộ thành Phật, phải nói tu hành giải thoát khổ là điều cần trước.

CHÁNH VĂN:

Khi ấy đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa này mà nói kệ rằng:

22- Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni
 Cứu lòng tăng thượng mạn
 Cận sự nam ngã mạn
 Cận sự nữ chẳng tin
 Hàng bốn chúng như thế
 Số kia có năm nghìn
 Chẳng tự thấy lỗi mình
 Nơi giới có thiếu sót
 Tiếc giữ tội quấy mình
 Trí nhỏ đó đã ra
 Bọn cám tẩm trong chúng
 Oai đức Phật phải đi
 Gã đó kém phước đức
 Chẳng kham lãnh pháp này
 Chúng nay không càn lá
 Chỉ có những hạt chắc

GIẢNG:

Chẳng thấy lỗi mình, tức thiếu phản tỉnh, thiếu thành thật với chính mình, nên khuyết giới, là giữ tội. Tức là che đậy tội lỗi, dở xấu của mình thì làm sao tin được VIỆC LỚN.

Đây muốn nhắc phải RẤT THÀNH THẬT với chính mình, chỗ nào chưa thật biết, thật rõ, còn nghi chưa quyết, phải tìm được thiện tri thức thưa hỏi cho rõ ràng. Phải buông sạch những tâm niệm càn lá, thuận là một lòng chân thật. Thì dễ tiếp nhận pháp này.

CHÁNH VĂN:

23- Xá Lợi Phát khéo nghe!

**Pháp của các Phật đặng
Vô lượng sức phương tiện
Mà vì chúng sanh nói
Tâm của chúng sanh nghĩ
Các món đạo ra làm
Bao nhiêu những tánh dục
Nghiệp lành dữ đời trước
Phật biết hết thế rồi
Dùng các duyên thí dụ
Lời lẽ sức phương tiện
Khiến tất cả vui mừng
Hoặc là nói kệ kinh
Cô khởi cùng bốn sự
Bốn sanh, vị tăng hữu
Cũng nói những nhưn duyên
Thí dụ và trùng tụng
Luận nghị cộng chín kinh
Căn độn ưa pháp nhỏ
Tham chấp nơi sanh tử
Nơi vô lượng đức Phật
Chẳng tu đạo sâu mầu
Bị các khổ não loạn
Vì đó nói Niết bàn
Ta bày phương tiện đó
Khiến đều vào huệ Phật
Chưa từng nói các ông
Sẽ đặng thành Phật đạo
Sở dĩ chưa từng nói
Vì giờ nói chưa đến
Nay chính là đến giờ
Quyết định nói đại thừa.**

GIẢNG:

Phật phương tiện tùy bệnh cho thuốc, có lập có phá. Những điều trước đây Phật lập bày ra, đều vì việc lớn này, không thể dính kẹt trong đó!

CHÁNH VĂN:

**24- Chín bộ pháp của ta
Thuận theo chúng sanh nói
Vào đại thừa làm gốc
Nên mới nói kinh này**

GIẢNG:

Phần trước Phật lập lại tùy theo tánh dục của chúng sanh, Ngài nói ra chín bộ kinh, đó cũng là phương tiện khiến đều vào trí huệ Phật. Giờ đây đến đúng lúc rồi, Ngài quyết định nói đại thừa. Phật nói tiếp, chín bộ pháp đó, Ngài thuận theo chúng sanh mà nói, rồi cũng đưa vào đại thừa, lấy đại thừa làm gốc nên bây giờ lại nói kinh này. Vậy đại thừa cũng không rời tiểu thừa, nói tiểu thừa hay đại thừa đó là phương tiện thôi, cũng đều đưa về một việc chính.

CHÁNH VĂN:

**Có Phật tử tâm tịnh
Êm dịu và căn lợi
Nơi vô lượng các Phật
Mà tu đạo sâu mầu
Vì hàng Phật tử này**

**Nói kinh đại thừa đây
Ta ghi cho người đó
Đời sau thành Phật đạo**

GIẢNG:

Ở đây, Phật nói có những người Phật tử tâm được thanh tịnh, căn bén nhạy lanh lợi là người lợi căn, Phật mới vì hạng này mà nói thẳng lý thật là thành Phật. Vì những người này nghe được thì liền tin nhận, nhưng Phật nói rõ, ở đây không phải là hạng nói lý suông mà những vị này đã ở nơi nhiều đức Phật, có tu hành đạo lý sâu mầu, cho nên vì những người này mà nói kinh đại thừa đây, khiến cho đời sau được thành Phật đạo. Song nói được đó không phải là cái mới có, mà là cái đã sẵn nơi mình. Ở đây quý vị nghe kiểm lại xem:

Sao không nói ngay đời đó thành mà nói đời sau sẽ thành Phật đạo? Đó là nói lên cần phải sống cho đầy đủ trọn vẹn trong đó, thì mới viên mãn công phu, viên mãn Phật quả, không phải nói sẵn có là xong rồi; hoặc thấy được, nhận được là xong. Nên ở đây, Phật nói rõ ràng, những người này đã có ở nơi vô lượng các đức Phật, tu những đạo sâu mầu, nhưng Phật cũng thọ ký cho họ đời sau sẽ thành Phật đạo, tức là còn phải sống cho được đầy đủ, được trọn vẹn trong đó, chớ không phải nhận trên lý thôi.

CHÁNH VĂN:

**Bởi thân tâm niệm Phật
Tu trì tịnh giới vậy
Hạng nghe nói thành Phật**

**Rất mừng đầy khắp mình
Phật biết tâm của kia
Nên vì nói đại thừa
Thanh văn hoặc Bồ tát
Nghe ta nói pháp ra
Nhấn đến một bài kệ
Đều thành Phật không nghi**

GIẢNG:

Thâm tâm niệm Phật là: luôn luôn nhớ Phật không quên.

Như vậy tâm mình nhớ Phật, Phật nhớ mình - Là có sự tương ứng, và nhớ Phật là gọi lại Phật chính mình, đó là bước để mình sống lại chính mình. Luôn nhớ là nhớ như vậy và tu trì tịnh giới, cho nên những hạng người này nghe thành Phật thì rất vui mừng.

Đây là hạng có tu trì đàng hoàng nên nói tu trì tịnh giới, chớ không phải nói trên ngôn ngữ thôi.

**Hạng này nghe thành Phật
Rất mừng đầy khắp mình.**

Đây là hạt giống Phật rất mạnh, rất vững, có lòng tin sâu, nên nghe việc này thì mừng, mừng đầy khắp mình, chứ không phải nghe phớt phớt bên ngoài.

Bởi họ có hạt giống Phật mạnh sẵn và Phật cũng biết tâm niệm của chính họ nữa, thầy trò khế hợp nhau, nên khi Phật nói ra họ tin nhận liền. Giống như con gà mẹ với trứng gà con, khi trứng gà gần đến thời kỳ nở thì gà con trong trứng phát ra tiếng, gà mẹ nghe liền mổ lưng vỏ, gà con ra liền.

Đây cũng vậy, hạt giống Phật của người đó nó đã sâu dầy, Phật biết vậy liền đánh thức họ đúng lúc thì họ liền tin nhận và tỏ sáng. Nên Phật biết vậy rồi, liền nói đại thừa, Thanh văn, Bồ tát đó nghe Phật nói pháp ra dù chỉ một bài kệ thôi cũng đều thành Phật không nghi. Vậy để rõ, ai ai cũng đều có việc này, không phải Thanh văn mất phần thành Phật. Có khi Phật quở Thanh văn để đánh thức họ và thúc đẩy các vị ấy tiến lên, chớ không phải nói Thanh văn là không có phần.

CHÁNH VĂN:

**25 - Trong cõi nước mười phương
Chỉ có một thừa pháp
Không hai cũng không ba
Trừ Phật phương tiện nói**

GIẢNG:

Phật xác định rõ ràng: trong cõi nước mười phương chỉ có một thừa pháp, không hai cũng không ba gì hết, vì phương tiện mà Phật nói có sai biệt vậy thôi. Mà thừa pháp đó là gì? - Là tri kiến Phật, mình phải thấy pháp chân thật đó, không phân biệt hai ba.

CHÁNH VĂN:

**Chỉ dùng danh tự giả
Dắt dẫn các chúng sanh
Vì nói trí huệ Phật
Các Phật ra nơi đời
Chỉ một việc này thiệt**

**Hai thứ chẳng phải chơn
Trọn chẳng đem tiểu thừa
Mà tế độ chúng sanh**

GIẢNG:

Đây Phật nói thêm, những điều Phật nói chỉ là dùng danh từ giả tạm để dẫn dắt, vậy vì sao chúng ta lại bám chấp vào danh từ đó, kẹt trên danh từ giả đó, là mình chết trên cái giả danh, mắc kẹt trên đó rồi phân chia đây kia, yêu ghét, cao thấp v.v..., càng đi xa cái thật. Danh từ giả đó là gì? - Thí dụ như Phật nói Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát hoặc quả này quả nọ, đó là danh từ tạm gọi mà thôi; nếu mình nói: tôi tu theo đại thừa, còn anh tu theo tiểu thừa nên tôi cao, anh nhỏ anh thấp, thì chính tâm đó là tâm gì? - Là tâm sanh tử.

Còn tri kiến Phật có tiểu đại gì không? Hiểu như vậy thì mới thấy được ý Phật muốn chỉ, cho nên:

Các Phật ra nơi đời
Chỉ một việc này thiệt
Hai thứ chẳng phải chân

Như vậy, thấy có một, có hai, có ba, đó là không phải thật, cho nên Phật nói:

Trọn chẳng đem tiểu thừa
Mà tế độ chúng sanh.

Phật nói tiểu thừa cũng là phương tiện, chứ bản ý của Phật là muốn hướng người đến chỗ Phật thừa này.

CHÁNH VĂN:

**Phật tự trụ đại thừa
Như pháp của mình đặng
Định, huệ, lực trang nghiêm
Dùng đây độ chúng sanh**

GIẢNG:

Ở đây Phật nói: Ngài tự trụ đại thừa, như pháp mình chứng đặng, dùng để độ chúng sanh. Đó là Phật muốn nói ra cái gì? Tức là Ngài nói ra từ chỗ chứng nghiệm. Ngài được cái gì, Ngài nói ra để giáo hóa chúng sanh, chớ không giấu giếm gì hết.

CHÁNH VĂN:

**Tự chứng đạo vô thượng
Pháp bình đẳng đại thừa
Nếu dùng tiểu thừa độ
Nhấn đến nơi một người
Thời ta đọa xan tham
Việc ấy tất không được**

GIẢNG:

Phật nói rõ, Ngài không có một chút gì giấu diếm, chẳng qua là mình chưa thể tin nhận kịp thôi. Nếu Ngài có một chút gì giấu giếm, tức là dùng tiểu thừa độ, dù chỉ một người là thành xan tham rồi. Phật không có điều đó. Nhưng có điều, chỗ đó là chỗ

khó nói, nên Ngài phải dùng phương tiện nói thế này, nói thế kia, để cho người căn cơ khế hợp rồi thâm tin nhận lấy.

Ngài nói: tự chứng đạo Vô thượng đó là pháp bình đẳng. Bình đẳng là không cao thấp, hơn thua. Không phải Ngài có mình không có. Chỗ bình đẳng này không phải là san bằng hết, mà là ai ai cũng đủ cái đó. Phật chứng được thì mình cũng chứng được, chớ không phải cái này dành riêng cho đức Phật thôi.

Phật khéo, Ngài nhận được trước và sống được thì Ngài thành Phật. Còn mình chưa hoặc là mới nhận, nếu mình sống được trọn vẹn đầy đủ rồi thì mình cũng thành Phật. Đó là bình đẳng không hai, không sai khác, chính đó là chỗ đặc biệt trong nhà Phật.

Vì thế, Ngài chứng được thì muốn chỉ cho mọi người chứng được như Ngài. Chính vì vậy mà có câu: "Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành".

CHÁNH VĂN:

**Nếu người tin về Phật
Như Lai chẳng dối gạt
Cũng không lòng tham ganh
Dứt ác trong các pháp
Nên Phật ở mười phương
Mà riêng không chỗ sợ**

GIẢNG:

Ở đây Phật nói rõ hơn, Ngài nhấn mạnh: nếu người tin về Phật, là tin tưởng được Như Lai chẳng dối gạt. Bởi vì mình tin được điều đó thì mình mới thấy

được Như Lai không dối gạt mình, chứ chưa tin nổi thì cũng còn nghi. Nói ai cũng thành Phật hết, mà ai cũng còn đủ nghiệp chướng sao thành Phật được? Mình có tin nhận điều này rồi thì thấy rõ quả thật Phật không dối gạt mình. Đó là lẽ thật. Tuy nghiệp chướng đó, nhưng tri kiến Phật vẫn hằng hiện hữu nơi sáu căn không mất.

Ngài nói rõ thêm, Ngài không có lòng tham ganh ghét gì hết; chính ngài đã dứt sạch các ác ở trong các pháp rồi, cho nên dù Phật ở mười phương mà Ngài riêng không có sợ. Ngài nói ra điều này là quyết định xác thực, dù cho có mười phương chư Phật ở khắp nơi đó, Ngài cũng nói ra một cách mạnh mẽ chớ không có e dè sợ sệt gì. Còn mình, khi nói thì e dè, sợ không biết có đúng không, sợ mình nói lỡ bị người ta bắt bẻ thì sao? Chứng tỏ những điều mình nói ra là những điều mình học lại thôi, chưa phải là chỗ thực sống của mình nói ra. Rồi Ngài nói rõ:

CHÁNH VĂN:

**Ta dùng tướng trang nghiêm
Ánh sáng soi trong đời
Đấng vô lượng chúng trọng
Vì nói thiệt tướng ẩn**

GIẢNG:

Đây là Ngài nói thật tướng ẩn, tức nói đến chỗ chân thật chứ không còn giấu giếm nữa. Ngài đem ánh sáng giác ngộ này soi sáng cho thế gian. Ngài ra đời chỉ vì một việc này thôi.

CHÁNH VĂN:

26- **Xá Lợi Phát! Nên biết
Ta vốn lập thế nguyện
Muốn cho tất cả chúng
Bằng như ta không khác
Như ta xưa đã nguyện
Nay đã đầy đủ rồi
Độ tất cả chúng sanh
Đều khiến vào Phật đạo**

GIẢNG:

Phật nói rõ hơn nữa, Ngài ra đời muốn cho mọi người bằng như Ngài, chứ không thua kém Ngài. Rõ ràng đó là tinh thần vô ngã chân thật, không giấu nghề.

Bởi lẽ thật này là lẽ thật nơi tất cả, cho dù có nói hết đi nữa cũng không nói hết chỗ đó, vì chỗ đó không thể dùng ngôn ngữ nói đến được. Trước kia Ngài đã nguyện, bây giờ đây đã đầy đủ rồi, độ hết cả chúng sanh đều khiến vào Phật đạo. Quý vị nghe như vậy có nghi không? Tại sao mình còn ngồi đây mà nói độ hết? - Trước Ngài đã gieo nhân lành, tạo duyên, gây niềm tin cho mọi người khiến cho ai cũng tin nhận mình có Phật tánh, có phần thành Phật đạo. Những vị trực tiếp nghe Ngài dạy thì đều được Ngài thọ ký. Nhưng đối với người chưa trực tiếp, Ngài cũng gián tiếp gieo nhân duyên đó, như mình đây, Ngài gián tiếp gieo cho mình tin nhận được cái chân thật đó, nghĩa là Ngài gieo nhân duyên đầy đủ hết chứ không bỏ sót ai.

CHÁNH VĂN:

Nếu ta gặp chúng sanh
Dùng Phật đạo dạy cả
Kẻ vô trí rồi sai
Mê lầm không nhận lời

GIẢNG:

Ngài nói rõ, nếu gặp ai Ngài cũng nói thành Phật hết thì với kẻ vô trí tâm loạn sẽ không tin nhận, nhiều khi còn phỉ báng trở lại, cho nên Ngài chưa vội nói, Ngài chỉ gieo duyên lành cho họ hướng đến.

CHÁNH VĂN:

Ta rõ chúng sanh đó
Chưa từng tu cội lành
Chấp chặt nơi ngũ dục
Vì si ái sanh khổ
Bởi như duyên các dục
Sa vào ba đường dữ
Xoay lăn trong sáu nẻo
Chịu đủ những khổ độ
Thân mọn thọ bào thai
Đời đời tăng trưởng luôn
Người đức mỏng ít phước
Các sự khổ bức ngặt
Vào rừng rậm tà kiến
Hoặc chấp có chấp không
Nương gá các chấp này
Đầy đủ sáu mươi hai

GIẢNG:

Như vậy cho thấy rõ những người thiếu căn lành đó, do chấp chặt nơi ngũ dục bị si ái làm khổ, cho nên từ đó mà đi vào ba đường dữ, luân hồi trong sáu nẻo, chịu khổ độc. Vì phước đức mỏng nên bị cái khổ nó bức ngặt, rồi ở trong rừng rậm tà kiến, chấp có chấp không, cứ thế mà lẩn quẩn mãi không ra khỏi. Ở đây hãy chú ý, sở dĩ khổ đó là từ đâu? - Vì si ái. Chính si ái đó mà khổ. Si là si mê không thấy đúng lẽ thật, rồi mới chấp vào cái ngã này, yêu tiếc lấy nó rồi từ đó tạo nghiệp chịu khổ thôi chứ gì? Cho nên nói nó là si ái. Chẳng hạn tham là tham cho cái gì? Tham cho cái ta này nó hưởng chứ gì? Rồi sân thì cũng do cái gì mà sân? Cũng do cái ngã này, vì đụng đến nó mà sân. Còn kiêu căng tự đắc là gì? Cũng vì cái ngã thôi, vì muốn đưa nó lên cao. Mà cái gì là ngã này? - Kiểm lại, cái này là giả dối thôi. Do si mê tưởng đâu là thật cho nên chấp là có ngã thật ở trong ấy, bám chặt vào đó rồi từ đó mà tạo tội chịu khổ. Bởi vậy nếu xét cho kỹ, mình bớt chấp ngã được chừng nào thì mình được nhẹ nhàng chừng nấy. Ở đâu, hay ở chỗ nào mà vắng bóng si ái này, vắng bóng cái ta này, cộng thêm cái của ta nữa thì chính ngay đó là Niết bàn chứ gì? Có bóng dáng của cái ta này là lối đi vào sanh tử, vắng bóng nó thì ngay đó là Niết bàn chứ không có gì khác. Cho nên Niết bàn không phải là chỗ nào khác mà ngay nơi hiện tại đây thôi. Nhưng ở đây mình vì cái si mê đó mà chấp chặt vào cái ngã này, do chấp chặt cái ngã đó mà sanh ra các tà kiến. Đây nói tà kiến đó như rừng rậm, vào trong đó rồi hết biết lối ra. Nghĩa là quanh quẩn trong những cái chấp đó, mà bao nhiêu

những tà kiến đó cuối cùng đem gom lại không ngoài hai thứ "có - không".

Nếu mình sạch những cái chấp có, chấp không thì ngay đó là lặng lẽ giải thoát. Nhưng mình đâu có chịu như vậy. Không chấp có thì cũng rơi vào chấp không, còn không chấp không thì cũng rơi vào chấp có.

Thí dụ mình nói tu hành phải đạt đạo. Đạo gì để đạt? Tưởng có đạo để đạt là chấp có, còn nếu bỏ không thêm tu gì hết là chấp không, thành ra lẫn lẩn, không ở bên này cũng rơi vào bên kia. Ở đây nếu quên được niệm phân biệt có - không thì ngay đó tâm lặng lẽ. Mà tâm lặng lẽ tức là Niết bàn, vậy thôi.

Vậy nếu không bám chấp vào đó thì sẽ mở sáng được con đường giác ngộ. Còn bám chặt vào đó thì lý thật bị che mờ. Cho nên Phật nói:

CHÁNH VĂN:

**Chấp chặt pháp hư vọng
Bền nhận không bỏ dặng
Ngã mạn tự khoe cao
Dua nịnh lòng không thiệt
Trong ngàn muôn ức kiếp
Chẳng nghe danh tự Phật
Cũng chẳng nghe chánh pháp
Người như thế khó độ**

GIẢNG:

Vì chấp chặt pháp hư vọng mà bền nhận không bỏ được, nên cứ lẫn lẩn mãi trong đó. Có khi cả muôn kiếp mà không nghe được danh tự Phật. Trong khi đó,

mình có duyên lành học Phật, tức là mình có hạt giống đó đã được gieo sâu rồi.

CHÁNH VĂN:

**27- Cho nên Xá Lợi Phát!
Ta vì bày phương tiện
Nói các đạo dứt khổ
Chỉ cho đó Niết bàn
Ta dầu nói Niết bàn
Cũng chẳng phải thiệt diệt**

GIẢNG:

Niết bàn là tịch diệt vắng lặng. Nhưng Ngài nói Niết bàn đó không phải thiệt diệt, bởi vì nhiều người nghe nói Phật đến khi chết là nhập Niết bàn, cho nên mình mắc kẹt trên từ Niết bàn. Ở đây, Phật nói Niết bàn là chỉ tâm lặng lẽ, dứt sạch những niệm phân biệt sanh diệt, thì ngay đó là Niết bàn, chứ không phải đến Niết bàn là diệt tất cả, không còn gì hết. Phật nói rõ:

**Ta dầu nói Niết bàn
Cũng chẳng phải thiệt diệt**

Do đó, trong kinh Kim Cang, Phật nói: "Độ chúng sanh vào Niết bàn mà không có chúng sanh nào diệt độ", để chỉ rõ cái sanh tử này nó không thật, những vọng tưởng này cũng không phải thật. Cho nên giác ngộ nó thì nó hết thôi, mà thể của nó vẫn sáng ngời, chớ không có vọng tưởng để diệt, cũng như không

có cái sanh tử để diệt, mà ở đây nói Niết bàn là để đối với sanh tử. Vậy cũng là hai pháp đối đãi mà thôi, phương tiện mà dựng lập. Cốt yếu là mình nhận rõ lại bản tâm của mình, bản tâm vốn là sáng ngời lạng lẽ từ xưa, khi nhận rõ nó thì thấy sanh tử, Niết bàn chỉ là hai danh từ, nên không mắc kẹt trên đó. Chú nghe nói nhập Niết bàn, rồi như vậy không biết đi đâu, không biết mình sống ra sao. Ở đây, nhập Niết bàn là sống với tâm chân thật của mình, không sanh không diệt đó, chứ không phải là đi đâu.

CHÁNH VĂN:

Các pháp từ bốn lai
Tướng thường tự vắng lặng
Phật tử hành đạo rồi
Đời sau đặng thành Phật
Ta có sức phương tiện
Mở bày khắp ba thừa
Tất cả các Thế Tôn
Đều nói đạo nhất thừa

GIẢNG:

Ở đây Phật nói rõ:
Các pháp từ xưa nay
Tướng thường tự vắng lặng

Như vậy là để nói lên cái gì? Quý vị nghe có nghi không? Trong khi đó mình thấy nó lạng xằng đủ thứ hết, ra ngoài đường là thấy xe chạy, sao vắng lặng được? Ở đây muốn chỉ cho thật tướng chứ không

phải chỉ cho tướng hư dối này. Chính những tướng này là tướng thật tướng thô, nhưng làm sao thấy được thật tướng này? Minh thấy tất cả tướng hiện tại đó, nhưng không khởi tâm động niệm phân biệt trên đó, thì nó có động có tịnh gì? Có sanh có diệt gì? Nói rõ hơn là, thấy tất cả mà không có chen cái ngã này vào, dù cho có sanh diệt thì những sanh diệt này cũng như như thô. Còn mình chen cái tôi vào mới sanh chuyện, chen cái tôi này mới có này có kia, có tôi có anh, có yêu có ghét, thì đó là sanh diệt. Còn thấy biết tất cả không chen tôi này vào, thấy nó là nó thô, nó vắng lặng là như vậy, là không có niệm sanh diệt, nó là nó như vậy thô, đó là thấy không sanh diệt. Vậy muốn nói lên ngay sanh diệt đó là vô sanh chứ không có gì khác, không phải chạy tìm cái vô sanh ở đâu. Do đó mà:

Phật tử hành đạo rồi
Đời sau đặng thành Phật

Thành Phật là thành cái sẵn tự vắng lặng đó, chứ không phải có cái khác. Và tuy mở bày nói ba thừa đó là đạo nhất thừa thô, cốt yếu là không ngoài đưa người trở về tri kiến Phật, cho nên nói gì thì nói, Ngài cũng nhấn mạnh chỗ đó.

CHÁNH VĂN:

Nay trong đại chúng này
Đều nên trừ nghi lầm
Lời Phật nói không khác
Chỉ một, không hai thừa

GIẢNG:

Phật nhấn mạnh lại khiến cho mọi người tin chắc chắn, Ngài nói phương tiện chỉ để đưa về nhất thừa.

CHÁNH VĂN:

28- Vô số kiếp đã qua
 Vô lượng Phật diệt độ
 Trăm nghìn muôn ức Phật
 Số nhiều không lường được
 Các Thế Tôn như thế
 Các món duyên thí dụ
 Vô số ức phương tiện
 Diễn nói các pháp tướng
 Các đức Thế Tôn đó
 Đều nói pháp nhất thừa
 Độ vô số chúng sanh
 Khiến vào nơi Phật đạo

GIẢNG:

Bao nhiêu Phật quá khứ ra đời, cũng không ngoài nói về tri kiến Phật, mở sáng tri kiến Phật, mới là căn bản, chứ đừng kẹt trên hình thức sai biệt.

Lại các đại thánh chúa
 Biết tất cả thế gian
 Trời người loài quần sanh
 Thâm tâm chỗ ưa muốn
 Bèn dùng phương tiện khác
 Giúp bày nghĩa đệ nhất

GIẢNG:

Đây nói các bậc đại thánh chúa là chỉ cho các đức Phật. Ngài biết được thâm tâm của mọi người ưa muốn cái gì đó, tùy chỗ ham muốn đó, Ngài dùng phương tiện để giúp bày cho nghĩa đệ nhất này. Những phương tiện Ngài đưa ra, là để thâm nhận cái này. Ngay đó, có ai cảm nhận được chỗ phóng quang chưa? Phật phóng quang đó cũng là cái gì? Đó cũng là phương tiện khác, để giúp bày cho nghĩa đệ nhất này, bởi vì nghĩa đệ nhất này không thể diễn tả được, cho nên phóng quang đó là nhắc cho mọi người nhớ ánh sáng đó. Hiểu được ý này, quý vị đọc sách Thiền thấy các Thiền sư cũng dùng cách này đánh thức mình. Chẳng hạn, các Ngài đưa ngón tay hay là cúi đầu hoặc là tăng hắng, le lưỡi cũng là cái gì? Cũng là phương tiện khác để giúp bày cho nghĩa đệ nhất này. Đưa ngón tay lên để làm gì? Để đánh thức nghĩa đệ nhất ngay trước mắt đó. Các Ngài tăng hắng, le lưỡi để đánh thức chỗ không thể nói được đó. Mình phải khéo vượt qua phương tiện đó để sống lại chính mình, soi lại mình đó là gốc. Do đó Ngài Bá Trượng nhắc là: "Đọc kinh, xem giáo lý phải luôn luôn soi lại mình".

CHÁNH VĂN:

**29- Nếu có loài chúng sanh
Gặp các Phật quá khứ
Hoặc nghe pháp bố thí
Hoặc trì giới nhẫn nhục
Tinh tấn, thiền, trí thấy
Các món tu phước huệ**

**Những người như thế đó
Đều đã thành Phật đạo.
Nếu người lòng lành dịu
Các chúng sanh như thế
Đều đã thành Phật đạo**

GIẢNG:

Ở đây nói về các chúng sanh gặp các đức Phật trong quá khứ đã tu hành lục độ, tâm được lành dịu thuần thực thì cũng trở về Phật đạo hết. Nghĩa là lục độ đó cũng là phương tiện khác của Phật đạo, cũng từ nơi tánh giác đó nó thúc đẩy, đánh thức mình trở về thôi. Tu lục độ là tu bố thí, trì giới, nhẫn nhục....Như bố thí là để buông xả hết cái chấp, bớt hướng về cái ngã này, để sống trở về với tánh giác. Đó cũng là phương tiện để đưa mình tới Phật thừa.

CHÁNH VĂN:

**30- Các Phật diệt độ rồi
Người cúng dường xá lợi
Dựng muôn ức thứ tháp
Vàng, bạc và pha lê
Xà cừ cùng mã não
Ngọc mai khô, lưu ly
Thanh tịnh rộng nghiêm sức
Trau giồi nơi các tháp
Hoặc có dựng miếu đá
Chiên đàn và trầm thủy
Gỗ mật cùng gỗ khác
Gạch ngói bùn đất thảy**

**Hoặc ở trong đồng trống
Chứa đất thành miếu Phật
Nhấn đến đồng tử giỡn
Nhóm cát thành tháp Phật
Những hạng người như thế
Đều đã thành Phật đạo**

GIẢNG:

Đây nói về cúng dường tháp miếu xá lợi, dựng miếu đá v.v cho đến những đứa bé chơi giỡn, nhóm cát thành miếu, dần dần công đức đầy đủ cũng thành Phật đạo hết.

Vậy có ai bị bỏ sót không? Những đứa bé giỡn chơi nhóm cát thành tháp Phật đó, tại sao nó không làm thứ khác mà làm tháp miếu? Tức mấy đứa bé đó nó cũng có chủng tử này, nó mới hiện ra hình tướng. Như vậy để thấy hạt giống Phật nó hiện ra rồi. Hoặc có những anh chàng say rượu vô chùa lại niệm Phật, tuy say rượu nhưng còn có hạt giống. Những vị như vậy dần dần chứa nhóm công đức đầy đủ cũng đều thành Phật đạo, chỉ là đủ duyên hoặc chưa đủ duyên phát hiện.

CHÁNH VĂN:

**31- Nếu như người vì Phật
Xây dựng các hình tượng
Chạm trở thành các tượng
Đều đã thành Phật đạo
Hoặc dùng bảy báu làm
Thau, đồng bạch, đồng đỏ**

**Chất nhôm cùng chì kẽm
Sắt, gỗ cùng với bùn
Hoặc dùng keo, sơn, vôi
Nghiêm sức làm tượng Phật
Những người như thế đó
Đều đã thành Phật đạo**

GIẢNG:

Nghĩa là dùng các hình tượng chạm trổ hoặc những chất kim khí, gỗ hoặc keo, sơn, vôi v.v... để làm thành tượng Phật đó thì cũng đều đầy đủ công đức thành Phật đạo hết.

CHÁNH VĂN:

**Vẽ vời làm tượng Phật
Trăm tướng phước trang nghiêm
Tự làm hoặc bảo người
Đều đã thành Phật đạo
Nhấn đến đồng tử giỡn
Hoặc cỏ cây và bút
Hoặc lấy móng tay mình
Mà vẽ thành tượng Phật
Những hạng người như thế
Lần lần chứa công đức
Đầy đủ tâm đại bi
Đều đã thành Phật đạo
Chỉ dạy các Bồ tát
Độ thoát vô lượng chúng**

GIẢNG:

Đây nói lên chạm trổ, vẽ tượng Phật, đó là những cái nhân lành, những hạt giống Phật nó biểu hiện ra, dần dần đầy đủ những công đức rồi cũng đều thành Phật đạo. Đây chú ý, Phật nói rõ: lần lần chứa đầy đủ công đức mới thành Phật đạo chứ không phải liền khi đó! Vậy để thấy rõ nhân quả phải được viên mãn mới thành Phật. Mình vẽ hay chạm trổ hình tượng Phật đó là cái nhân Phật biểu hiện ra, lần lần đầy đủ thì quả được viên mãn. Nhân và quả được viên mãn tương ứng với nhau thì thành Phật.

Cho thấy, đâu đâu cũng để cho mình chứa nhóm hạt giống Phật, không có chỗ nào bỏ qua. Cho nên mình không chấp cái này bỏ cái kia, hay là mình không chấp vào chút ít công phu của mình cho là đủ. Đây Phật nói rõ phải lần lần chứa những công đức đầy đủ tâm đại bi đó, chứ không phải nghe nói dùng cây bút vẽ hình tượng Phật thôi là đủ rồi, là lắm. Đó chỉ là một cái duyên, một cái nhân chứa nhóm hạt giống Phật của mình, mà còn phải bồi dưỡng những công đức cho được đầy đủ viên mãn thì mới thành tựu quả Phật.

CHÁNH VĂN:

**32- Nếu người nơi tháp miếu
Tượng báu và tượng vẽ
Dùng hoa, hương, phan, lọng
Lòng kính mà cúng dường
Hoặc khiến người trở nhạc
Đánh trống, thổi sừng ốc
Tiêu, địch, cầm, không hầu**

Tỳ bà, chụp chả đồng
Các tiếng hay như thế
Dem dùng cúng dường hết
Hoặc người lòng vui mừng
Ca ngâm khen đức Phật
Nhấn đến một tiếng nhỏ
Đều đã thành Phật đạo

GIẢNG:

Đây Phật nói về cúng dường hương hoa, ca nhạc, tức là dùng hoa, hương, ca nhạc để cúng dường cho Phật, cho đến một tiếng khen ngợi nhỏ thôi, cũng đều thành Phật đạo hết. Như vậy, trong mọi sinh hoạt hằng ngày, mình đang sống trong ánh sáng Phật, không rời Phật thật đó một giây phút nào hết, nhưng mình lại ít để ý, tự quên, rồi lang thang chạy theo trần cảnh trong sáu trần để chịu luân chuyển. Ở đây, từ chỗ sống hằng ngày, khéo tin nhận trở về là mình đang đi trên con đường giác ngộ. Vậy, thành Phật không phải là chuyện của ai khác, mà đây là việc bốn phần của mỗi người. Coi như không ai thiếu hết, chỉ mình khéo tin nhận thôi, khéo tin nhận nơi tâm của mình, đó chính là Phật thật.

CHÁNH VĂN:

Nếu người lòng tán loạn
Nhấn đến dùng một bông
Cúng dường nơi tượng vẽ
Lần thấy các đức Phật
Hoặc có người lễ lạy

Hoặc lại chỉ chấp tay
Nhấn đến gờ một tay
Hoặc lại hơi cúi đầu
Dùng dây cúng dường tượng
Lần thấy vô lượng Phật
Tự thành đạo vô thượng
Rộng độ chúng vô số
Vào vô dư Niết bàn
Như củi hết lửa tắt

GIẢNG:

Những người lòng tán loạn, chỉ dùng một bông cúng dường tượng vẽ, lần lần gập gỡ các đức Phật, cũng đều thành tự được đạo vô thượng, cho đến hơi cúi đầu, gờ tay thôi, không có chỗ nào thiếu vắng. Đây quý vị đọc thấy rõ:

Lần thấy vô lượng Phật
Tự thành đạo vô thượng

Thành đó là thành tự thân thôi chứ không có đạo gì ở bên ngoài mà thành. Đó là mình sống trở về với mình, cho nên những cái này là gọi cho mình sống trở lại thôi. Thành đạo vô thượng rồi thì độ vô số chúng vào vô dư Niết bàn, như củi hết lửa tắt.

Củi hết lửa tắt là nghiệp hết, không còn có tạo tác, không còn có chỗ để dẫn mình đi luân hồi, nên gọi là nhập Niết bàn. Đây nói như củi hết lửa tắt vậy thôi chứ không nói ra sao, có người nghe nói vậy không biết nhập Niết bàn ra sao, rồi suy nghĩ xem nhập chỗ nào, càng sai thêm. Nhập Niết bàn là dứt

ngiệp sanh tử thôi, ngay đó thì lặng lẽ, chứ không nói nhập thế nào, nhập đi đâu, còn nghĩ tới đi đâu là nghĩ tới sanh tử.

CHÁNH VĂN:

**Nếu người lòng tán loạn
Vào nơi trong tháp miếu
Một xưng Nam mô Phật
Đều đã thành Phật đạo
Nơi các Phật quá khứ
Tại thế hoặc diệt độ
Có người nghe pháp này
Đều đã thành Phật đạo**

GIẢNG:

Vào trong tháp xưng Nam mô Phật thôi cũng không mất nhân đó, như vậy để thấy rõ, không có chỗ nào mà nó thiếu hết. Bao nhiêu phương tiện, bao nhiêu duyên lành đều là gợi lại cái sẵn có nơi mình, mà mình không dám nhận. Do đó, cúng dường hay làm các công đức khác cũng đều để soi lại nó, đó mới là Phật chính.

Tóm kết lại đoạn này, là nói tất cả các đức Phật trong thời quá khứ đã khơi dậy cho những người nghe được pháp này, cuối cùng những người đó cũng thành Phật đạo. Quý vị nghe như vậy còn mình thì sao? Các vị đó từ khen một tiếng nhỏ, chỉ chấp tay, hơi cúi đầu thôi, rốt ráo rồi cũng thành Phật đạo hết. Mình ở đây có ai thành chưa? Đó là khiến cho mọi người có đủ niềm tin nơi chính mình, ai ai cũng đều có hạt giống Phật đó. Tin nhận và sống trở về cái đó thì ai cũng đủ

khả năng để giác ngộ. Nếu giác ngộ mà chưa đầy đủ thì mình từ phạm tiến lên bậc Hiền, rồi dần dần lên bậc Thánh, còn sống trọn vẹn thì thành một vị Phật. Vậy là ai ai cũng đều có những cơ hội để mình gặp gỡ lại ông Phật đó hết, nhưng mình đã bỏ qua rất nhiều cơ hội. Đưa ngón tay trước tượng Phật, thì cái gì thúc đẩy đưa ngón tay lên? Ngay đó, nếu mình nhớ trở lại, thì mình có cơ hội sống trở về rồi.

CHÁNH VĂN:

**34- Các Thế Tôn vị lai
Số nhiều không thể lường
Các đức Như Lai đó
Cùng phương tiện nói pháp
Tất cả các Như Lai
Dùng vô lượng phương tiện
Độ thoát các chúng sanh
Vào trí vô lậu Phật.**

GIẢNG:

Các đức Phật Thế Tôn vị lai nói pháp cũng đều đưa người về trí tuệ vô lậu thôi. Nhưng quý vị biết Phật vị lai đó là ai không? - Đó là những vị Phật đang ngồi nghe pháp này.

CHÁNH VĂN:

**Nếu có người nghe pháp
Không ai chẳng thành Phật**

Nếu có người nghe pháp thì không ai mà không thành Phật cả. Vậy quý vị đang nghe pháp đây thì không phải là Phật vị lai sao?

**Các Phật vốn thế nguyện
Ta tu hành Phật đạo
Khấp muốn cho chúng sanh
Cũng đồng đặng đạo này**

Tức muốn cho mọi người đều thể nhập vào tri kiến Phật thôi.

**Các Phật đời vị lai
Dầu nói trăm ngàn ức
Vô số các pháp môn
Kỳ thiệt vì nhất thừa**

Ngài nhấn mạnh lại là tất cả cũng đưa về nhất thừa thôi.

**Các Phật lưỡng túc tôn
Biết pháp thường không tánh
Giống Phật theo duyên sanh
Cho nên nói nhất thừa**

GIẢNG:

Đây là điểm cần phải chú ý!

Lưỡng túc tôn: là đầy đủ cả hai: phước, trí trang nghiêm, tức hai điều phúc đức và trí tuệ. Một đức Phật là phải đầy đủ hai cái đó, còn thiếu một là chưa viên mãn và các Phật đó:

Biết pháp thường không tánh
Giống Phật theo duyên sanh

Đó là sao? Giống Phật theo duyên sanh là nhờ duyên mà nó sanh, như vậy thành ra duyên sanh ra giống Phật sao? Ở đây phải hiểu cho thật kỹ vì đây là lý sâu xa!

Giống Phật theo duyên sanh: cho thấy ở đây ai cũng có hạt giống Phật đó hết, nhưng mà theo duyên sanh tức là có duyên được gặp gỡ Phật, Bồ tát, Tổ, những vị Thiện tri thức nhắc lại, gọi lại mình, mình liền nhớ ra, sự tỉnh lại thì đó gọi là theo duyên sanh, chứ không phải nói cái duyên nó sanh ra hạt giống Phật.

Ngài nói các pháp không tánh, là - Không thật nhiễm hay là tịnh, không thật cố định là phàm hay là thánh, là chúng sanh hay là Phật. Mê thì gọi chúng sanh, giác thì gọi là Phật, không cố định chúng sanh là chúng sanh thật, không cố định Phật là Phật thật. Nếu Phật cố định là Phật rồi thì mình không mong gì thành Phật được. Như vậy mê cũng không cố định là mê, ngộ thì hết mê. Vậy ngộ cũng không thật ngộ nữa, không thật có cái ngộ riêng. Do đó, nếu mình theo duyên nhiễm thì đi vào sanh tử, đó gọi là mê, còn theo duyên tịnh là trở về Niết bàn.

Vậy ngay nơi tâm thể chính mình, cái đó nó không có nhiễm-tịnh, sanh diệt gì. Khi đầy đủ nhân duyên tương ứng thì mình liền giác ngộ hạt giống Phật nơi mình, tức là tánh giác sẵn có chứ không phải cầu bên ngoài. Nó có sẵn đó, khi gặp duyên đầy đủ gọi lại thì mình nhớ lại, nó hiện ra, còn thiếu duyên thì nó ẩn.

Câu chuyện Ngài Nam Tuyên cúng trai Mã Tổ:

Một hôm Ngài cúng kỵ Mã Tổ, Ngài thử trong chúng bèn hỏi:

- Hôm nay cúng trai Mã Tổ, vậy Mã Tổ có đến hay không?

Trong chúng không ai đáp được, vì Mã Tổ đã tịch rồi, bây giờ cúng cơm hỏi Ngài có đến không. Nói sao đây? Lúc đó Ngài Lương Giới bước ra thưa rằng:

- Đợi có bạn liền đến.

Ngay đó Ngài Nam Tuyền liền khen:

- Chú nhỏ này tuy hậu sanh cũng khéo dưa gọt.

Hỏi cúng trai Mã Tổ, Mã Tổ có đến hay không, vậy đó là Mã Tổ gì? - Muốn nói đến pháp thân chân thật sẵn có nơi mình, nó đâu có hình tướng gì. Cũng giống như Mã Tổ tịch rồi, để chỉ ra cái không hình tướng thì đâu có đến, đâu có đi. Không đến không đi, thì cúng cho ai đây? Cho nên mọi người không ai thấy được ý đó. Ngài Lương Giới hiểu rõ được pháp thân chân thật đó nên Ngài nói "Đợi có bạn liền đến". Có bạn là đủ duyên, đủ duyên thì liền đến. Pháp thân của mình không có hình tướng gì, nhưng đủ duyên thì nó liền hiện. Minh tu hành, khi công phu tương ứng, hay được các bậc Thiện tri thức đánh thức, gọi lại, đủ duyên mình liền cảm nhận ngay. Cảm nhận tức là đến. Giống như đây Phật nói, các hạt giống Phật theo duyên sanh là như vậy.

CHÁNH VĂN:

**Pháp đó trụ ngôi pháp
Tướng thế gian thường còn
Nơi đạo tràng biết rồi
Đức Phật phương tiện nói**

GIẢNG:

Chỗ này mỗi người phải nghiệm cho kỹ, pháp đó là pháp gì mà nó trụ nơi ngôi pháp, mà tướng thế gian thường còn? Nói vậy có trái với hiện tại không? Thế gian là sanh diệt, ở đây Ngài nói "tướng thế gian thường còn!" Muốn thấy được tướng thế gian thường còn này thì phải rõ được pháp đó, mà pháp đó là pháp gì? - Đó là chỉ cho pháp thể vô tướng, hay gọi là tri kiến Phật. Nó ở ngay ngôi pháp tức là sao? Đây muốn cho mình thấy rõ, sum la vạn tượng đầy dẫy nó đang sanh diệt lăng xăng chỉ là trên giả tướng thôi, còn trên pháp thể vô tướng nó vẫn hằng bất động.

Nghĩa là mình thấy tất cả mà không chen cái ngã vào, thì nó là nó thôi, nên pháp đó trụ ngôi pháp. Đây là cái nào mình trả về cái đó, đừng sanh thêm tâm phân biệt vào đó, như Ngài Văn Môn nói:

- Cây gậy chỉ là cây gậy thôi.

Còn mình thêm "cây gậy của tôi", mới sanh chuyện! Cây gậy là cây gậy, có sanh diệt gì đâu. Như vậy nó trụ ngay nơi nó thôi, mình thấy cây gậy thì cái thấy nó trụ nơi cái thấy thôi, đừng có dẫm chân vào cái khác, ngay đó mình rõ được thế gian thường còn. Đây cho thấy ngay nơi tướng sanh diệt hiện tại, nó ngấm đầy đủ cái thể bất sanh bất diệt trong đó, nếu mình đừng được niệm phân biệt thì cảm nhận ngay cái chân thật hiện hữu. Kinh Hoa Nghiêm có bài kệ:

Nhất thiết pháp bất sanh
 Nhất thiết pháp bất diệt
 Nhược như như thị giải
 Chư Phật thường hiện tiền.

Nghĩa là:

Tất cả pháp chẳng sanh
Tất cả pháp chẳng diệt
Người hiểu được như thế
Chư Phật thường hiện tiền.

Nếu thấy tất cả pháp không sanh diệt, là mình sống trở về với tâm bất sanh bất diệt, thì ngay đó Phật hiện tiền. Còn mình theo tâm sanh diệt để sống, đem tâm sanh diệt nhìn tất cả, thì tất cả đều sanh diệt. Đó là nói về các vị Phật vị lai cũng nhắm thẳng vào việc chính đó. Bây giờ tới Phật hiện tại.

CHÁNH VĂN:

**Hiện tại mười phương Phật
Của trời, người cúng dường
Số nhiều như hằng sa
Hiện ra nơi thế gian
Vì an ổn chúng sanh
Cũng nói pháp như thế
Biết vắng bật thứ nhất
Bởi dùng sức phương tiện
Dầu bày các món đạo
Kỳ thiệt vì Phật thừa**

GIẢNG:

Ở đây cần chú ý, Phật hiện tại ra đời cũng vì an ổn chúng sanh, nên nói pháp như thế thôi. Các

Ngài biết vắng bật thứ nhất, tức là các ngài biết, các pháp vốn là vắng bật, nó bật hết các nói năng suy nghĩ, vượt ngoài ngôn ngữ phân biệt, không thể bàn luận, cũng không thể dùng cái tình thức này để hiểu được. Nhưng chính vì không thể nói được, nên các Ngài phải dùng phương tiện để diễn bày, sự thật cũng vì một Phật thừa này thôi. Tùy theo tâm hạnh chúng sanh có sai biệt, nên các Ngài dùng phương tiện nói ra những phần sai biệt, hoặc nói quả này quả kia, nhưng cốt để đưa mọi người trở về tánh giác, tức một Phật thừa đây.

CHÁNH VĂN:

**Biết các hạnh chúng sanh
Thâm tâm có nghĩ nhớ
Nghiệp quen từ quá khứ
Tánh dục, sức tinh tấn
Và các căn lợi độn
Dùng các món nhân duyên
Thí dụ cùng lời lẽ
Tùy cơ phương tiện nói**

GIẢNG:

Phật biết chúng sanh có các nghiệp từ quá khứ, đã nghĩ nhớ cái gì, cho nên Ngài theo chỗ nghĩ nhớ đó mà dùng phương tiện để nói, để đánh thức trở lại. Bởi khi có nghĩ nhớ thì sao? Nghĩ nhớ cái này, nghĩ nhớ cái kia tức quên mất cái hiện tiền, nên các Ngài mới phương tiện đánh thức mình trở lại.

CHÁNH VĂN:

35 - Ta nay cũng như vậy
Vì an ổn chúng sanh
Dùng các món pháp môn
Rao bày nơi Phật đạo
Ta dùng sức trí huệ
Rõ tánh dục chúng sanh
Phương tiện nói các pháp
Đều khiến đặng vui mừng

GIẢNG:

Phật nói rõ, Ngài dùng sức trí huệ nên biết rõ tánh dục tức là lòng ham muốn của chúng sanh, mà dùng các phương tiện nói pháp khiến cho họ được vui mừng. Thí dụ như có người chưa chịu thành Phật, chưa chịu giải thoát, chỉ muốn đời sau sinh ra được sung sướng thôi, hoặc được hưởng an vui, Phật nói thành Phật thì làm sao họ chịu, vì vậy Phật phải dùng phương tiện bảo họ là ráng tu tạo công đức, tu phước lành, giữ năm giới cho kỹ, thì đời sau sanh ra được tốt đẹp hoặc tu thập thiện đời sau sanh ra được lên cõi trời, khỏi rơi vào các đường dữ. Nói như vậy, đó là Phật cũng phương tiện thôi, để cho họ bắt đầu trở về dần dần, mà chưa thể nói thẳng được thành Phật.

CHÁNH VĂN:

Xá Lợi Phất nên biết!
Ta dùng mắt Phật xem

Thấy sáu đường chúng sanh
 Nghèo cùng không phước huệ
 Vào đường hiểm sanh tử
 Khổ nối luôn không dứt
 Sâu tham nơi ngũ dục
 Như trâu "mao" mển đuôi
 Do tham ái tự che
 Dui mù không thấy biết
 Chẳng cầu Phật thế lớn
 Cùng pháp dứt sự khổ
 Sâu vào các tà kiến
 Lấy khổ muốn bỏ khổ
 Phật vì chúng sanh này
 Mà sanh lòng đại bi.

GIẢNG:

Phật dùng mắt Phật đó mà xem:
 Thấy sáu đường chúng sanh
 Nghèo cùng không phước huệ

Nghèo đây là nghèo gì? - Nghèo phước, nghèo tuệ. Chúng sanh quá nghèo về phước đức và trí tuệ, nên mới chìm sâu trong vô minh. Chính chìm sâu trong vô minh mà luôn luôn tạo nghiệp, đi vào trong các khổ, giống như con trâu mao nó mển cái đuôi của nó. Người do tham ái nó tự che, dui mù, không có trí tuệ, nên không cầu Phật thế lớn để đi ra khỏi các khổ não đó.

Trâu mao là chỉ cho con bò rừng, lông đuôi của nó rất là dài, nó rất yêu quý giữ cái lông đuôi đó, khi đi nếu có cây gì mọc vào thì nó liền dừng lại, không dám động dây gì hết. Nhưng vì lông dài và đẹp nên

cũng hay bị người bắt để lấy lông đuôi làm chui cờ, dải mũ..., vì tiếc giữ cái lông đuôi đó mà chịu khổ. Cũng giống mình đây, vì tham ái bám vào cái ngã này rồi cũng đi vào các khổ, bị những cái tham sân si nó dẫn mình đi vào trong sanh tử. Con bò rừng này bị người bắt, còn mình thì ai bắt đây? - Bị sanh tử bắt vào trong luân hồi này chịu khổ. Chính vì đó mà Phật gọi là đui mù không thấy biết.

Mình đây hai mắt mở sáng, nhưng Ngài cũng nói là đui mù. Đui mù đây là thiếu trí tuệ, cho nên mở mắt mà vẫn đui là như vậy. Chính mình vì tham ái, yêu tiếc cái thân này, nên nó dẫn mình đi luân hồi hoài hoài không dứt. Thí dụ khi sắp chết, thân này nó sắp mất rồi, thì sao đây? Bỏ không đành, vì mình đã sống với nó mấy chục năm, bây giờ bỏ nó đâu đành. Cứ quyến luyến, tiếc không thể bỏ nó được, nhưng bất ngờ nó rã thì liền chụp cái khác để thế vào, có phước thì chụp được cái tốt tốt, nếu thiếu phước lỡ chụp vào có hai sừng thì mệt, vì lúc đó đụng cái gì chụp cái nấy thôi, đâu có lựa chọn được.

Chỉ người có trí tuệ, có đạo lực mạnh làm chủ được, thì mới có thể lựa chọn. Cho nên Phật mới sinh lòng đại bi mà giáo hóa để đánh thức mình trở lại.

CHÁNH VĂN:

**36 - Xưa, ta ngồi đạo tràng
Xem cây cùng kinh hành
Trong hai mươi một ngày
Suy nghĩ việc như vậy:**

Đây Phật thuật lại, khi Ngài thành đạo,

Ngài đi kinh hành, trong hai mươi mốt ngày đó
Ngài suy nghĩ:

**Trí huệ của ta dặng
Vi diệu rất thứ nhứt
Chúng sanh các căn chậm
Tham vui si làm mù
Các hạng người như thế
Làm sao mà độ dặng?**

GIẢNG:

Ngài thấy rằng, trí tuệ mà Ngài chứng được đó, nó quá vi diệu, khó nói, khó diễn tả được, trong khi đó chúng sanh căn chậm lụt, bị tham vui si mê che lấp nên bị mù. Tham vui mà si là sao? - Tham vui theo ngũ dục, chịu theo cái ngã này, nên không thấy được lẽ thật, vọng chấp vào đó là si, hạng người như vậy, làm sao mà độ dặng đây, do đó Ngài muốn nhập Niết Bàn.

CHÁNH VĂN:

**Bấy giờ các Phạm Vương
Cùng các trời Đế Thích
Bốn thiên Vương hộ đời
Và trời Đại tự tại
Cùng các thiên chúng khác
Trăm nghìn ức quyến thuộc
Chấp tay cung kính lễ
Thỉnh ta chuyển pháp luân**

GIẢNG:

Đến đây các vị Trời Đế Thích, Phạm Vương, tứ Thiên Vương, Trời Đại tự tại, cùng các quyền thuộc đó, cùng đến để thỉnh Ngài chuyển pháp luân.

CHÁNH VĂN:

Ta liền tự suy nghĩ
 Nếu chỉ khen Phật thừa
 Chúng sanh chìm nơi khổ
 Không thể tin pháp đó
 Do phá pháp không tin
 Rớt trong ba đường dữ
 Ta thà không nói pháp
 Mau vào cõi Niết Bàn
 Liền nhớ Phật quá khứ
 Thật hành sức phương tiện
 Ta nay chứng đặng đạo
 Cũng nên nói ba thừa.

GIẢNG:

Ngài thương xót, cho nên phương tiện nói. Như vậy ngay buổi đầu Phật đã thổ lộ cho mình thấy rõ, chỗ chân thật đó vượt ngoài ngôn ngữ, không thể diễn tả được, không thể nói bày được. Nhưng giờ đây, từ chỗ không thể nói đó, mới phương tiện nói ra, vậy có nói ra đều là phương tiện cả, mình chớ chấp theo phương tiện đó, mà phải thấy tốt ý ban đầu kia, ý sâu xa đó! Chỗ này là chỗ Ngài ngầm đánh thức mình, **phải thâm nhận ý ngoài lời.**

CHÁNH VĂN:

37 - Lúc ta nghĩ thế đó
Mười phương Phật đều hiện
Tiếng phạm an ủi ta
Hay thay! Đức Thích Ca
Bực Đạo Sư thứ nhất
Đặng pháp vô thượng ấy
Tùy theo tất cả Phật
Mà dùng sức phương tiện
Chúng ta cũng đều đặng
Pháp tối diệu thứ nhất
Vì các loại chúng sanh
Phân biệt nói ba thừa.

GIẢNG:

Lúc đó thì mười phương, các đức Phật hiện ra khen ngợi Ngài: Hay thay! Đức Thích Ca, Ngài đã đặng pháp vô thượng, mà các Đức Phật đều chúng đặng như vậy, pháp đó là pháp tối diệu thứ nhất, nhưng vì các loại chúng sanh mới phân biệt nói ra ba thừa, nghĩa là, các pháp chứng nghiệm của các Ngài đó rất là khó nghĩ bàn được, chỉ tự thâm chứng thôi, nên mình vừa nghĩ đến nó là sai rồi. Bởi vậy trong nhà thiên hỏi: "Thế nào là đại ý Phật pháp?". Bị đánh liền. Muốn hiểu nó tức là biến nó thành ra cái bị hiểu rồi, nên các Ngài chỉ đánh thôi, đánh cho mình bật suy nghĩ để tự thâm nhận, nhưng ở đây vì:

CHÁNH VĂN:

Trí kém ưa pháp nhỏ

**Chẳng tự tin thành Phật
Cho nên dùng phương tiện
Phân biệt nói các quả
Dầu lại nói ba thừa
Chỉ vì dạy Bồ tát.**

GIẢNG:

Do mọi người trí còn kém nên ưa pháp nhỏ, ưa pháp nhỏ là sao? Cũng giống như mình nói tu giải thoát thành Phật chưa chịu, phải từ từ có được chút chút gì đó thì mình mới chịu. Ví dụ bảo: "Tu phải tu rất ráo viên mãn trở về chính mình thôi, không được gì hết". Thấy cũng hơi buồn. Tu năm ba năm thì chứng được cái quả gì đó, hoặc lên được bậc tranh thứ ba, thứ tư nào đó, thì thấy an ủi, đó là ưa pháp nhỏ. Cho nên ở đây Ngài nói rằng:

- Chẳng tự tin thành Phật.

Bởi vậy các Ngài nói các quả, có quả Thanh Văn, Duyên Giác, Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm... Nhưng sự thật chỉ một tâm này thôi, chớ có gì khác.

Thí dụ tu chứng Tu đà hoàn, thì Tu đà hoàn là ai? Tư đà hàm là ai? Có phải người nào khác không? Cũng một tâm này thôi, do phiền não của tâm mình nó bớt được bao nhiêu. Nếu bớt được một phần là chứng Tu đà hoàn, bớt phần nữa thì chứng Tư đà hàm, bớt phần nữa chứng A na hàm, còn phiền não hết thì chứng A la hán, đó là phương tiện, chứ không phải thật. Cho nên Ngài nói:

**Dầu lại nói ba thừa
Chỉ vì dạy Bồ Tát**

Dầu Ngài nói ba thừa cũng chỉ dạy Bồ tát thôi.

CHÁNH VĂN:

38 - Xá Lợi Phát nên biết!
Ta nghe các Đức Phật
Tiếng nhiệm mầu rất sạch
Xưng: "Nam mô chư Phật!"
Ta lại nghĩ thế này
Ta ra đời trước ác
Như các Phật đã nói
Ta cũng thuận làm theo

GIẢNG:

Khi Ngài nghe chư Phật nói như vậy, Ngài nghĩ lại, Ngài ra đời trong đời ác trước này, cho nên Ngài cũng phải tùy thuận theo như các Đức Phật đó.

CHÁNH VĂN:

Suy nghĩ việc đó rồi
Liên đến thành Ba Nại
Các pháp tướng tịch diệt
Không thể dùng lời bày
Bèn dùng sức phương tiện
Vì năm Tỳ kheo nói.

GIẢNG:

Từ chỗ không nói đó, Ngài phải dùng phương tiện nói ra, nên mới vì năm tỳ kheo ở vườn Lộc Dã mà nói pháp.

CHÁNH VĂN:

**Đó gọi chuyển pháp luân
Bèn có tiếng Niết Bàn
Cùng với A la hán
Tên pháp, tăng sai khác.**

GIẢNG:

Từ đây mới có tên Niết Bàn, có tiếng A la hán, có tiếng Pháp Tăng. Vậy Niết Bàn, A la hán, Phật, Pháp, Tăng, những tên này là gì? Từ chỗ không tên mà tạm bày có tên. Ban đầu không thể nói, rồi đến vườn Lộc Dã Phật nói pháp Tứ Đế, mới có tên Niết Bàn. Nói Tứ Đế, khi dứt sạch được phiền não chứng được Niết Bàn có tên A la hán, có được năm vị, tức năm vị đó là có Tăng, gồm đủ Phật - Pháp - Tăng - Tam Bảo. Đó cũng là cái tên, mình phải thấy lại cái gốc, chứ đừng mắc kẹt trên tên đó. Nghĩa là Phật hay Pháp hay Tăng đó là gốc từ đâu? - Phật là tâm sáng suốt, Pháp là tâm chân chánh, Tăng là tâm thanh tịnh chớ gì! Đó là cái chân thật nơi mình. Còn Phật, Pháp, Tăng, tên bên ngoài đó là những tên phương tiện.

CHÁNH VĂN:

**Từ kiếp xa vẫn lại
Khen bày pháp Niết Bàn
Dứt hẳn khổ sống chết
Ta thường nói như thế.**

Do đó, Ngài khen pháp Niết Bàn để giải thoát sanh tử.

CHÁNH VĂN:

39 - Xá Lợi Phát phải biết!
Ta thấy các Phật tử
Chí quyết cầu Phật đạo
Vô lượng nghìn muôn ức
Đều dùng lòng cung kính
Đồng đi đến chỗ Phật
Từng đã theo các Phật
Nghe nói pháp phương tiện
Ta liền nghĩ thế này:
Sở dĩ Phật ra đời
Để vì nói Phật huệ
Nay chính đã đúng giờ

GIẢNG:

Đây là Phật thuật lại, Ngài thấy bao nhiêu người chí quyết cầu Phật đạo đó, đều dùng lòng cung kính đi đến chỗ Phật nghe pháp phương tiện từ đó tới nay, đến đây là đúng giờ rồi, đến đây tâm tâm được tương ứng. Như vậy, khi đúng thời, đúng lúc, hai bên tương ứng nhau, nói ra gọi lại, thì mình liền cảm thông, cái này không phải do một bậc gì, hay do quyền lực tối cao đem đến cho mình, mà nó sẵn nơi mình thôi, nhưng mình chưa nhận được, bởi vì chưa đúng thời, và mình chưa đủ lòng tin thuần thực, cho nên Phật phải chờ đúng giờ là như vậy.

CHÁNH VĂN:

Xá Lợi Phát phải biết!

**Người cần chậm trí nhỏ
Kẻ chấp tướng kiêu mạn
Chẳng thể tin pháp này**

GIẢNG:

Kẻ chấp tướng, kiêu mạn thì không tin nổi pháp này. Bởi vì sao? - Kiêu mạn, chấp tướng, là muốn đưa nó lên thoi, thấy giả tướng này bám vào nó, đâu tin được chân thật kia, cho nên khó tin.

CHÁNH VĂN:

**Nay ta vui vô úy
Ở trong hàng Bồ Tát
Chính bỏ ngay phương tiện
Chỉ nói đạo vô thượng.
Bồ Tát nghe pháp đó
Đều đã trừ lưới nghi
Nghìn hai trăm La Hán
Cũng đều sẽ thành Phật.**

GIẢNG:

Đến đây là đã tự tin mình thành Phật rồi, trước là Thanh Văn nay thành Bồ Tát, vậy quý vị thấy sao? Trước là Thanh Văn tin được rồi thì đến đây là Bồ Tát, như vậy các pháp thường không tánh rõ ràng, cũng như mình ở đây, tin được cái này thì mình chuyển phàm tiến lên thánh và

Nghìn hai trăm La Hán
Cũng đều sẽ thành Phật

La hán này cũng thành Phật hết, đâu phải A la hán hoài.

CHÁNH VĂN:

Như nghi thức nói pháp
Của các Phật ba đời
Ta nay cũng như vậy
Nói pháp không phân biệt.

GIẢNG:

Phật kết lại, Ngài cũng tuân theo nghi thức của chư Phật đó mà nói pháp, phương tiện nói thành ba thừa, nhưng rốt lại cũng đưa vào nhất thừa.

CHÁNH VĂN:

Các Đức Phật ra đời
Lâu xa khó gặp gỡ
Chính sử hiện ra đời
Nói pháp này khó hơn
Vô lượng vô số kiếp
Nghe pháp này cũng khó
Hay nghe được pháp này
Người đó cũng lại khó.

GIẢNG:

Ở đây, khiến mình có thêm niềm tin, các đức Phật đó ra đời khó gặp gỡ rồi, Phật ra đời nói pháp này càng khó hơn, mình nghe được pháp này càng khó hơn nữa. Nghe đây có hai phần, nghe bằng lỗ tai là một, còn nghe thấu qua lỗ tai nữa. Hay nghe được pháp này tức tin nhận sâu xa tự tâm mình đó, thì người đó thật là ít có nữa.

CHÁNH VĂN:

Thí như hoa Linh thoại
Tất cả đều ưa mến
Ít có trong trời, người
Lâu lâu một lần trở.

GIẢNG:

Đây là Ngài nhắc nhở, mình được cái duyên lành đó không phải là dễ dàng, cho nên chớ bỏ qua cơ hội, nghe được, tin nhận được thì tin liền. Bởi vì từ vô lượng kiếp mình trầm luân mê mờ ở trong sanh tử này, bây giờ chợt nghe được điều này, tức là hạt giống này đang sống dậy, không chịu tin nhận còn đợi gì nữa? Nếu tin nhận được cái này, còn gì vui sướng hơn! Cho nên Ngài nói ít có.

CHÁNH VĂN:

Người nghe pháp mừng khen
Nhấn đến nói một lời

**Thời là đã cúng dường
Tất cả Phật ba đời.**

GIẢNG:

Nghe pháp tin nhận, mừng khen, thì Ngài nói đó là cúng dường ba đời chư Phật rồi, quý vị cúng dường như thế này thì khoẻ hơn đi mua đồ cúng dường không? Ở đây Phật muốn nói rằng: Mình cúng dường Phật là tin nhận trở lại mình, nghe lời Phật ứng dụng thực hành sống trở về, đó mới là cúng dường chân thật. Còn cúng dường bằng hương hoa là để mình gieo duyên lành sống trở lại cái này.

**Người đó rất ít có
Hơn cả hoa Ưu Đàm
Các ông chớ có nghi
Ta là vua các pháp
Khấp bảo các đại chúng
Chỉ dùng đạo nhất thừa
Dạy bảo các Bồ Tát
Không Thanh văn đệ tử.**

GIẢNG:

Phật ân cần dặn đi dặn lại, quả là hết tình vì mình rồi đó. Ngài chỉ dùng đạo Nhất thừa để dạy thôi, chứ không Thanh văn đệ tử. Như vậy Ngài bác bỏ hàng thanh văn đệ tử hay sao? Đây nói Thanh Văn đệ tử đó, cũng là dẫn dắt trở về thôi, thật sự ý Ngài không phải nằm chỗ đó.

CHÁNH VĂN:

**Xá Lợi Phát các ông!
Thanh Văn và Bồ Tát
Phải biết pháp môn này
Bí yếu của các Phật.**

GIẢNG:

Ngài nhấn mạnh, pháp này là bí yếu của chư Phật, bí yếu chỗ nào? - Đó là chỗ sống của chư Phật, chư Phật đều giữ gìn chỗ đó, gặp người tương ứng thì mới thâm trao cho, đó là chỗ sống ngay nơi nội tâm của mọi người, mà mọi người không hay biết. Nếu sống rời cái này tức là sao? - Tức là mê. Nhưng chỗ đó không phải riêng của chư Phật, mà mọi người ai cũng đều có; mình phải dừng đi cái niệm lăng xăng, tìm cầu bên ngoài; thâm nhận trở lại thôi. Vì đó là chỗ khó diễn tả, cho nên gọi là chỗ bí yếu.

CHÁNH VĂN:

**Bởi đời ác năm trước
Chỉ tham ưa các dục
Những chúng sanh như thế
Trọn không cầu Phật đạo.**

Theo các dục nên không thành giác ngộ.

**Người ác đời sẽ tới
Nghe Phật nói nhất thừa
Mê lầm không tin nhận**

**Phá pháp đọa đường dữ
Người tâm quý trong sạch
Quyết chí cầu Phật đạo.**

Người có lòng tâm quý trong sạch đó, thì quyết chí cầu đến Phật đạo tức cầu đến giác ngộ.

**Nên vì bọn người ấy
Rộng khen đạo nhất thừa
Xá Lợi Phất nên biết
Pháp các Phật như thế
Dùng muôn ức phương tiện
Tùy thời nghi nói pháp
Người chẳng học tập tu
Không hiểu đặng pháp này.**

GIẢNG:

Đây phải nhớ, pháp mà các Phật tùy nghi nói ra, người không có học tập tu, thì không hiểu đặng pháp này, vì sao? - Vì pháp này không phải pháp để nói suông trên văn tự, trên ngôn ngữ, mà phải thể nghiệm nơi chính mình, mới có thể hiểu được pháp này.

CHÁNH VĂN:

**Các ông đã biết rõ
Phật là thấy trong đời
Việc phương tiện tùy nghi
Không còn lại nghi lầm
Lòng sanh rất vui mừng
Tự biết sẽ thành Phật**

GIẢNG:

Rất vui mừng là sao? - Tự biết sẽ thành Phật, chớ không phải là phỏng đoán lơ mờ, mà chắc chắn sẽ thành Phật, nói nhiều rồi cũng quy về chỗ tự biết thôi. Đó là điều mà mỗi người phải tự kiểm lại. Từ trước đến nay Phật nói nhiều phương tiện, rồi cũng để nhấn mạnh lại chỗ sống trở về tánh giác của mình, rốt cuộc là tự thâm nhận nơi chính mình. Mà cái thành Phật ở đây là thâm nhận lại cái sẵn có nơi mình thôi, chỗ này mình cảm nhận được rõ ràng, chớ không phải chỗ này do chư Phật, chư Tổ bên ngoài nói, không thể nghiệm được, đó cũng thiếu thực tế. Mà đây mình tự biết được rõ ràng, đó là lẽ thật một trăm phần trăm.



